

Văn đàn

TUẦN BÁO VĂN-NGHỆ XÃ-HỘI THỜI-SỰ * RA NGÀY THỨ NĂM

Chủ nhiệm : PHẠM-DỊNH-TÂN
Chủ bút : PHẠM-DỊNH-KHIÊM
Tòa soạn 290/11 Công-Lý — Saigon
Đ.T. 25.168

TRONG SỐ NÀY :

NGƯỜI YÊU NƯỚC SÁNG SUỐT

của PHẠM-DỊNH-TÂN

TIỀU SỬ CHÍ SĨ NGUYỄN
TRƯỜNG-TỘ

của NGUYỄN-BÁ-THẾ

NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ và Y-ĐĂNG
BÁC-VĂN

của ĐÀO-ĐĂNG-VÝ

TÔI VIẾNG MỘ VÀ GIA-DỊNH CHÍ
SĨ NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ

của PHẠM-DỊNH-KHIÊM

THƠ

của A-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI,

MINH-ĐẠO — NGÓ-GANH

VÀI CẢM TƯỞNG VỀ NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC CỦA NGUYỄN-

TRƯỜNG-TỘ

của Kiến-trúc-sư NGÓ-VIẾT-THỤ

NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ, KIẾN-TRÚC.
SƯ TIÊN KHỞI TRONG NGÀNH

KIẾN TRÚC MỚI VIỆT-NAM

của PHẠM-DỊNH-KHIÊM

HAI BẢN ĐIỀU TRẦN CỦA
NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ :

— KẾ HOẠCH GÂY NHÂN TÀI

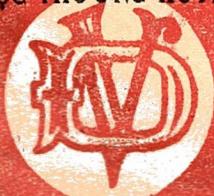
— KẾ-HOẠCH TĂNG CƯỜNG
QUỐC-PHÒNG

QUANG-XÁN và

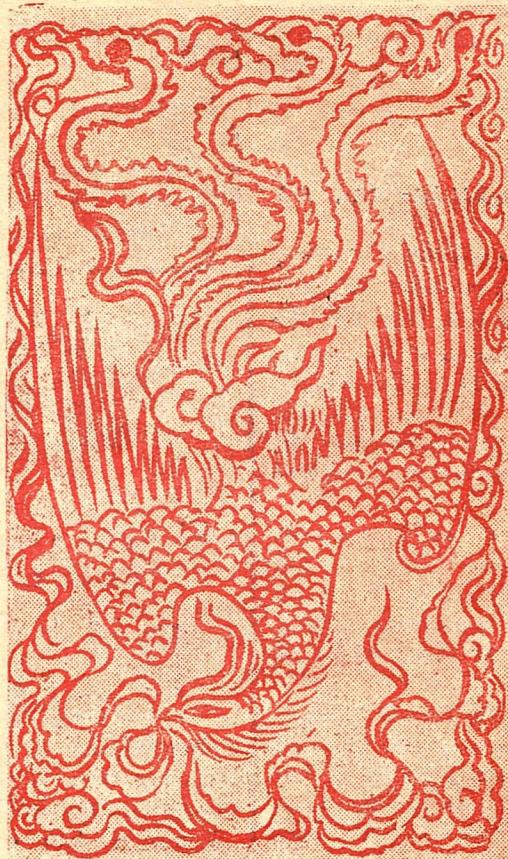
HỮU-HUYỀN dịch

MÃY-VĂN THƠ NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ

VÀ CÁC MỤC THƯƠNG XUYÊN...



SỐ ĐẶC-BIỆT



NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

Kỷ-niệm Cửu-Thập chục-niên
huy-nhất của Tiên-sinh

LÁ THƯ TÒA-SOAN

BẢN BỘC THÂN MÊN.

Cứu lâm hẹn với các bạn, hôm nay chúng tôi trong trọng gởi đến các bạn và toàn thể đồng bào số báo đặc biệt kỷ niệm Chí sĩ NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ nhân dịp ngày giỗ lần thứ 90 của Tiên sinh (1871-1961).

Kỷ niệm Nguyễn Tiên sinh là chúng ta kỷ niệm

Một nhà ái quốc
Một bậc đạo đức
Một bộc giả
Một văn sĩ
Một thi sĩ
Một giáo sư
Một kỹ sư cầu cống, hầm mỏ
Một lý thuyết gia kinh tế
Một bình luận gia chính trị
Một nhà cải cách xã hội
Một nhà ngoại giao
Một nhà chiến lược
Tóm lại : Một con người hoàn toàn, tình hòa của nòi giống Việt.

Với một vĩ nhân « toàn diện » như vậy, không một giới nào trong quốc dân là không cảm thấy có những liên hệ ràng buộc mật thiết.

Giới nào cũng có thề tự hào vì trong hàng ngũ này đã có Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh như bậc tiền phong hoặc như tiêu biểu xứng đáng, mặc dầu khì thế và cuộc đời ngẫu ngài 41 năm không cho phép Tiên sinh thi thoả tro tro tài năng.

Cảm phục Tiên sinh, nhớ ơn Tiên sinh, trước đây một số người trong quốc dân đã tự động góp tiền xây mộ cho Tiên sinh. Và các bậc đầu anh trong làng văn, làng báo đã hiến dương thân thế, sự nghiệp và nhất là chí lớn của Tiên sinh.

Số đặc biệt này của Văn-Đàn nối tiếp truyền thống vinh dự ấy. Máy trang mông manh, đổi hàng đơn bạc, nào xứng gì đâu với uy danh của bậc Thày đáng kính, nhưng chúng tôi mạo muội dâng lên trước Anh bồn Người, mong Người chấn giáng cho tác lòng thành của đoàn bạn tên.



Để thoaег cảm với bạn đọc, chúng tôi (tường) cũng được phép trình bày thêm vài điều về số báo này. Tuy đơn giản và mông manh, số đặc biệt này cũng tiêu biểu được một bước tiến mới trên phương diện tin tức nhân vật lịch sử họ Nguyễn. Sau các công trình khảo cứu của các ông Lê-Dư, Lê-Thước, Nguyễn-Trọng-Thuật, Đào-đặng-Vỹ, Đào-day-Anh, Nguyễn-Lân, Dương-quang-Hàm, sự tìm hiểu về Nguyễn Trường-Tộ của sinh trong vài chục năm gần đây đã làm nên không ít điều mới mẻ, ngoài trừ bẩm lai dịch đều tròn trong Văn-học Á-châu.

Với số này Văn-Đàn cống hiến thêm hai bài dịch Điều-trần và rồi đây sẽ tiếp tục dịch trọn bộ di-thảo quý giá của Tiên-sinh. Nhờ tập tài liệu của gia đình Tiên-sinh, Văn-Đàn có thể đánh chính và bù túc nhiều điều về cuộc đời và sự nghiệp Tiên-sinh. Và đặc biệt, lần thứ nhất, Văn-Đàn phát giác tài liệu và nghiên cứu kỹ về công cuộc kiến trúc của Tiên sinh dưới khía cạnh lịch sử và nghệ thuật; đồng thời, Văn-Đàn cũng giới thiệu ánh sáng vào bức Chân dung khả kính của Tiên sinh.

Nhưng đây mới là bước đầu để nối tiếp công trình của các bậc đàn anh trước năm 1941, hy vọng sẽ còn có những bước tiếp theo không ngừng.

Nguyễn vọng của chúng tôi là cùng với bạn đọc thân yêu, cùng với những đồng bào ngưỡng mộ Tiên sinh tiến tới việc thành lập một « ỦY BAN NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ », để phát huy tư tưởng học thuật của Tiên sinh.

Đối diện với pho tượng Trương Vinh Ký ở đại lộ Thống Nhất — hoặc & nơi khác trong Đô thành — chúng tôi ước mong di tượng Nguyễn Trường-Tộ sẽ xuất hiện đè nén cao gường sáng và chí cả của Tiên sinh muôn đời.

Và trước mong, trong mươi năm nữa, là kỷ niệm bách chu niêa húy nhật Tiên sinh sẽ là cơ hội cho những cuộc Hội thảo và Triển lãm lịch sử với đề tài « Nguyễn-Trường-Tộ và thời đại », như cách người ta mới kỳ niệm một sứ giả bên Mỹ năm trước.

Hôm nay, đốt nea hương lòng tưởng niệm Tiên sinh, chúng tôi bùi ngùi nhớ lại hai câu thơ Tiên sinh ngẫu hứng *ngay trong giờ làm chung*, ngày 10 tháng 10 năm Tỵ đúc 24 (1871) :

Nhất thất tức thành thiên cõi hận

Tát hồi đầu thị bách niên thân.

Lược dịch :

Một ló ngàn sau ôm hận mãi,

Trăm năm nghĩ lại chúc thân rời I

Đó, lời di chúc thiêng liêng mà Tiên sinh lưu lại cho quốc dân.

Lúc này hoa bao giờ hết, chúng ta cần suy nghiệm và đem ra thực hành di ngôn ấy.

VĂN-ĐÀN



« Giựt gân » các bạn ký giả Ba-lê cái chơi !

BÁO chí Việt-Nam ở Sài-gòn vừa được báo chí Ba-lê chú ý đến nhờ một cái « tin giựt gân ». Chẳng những thế, có lẽ báo chí cả hoàn cầu cũng chịu thua tài « săn tin » của vài tờ báo ở đây.

Trước hết báo « L'Aurore », nhắc đến tin đăng trong một nhật báo ở đây, theo đó thì các cuộc tấn công vùng Tây ninh, Bình dương là nằm trong kế hoạch của Bảo-Đại sau khi đã hội kiến với Hồ chí Minh ở Hà-nội.

Cũng báo « L'Aurore », còn điểm một tin nữa của một tờ báo Việt khác nói rằng Bảo-Đại dường như đã lập một chính phủ lưu vong với sự thỏa thuận của Hà-nội, trong đó y giữ chức Thủ-tướng kiêm bộ Quốc-phòng.

Đến lượt một tờ báo có nhiều uy tín trong dư luận Pháp, tờ « Le Monde » cũng phải « giựt mình » khi đọc bài cái tin « giựt gân » của hai tờ báo Sài-gòn. Báo ấy phải cho là « lạ kỳ »

và phê bình thẳng thắn rằng : « Đó chỉ là một câu chuyện ngụ ngôn hóa » (affabulation) (— nghĩa là « huyền-hoặc » vậy !) Báo này lại viết : « Thật để minh chứng rằng ông cựu hoàng kia không có đi Hà-nội và cũng không có lập một chính phủ với sự ủng hộ của Việt-Minh ». Trước sự kiện như thế, nhà báo Pháp cố nạo óc tìm hiểu lý do, ý nghĩa của việc « sáng tạo » tin tức kia. Rồi anh ta viết :

« Rõ ràng là báo chí Việt-Nam có ý muốn gạt bỏ Bảo-Đại ra bằng cách làm cho Bảo-Đại thành kẻ thiên-cộng, để phô trương một trường hợp cũng khó có thể xảy ra, là trường hợp Huê-ký nghĩ đến ông ấy »!

Không biết điều ấy có trúng kẽ của các nhà tạo tin không ?

Truyện ngụ ngôn thua gì truyện Phong-Thần

Giữa hai lập luận, dư luận quốc tế sẽ nghiêng về bên nào ? Chắc chắn

(Xem tiếp trang 23)

NGƯỜI YÊU NƯỚC SÁNG-SUỐT

« NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ là người yêu nước sáng-suốt bậc nhất.»

Đó không phải là ý-khiến riêng của sứ-gia Từ-ngọc Nguyễn-Lân khi ông viết về « bậc vĩ-nhân đệ nhất nước Việt-Nam hồi thế-kỷ thứ 19 ».

Đó cũng là ý-khiến chung của mọi người, người trong nước cũng như người ngoại-quốc, một khi hiểu biết rõ dời ông.

Một danh-nhân Nhật-Bản hồi mới duy-tân là Y-Đặng Bắc-Văn đã nói về ông : « Kè tài, trí thì ông hơn tôi nhiều, nhưng cứ theo tình-thế của hai nước, tôi sẽ có thể dễ-dàng thành-công còn ông thì e sẽ hoàn-toàn thất-bại ».

Quả thực bậc vĩ-nhân Việt-Nam đã lâm vào cảnh mà bậc vĩ-nhân Nhật-bản tiên-đoán. Và lời trên đây của bậc vĩ-nhân Nhật-Bản đã chứng tỏ ông hiểu rành-mạch tinh-thần và tâm-trạng người Việt-Nam hồi đó.

Nhưng dầu tài không đặc-dụng, trí không được người đồng-thời biết tới; chí-nguyên cũng không thành bậc vĩ-nhân Việt-Nam vẫn tỏ là người xuất-chứng, người vượt lên trên số đông, người của thời-dai. Ông ôm hận mà chết nhưng tư-tưởng của ông không mai-một, tinh-thần ông vẫn sáng ngời cho muôn vàn thế-hệ mai sau.

Ông không có chức-tước nhưng ngày nay người ta phải đặt ông ngang hàng với các danh-nhân siêu-việt trên hoàn-vũ.

Ông không có một mảnh bẳng, nhưng ngày nay người ta phải khâm-phục ông là nhà bác-học uyên-thâm.

Ông không làm cách-mạng chính-trị hay xã-hội nhưng ngày nay người ta phải tôn ông là nhà cải-tiến quốc-gia.

Ông không đánh đòn dẹp bắc, nhưng ngày nay người ta phải kính ông là chiến-lược-gia phi-thường.

Ông không cầm gươm chống ngoại-bang nhưng ngày nay người ta phải công-nhận ông là nhà ái-quốc sáng-suốt bậc-nhất.

Còn gì nữa?

Ông không là gì cả nhưng ông là tất cả.

của PHẠM-DINH-TÂN

Ông đã viết trong một bản điều-trần :

« Về học-vấn, món gì tôi cũng đề ý, trên là thiên-văn cao xa, dưới là địa-lý sâu-sắc, giữa là nhân-sự phồn-phức, cho đến luật-lịch bình-thư, bách-nghệ, cách-trí, thuật số, đều là đề ý đến nơi cả.»

Cho nên không việc gì là ông không biết, không vấn-dề nào là ông không am-tường. Từ việc lớn đến việc nhỏ, từ lý-thuyết đến thực-hành, từ việc quốc-nội đến việc quốc-ngoại, hết thảy ông đều thông-hiểu, đều biết rõ rành-mạch. Ông cũng chứng ra được những bằng-cớ hiền-nhiên, những lý-luận xác-đáng, những cách-thức thi-hành tường-tận.

Nếu ông biết bàn đến việc mỏ-mạng kinh-thanh Huế, việc tri-thủy tại Bắc-Kỳ thì ông cũng biết sửa-chữa đồng-hồ, biết lau chùi máy-móc.

Nếu ông biết đào sông, tìm mỏ như bắt cứ kỹ-sư Đại-học Bách-khoa nào khác, thì ông cũng là một kiến-trúc-sư lỗi-lạc. Tu-viện các bà phước Dòng Thánh Phao-Lô thành Chartres ở đường Crông-Đê Saigon hiện nay chứng tỏ tài kiến-trúc của ông với muôn thế-hệ...

Nếu ông là một nhà nho tân-tiến, nhà cải-cách học-thuật thì ông cũng là nhà cải-lương phong-tục, nhà cứu-tế xã-hội.

Nếu ông biết bàn đến thuế-khoa, đến thống-kê và đặc-diễn thì ông cũng biết trình-lý gây gọn về sự liên-lạc giữa triều-đình và dân-chúng, sự cải-tổ quan-lại,

Nếu ông tinh-thông về nội-irij thì ông cũng sáng-suốt trong việc ngoại-giao, việc quốc-tế.

Trong bản điều-trần ngày 18 tháng giêng năm Tự-Đức thứ 19 (5-3-1866) ông đã tiên-đoán việc phế-truất Hoàng-đế Nã-Phá-Luân đệ tam ở Pháp về bốn năm sau (1870).

Trong bản điều-trần ngày 2 tháng 8 năm Tự-Đức thứ 24 (16-9-1871) ông viết những lời này về cuộc thế-chiến 1914-1918 : « Thế nào nước Nga cũng liên-hiệp với nước Phổ để cho Phổ ra tay phía Tây-Bắc mà Nga hoành-hoành phía Tây-Nam. Khi đó nếu sức của Pháp đã phục lợt và cùng nước Anh liên-hợp đi nữa cũng không thể thắng được »

(Xem tiếp trang 4)

Người yêu nước sáng suốt

(TIẾP THEO TRANG 3)

Lời dự đoán trên đây tuy không hoàn-toàn đúng cả nhưng cũng đã chứng tỏ sự trông xa thấy rộng của ông.

Về quốc-nội, ông đề-nghị lập đoàn kỵ-binh để cho bộ binh đỡ mệt, lập đội thủy-bin để phòng thủ duyên-hải, dựng xưởng máy để khuếch-trương kỹ-nghệ. Ông cam đoan nếu nhà vua ưng thuận, ông có thể vay từ 8 đến 9 triệu ở Hương-cảng để chi-dụng vào ba việc trên đây.

Thế là không những ông thông-thạo về lý-thuyết và thực-hành nhưng còn giỏi về đàng giao-tế nữa.

Nhưng tất cả cái học-thức uyên-bác, cái tài-bang qnán-thể, cái trí-óc minh-mẫn mà ông phô bầy trong những bản điều-trần của ông không phải để khoe-khoang hay để trục lợi mà chính là biếu-lộ một lòng ái-quốc thấm-thía và sáng-suốt vô song. Và chính lòng ái-quốc của ông là nguyên-nhân và động-lực của tập di-thảo quí báu ấy.

Ông đã viết :

« Ông Hàn-công xưa có nói : biết mà không nói là bất-nhân, nói mà không hết là bất-nghĩa. Nay tôi tuy ở chỗ giang-hồ mà lòng vẫn ở nơi đế-khuyết, tôi không rõ trông nước nhà chia-xé, trăm họ lưu-ly, dù chúc-phận thấp-hèn cũng không ngại tỏ bày đường-dột ».

Thế là ông viết, viết những điều đã học-hỏi được ở nước ngoài, viết để bàn về việc chấn-chỉnh quê-hương, cải-tiến xú-sở. Đó không phải là lòng can-dảm, lòng yêu nước thiêng-tha ư ?

Thù hỏi thời ấy ai đã dám nói lên những điều lạ tai lạ mắt để mang lấy tội khi-quân ? Thế mà ông đã dám làm, dám để-trích những bản điều-trần rất mực khôn - ngoan, đầu ông là người Công-giáo, hàng người mà triều - đình và số đông thời ấy hắt - hủi, kết tội, cấm không cho đi thi. Nếu không có lòng yêu nước tuyệt vời thì ai dám có thái-dộ can-trường và thẳng-thắn như thế ?

Trong bản điều-trần ngày 10 tháng 3 năm Tự-Đức thứ 24 (29-4-1871) ông đã viết :

« Tôi đem hết tâm-trí để lo việc nước, vậy thì việc nước là việc nhà ».

Thực rõ-ràng. Ông coi nước là nhà, và nhà là nước. Nhà còn chẳng muốn tan thì nước tất phải muốn thịnh. Nước thấp hèn thì nhà cũng lụn bại. Ông còn yêu nước một cách thấm-thía hơn nữa : Ông coi nước là chính thân mình. Trong bản điều-trần ngày 28 tháng 8 năm Tự-Đức thứ 24 (12-10-1871) ông viết :

« Người bất trung với nước tất bất trung với mình. » (Phàm bất trung vu quốc giả tức thị bất trung vu ký giả). Thế là ông coi mình là nước và nước là mình. Mình còn chẳng muốn cho suy-nhuược, tất nước cũng chẳng muốn cho chậm tiến, suy-vong.

Cho nên ông chẳng sợ mất lòng, không ngại điều nguy-hiểm, cứ cố công gào hép lên những điều phải nói, những việc phải làm.

Thời nay ai đã có những thái-dộ ấy chưa ? Ngày có lẽ có nhiều người học giỏi, tài cao nhưng còn muốn hầu-hạ người để cầu mong phú quí hơn là về phung-sự quốc-gia !

Dẫu không được đặc-dụng, dẫu những lời kêu gọi thầm-thía của mình không được ai lưu ý, ông cũng không giận-dỗi, oán-hờn. Ông chỉ than-thở trong bản điều-trần ngày 2 tháng 5 năm Tự-Đức thứ 24 (19-6-1871) :

« Chỉ vì tôi là kẻ thường dân và lời nói lại không vượng, nên triều-đình không thèm để ý đến, chứ nếu có ông Không-Minh sống lại mà viết ra tập tấu này thì dù có sai lện một đôi điều, cũng chẳng ai dám bàn đến »

Ông Không-minh không sống lại nhưng với những bản điều-trần kia ông đã chẳng là Không-Minh thời bấy giờ ? Chỉ có một điều khác là Không-Minh được trọng-dụng mà ông bị bỏ rơi. Và đó là chỗ thiệt-hại cho Việt-Nam thời ấy và di-hại cho Việt-Nam cho đến bây giờ !

Tuy vậy, ông không chán-nản, ông không ngã lòng. Ông chỉ nghĩ đến nước, chỉ lo cho quê-hương. Ngay đến khi thân đã tàn, hồn đã kiệt, ông vẫn còn viết :

« Hiện nay tôi đau bệnh tê-thấp, gần thành một người phế-tật, phải nằm ngửa trên giường mà viết ».

Yêu nước đến thế là cùng ! Không giận dỗi, không oán-hờn, không ghen-ghét, không thù-hận. Hơi thở còn thì còn nói, tay còn cử động được thì còn viết. Nước chưa tiến mà mắt còn mở thì còn phải lo cải-cách, còn phải thức-tỉnh quốc-dân, còn phải kêu gọi kẻ cầm quyền chối dậy để kịp tiến theo người !

Không một lời nguyền-rủa, không một tiếng cõ-võ sự rẽ chia, không một câu súc-siêm nỗi loạn, không một hành-dộng kêu gọi ngoại-bang ! Than-thở thì có than-thở chứ không một giọng phản-dộng, hai lòng.

Yêu nước như thế mới là yêu nước chân-chính, yêu nước thấm-thía, sáng suốt.

Yêu nước như thế mới là kiến-thiết quê-hương mà không súc-phạm ngoại-quốc. Yêu nước như thế không căm-thù ngoại bang mà lo cho nòi giống một ngày một tiến, một hơn người.

Yêu nước như thế là yêu mọi người như anh em một nhà : « Tứ hải giai huynh-dệ ».

Nguyễn Trường-Tộ quả thực là sự hi-sinh hiện thân hiến dâng cho Tò-quốc ! Giữa lúc « Tò quốc lâm nguy » hiện nay bao giờ hết, tấm gương yêu nước sáng suốt của ông phải được treo cao cho toàn thể soi chung.

PHẠM-DỊNH-TÂN

TIỆU SỬ CHÍ-SĨ NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ

XÉT trong lịch-sử Việt-Nam, khoảng giữa thế kỷ XIX, trong hàng anh tài bác-học có trí thức quốc-tế không kém gì các tay ngoại giao giỏi ngày nay, hẳn không ai bằng Ông Nguyễn Trường-Tộ. Sự học rộng thấy xa của Nguyễn tiên sinh đã dành vượt hẳn người đương thời, mà khoa kiến-trúc cũng vào bậc thầy, tài văn chương cũng liệt, vào bậc đại-văn-hào.

Nguyễn Trường-Tộ người thôn Bùi-Chu, huyện Hưng-Nguyên tỉnh Nghệ-An. Thân sinh là Nguyễn Quốc-Thư — một nhà đồng y, nêu thuở bé ông học chữ nho ngay với cha. Ít lâu, nhân dời nhà ở ngang nhà thờ đạo Thiên-chúa ở Tân-Ấp, tiên sinh được cha cho đi học với các thầy giỏi ở quanh vùng. Nhưng học văn chương mà xem ra ông không mấy chú trọng đến từ chương, óc dã sóm nuôi chí lớn; chuộng đường thực dụng mà chán lối hú vần. Năm 23 tuổi, chí ấy càng lộ rõ ra, khiến thầy học là ông cống sinh Hựu ở Kim-Khê phải lấy làm khen, khuyên ông nên đến học với viên nguyên tri-huyện Địa-linh mở trường ở làng Tân-Lộc. Ông vâng theo.

Một lần, theo thầy và bạn lên chơi núi Lụ-Sơn, giữa lúc ai nấy đua nhau ngâm vịnh, ông lại ngồi yên lặng, có dáng suy tư. Bạn đồng học trêu ghẹo:

— Bí vận chưa nghĩ ra thơ à?

Ông thản nhiên hỏi lại bạn:

— Núi này cao bao nhiêu? rộng bao nhiêu? Cách hòn Song-ngư độ mấy里?

Ông vẫn thường đem theo mình một cuốn sổ tay, nghĩ được điều gì liền ghi chép để sau nghiên cứu.

Học ba năm với ông huyện Địa-linh, trước sau ông chỉ dự von vẹn có một kỳ thi khảo, làm một bài phú theo lối văn cũ nghiệp, do ông huyện ép mãi ông phải làm. Thế mà bài của ông được chấm vào hạng ưu, rõ là tài văn chương nào kém chi ai, và nếu ông muôn, có công trau giồi huấn hổ từ chương, trên đường cử nghiệp hẳn ông cũng đã ngất

ngưởng bia đá bảng vàng. Nhưng không suốt đời, ông đã không hề thi cử chi cả.

Sau chí hiếu học, lại được một dịp may mắn đề mở đường cho ông tham khảo lối học Âu-Tây: Mậu-Ngo 1858, nhà thờ đạo Thiên-chúa ở Tân-Ấp mời ông làm thầy dạy Hán-văn. Ông nhận lời. Vị Giám-mục người Pháp là Gauthier (ta quen gọi là Ngô-gia-Hậu) phục ông là người thông minh nhanh nhẹn, bèn dạy ông học Pháp-văn và Khoa-học phồn-thông. Chỉ trong hai năm, sức học của ông đã khá cao. Bấy giờ ông mới 31 tuổi.

★ của NGUYỄN-BÁ-THẾ ★

Canh-thân 1860, Giám-mục Gauthier đưa Nguyễn Trường-Tộ sang Âu-châu. Trên đường về Pháp, ông được cùng Giám-mục Gauthier ghé nước Ý yết kiến đức Giáo-hoàng. Rồi đặt chân trên đất Paris, Ông ngủ ở đây mà học tập. Trong vài năm, sức học thêm rộng, chẳng những lưu tâm về văn-nghệ học-thuật của phương tây, ông cũng nghiên cứu cả về chính trị, kỹ-nghệ, cơ khí.

Đến khi trở về nước, ngang qua Huống-cảng, ông lại được một vị Giám-mục người Anh yêu mến, giữ ở lại. Khoảng này, một hôm nhân di thăm viếng miếu Hạng Võ, ông cảm hứng có câu:

Anh hùng dụng võ ghi vô đĩa
Chiến thắng thành công tự hữu thiên.
(Dùng võ anh hùng không thiếu dũng,
Nên công chiến thắng ở như trời)

Lại một hôm chơi núi ở Quảng-dông, ngồi ngài cho thẩn thế chẳng biết ngày mai có được như chí nguyện hay rồi ra sẽ thế nào, ông bâng-khuâng làm bài thơ như sau:

Thừa nhàn tỷ lý trực đăng san.
Túc hạ phong sinh chuyền giác hàn.
Hãi mạn dĩ cùng thương mẫn ngoai,
Bồi hồi như tại bích vân đoan.
Tam hoàn thành thị phân minh khán,

Lưỡng Quảng giang san chí chưởng gloan.

Vạn lý phù dao như khà tá,
Lặng không hòi quốc bát ưng nan.

Bản dịch của Từ-ngọc :

Thư nhàn bước tốt định non chời.
Đến gót hiu hiu glo lạnh người.
Đá lục long thang bên gốc bè.
Nay còn lờ lững giấu mây trời.
Ba vòng thành thi trong từng chỗ,
Hai Quảng non sông trả khắp nơ.
Muôn dặm glo đưa như mương được,
Muốn về đắt nước chẳng bao hơ.

Hai câu thúc kết, ông đã bộc lộ tình ý với nước non nhà, bao giờ cũng một tấm lòng son chan chúa, tha thiết niềm quyết tâm tô diêm cho đất nước.

Bởi lòng thương quê cha đất tổ ông chỉ ở Huống-cảng vài tháng, rồi từ giã vị Giám-mục người Anh, hăm hở về nước. Vị Giám-mục Anh trao tặng ông vài trăm bộ sách Pháp-văn và Hán-văn, đủ loại. Nhưng không may giữa đường gặp bọn giặc bè đón đánh, các rương sách bị chúng ngó là rương vàng bạc, quần áo, cuồng mắt cá, ông chỉ còn giữ được bên mình vài quyển Hán-văn.

Non nước Việt bấy giờ đang ở vào cảnh chuẩn bị chiến tranh chống xâm-lăng, và đang bị đặt vào tình thế bất lợi. Ông vốn là người Công-giáo, thông Pháp-văn, trong lúc cần dùng người cố nhiên người Pháp đều đề ông đứng ngoài vòng. Quân đội Pháp ở trong Nam, đón ông ở lại Sài-gòn, dùng làm thông dịch viên. Ông toan từ chối, nhưng còn từ chối làm sao được trong hoàn cảnh ấy.

Tuy nhiên, làm việc với người Pháp nhưng lòng ông vẫn là lòng người Việt, bao giờ cũng hướng về đất tổ quê cha. Những khi phiên dịch giấy tờ, Ông vẫn cố giữ quốc thể và hết sức lựa chiều che chở.

Đến khi hòa-ước 5.6.1862 ký kết, ông lui về quê nhà ở thôn Bùi-chu, rắp tâm đem những điều sở đặc giúp dân giúp nước.

Dù sao, như tự biết mình đã bị đặt trong cái thế khó chạy khỏi bị nghi ngờ, (Xem tiếp trang 6)

Chí-sĩ Nguyễn Trường-Tộ ★ Chí-sĩ Nguyễn Trường-Tộ ★ Chí-sĩ

(Tiếp theo trang 5)

trong một bản « *Tران tình khởi* » gửi cho một vị quan triều ngày 20 tháng 3 năm Tự-đức 16 (7 Mai 1863), ông biện minh tấm lòng mình ở cuối bài giải tỏ : « *Nếu triều-dinh lượng xét đến nỗi khổ làm cản tôi mà tha cho cái hình tích lỡ lòng kia, tôi xin đem hết tài lực ra hiệu dụng.* » Trong bài, còn có hai câu tò iám u hoài.

Kết luận Tào thị Từ Nguyễn-Trực,
Bút đế Doanh Tân Lỗ Trọng-Liên.

(Gửi thân Tào thị : Từ Nguyễn-Trực,
Không khung tôn Tần : Lỗ Trọng-Liên)

Câu trên, ông tự ví cảnh ngộ mình như Từ Thứ gửi thân nơi Tào Tháo, mà tâm sự thì « *Chẳngặng khôn Lưu thà đại Ngụy. Thân này xin gác ngoại vòng thoi* ». Còn câu dưới thì tự ví mình như Lỗ-trọng-Liên, dù bạo Tần có súng ép thế nào cũng không hãi hùng sấm sét búa rìu, vẫn vững lòng ngay thẳng, quyết chẳng tôn Tần.

Thống thiết hơn nữa, ông còn có hai câu hoài cảm bình sinh thường ngâm ngợi :

« *Nhật mọ tuy o hời chiêu xú,*
« *Quý hoa tự hữu hương dương thầm.*
(Mặt nhật dù không quay dọi tại,
Lòng quý vẫn cứ hướng dương mà).

Chưa thi thố được gì ở triều đình, vì không khí nghi kỵ, ông đem ngay tài học thực dụng của mình mưu ích cho đồng bào quanh vùng :

Năm 1863, nhận thấy trong tỉnh mình (Nghệ-An) có thôn Xuân-mỹ đất xấu dân nghèo, ông Nguyễn Trường-Tộ bèn đi tìm một khu đất tốt ướt vài chục mẫu, lập ấp dời dân Xuân-mỹ sang ở đây. Ngoài ấp, bốn mặt mở lớn, trong có đường nhỏ ngang dọc thông nhau như hình bàn cờ.

Công trình lập ấp hoàn thành ông được nhân dân mến phục, đề cao tinh chí. Kế đó, ông đứng ra làm đốc công xây dựng ngôi nhà thờ mới ở Tân ấp, và dựng ngôi nhà ở của vị Giám-mục cùng trường học La-tinh, quy mồ theo lối tây. Xong ông lại được họ đạo trong Nam nghe tiếng, rước vào coi cất nhà tu cho các nữ tu sĩ, tục gọi « *Nhà trắng* » (Nhà dòng Saint Paul de Chartres) trong năm 1864. Công trình kiến trúc « *Nhà trắng* » trước đó, kỹ sư đã dự tính phải tốn đến 30 vạn, ông vào Nam đảm nhận việc ấy, chỉ cần có 10 vạn là xong. Có điều, khi xong việc ông bị bệnh ở chân vì rủi ro té từ trên cao xuống đất, phải về quê nhà dưỡng bệnh.

Giữa lúc còn đau chân, ông lại được Tòng-đốc-An Tịnh là Hoàng-Tá-Viêm vời đến. Nguyễn Hoàng-Tá Viêm đốc suất dân phu đào cảng, nhưng đào mãi không thành, phải viết thư vời ông vào ngày mồng 7 tháng 5 năm Tự-đức 19 (16 Juin 1866), uỷ thác cho ông việc đào sông. Mặc dù còn bệnh, tiếp được thư mời ông nhận lời ngay. Ông Nguyễn Trường-Tộ bèn ngồi vóng đi xem xét hình thế, cảm nêu chỉ rõ đường lối cho dân phu theo đó mà đào sông. Đường sông dài vài mươi dặm đều theo đường thẳng, duy có một khúc hình cong. Hoàng-Tá-Viêm lấy làm lạ hỏi. Ông cho biết : Dưới chỗ ấy có nhiều đá tảng không thể xeo được, còn muốn phá di thì không có cốt mìn, máy móc như người Âu-châu, thì phỏng nêu đào tránh như thế hay hơn. Hoàng-Tá-Viêm nghe theo, nhưng ý vẫn còn ngờ, bảo người đào thử chỗ đó, quả đúng như lời ông dự định. Do đó, trước kia đào sông khó nhọc không thành, mà đến tay ông thì không đầy một tháng công trình hoàn tất.

Trước kỳ công ấy, Hoàng-Tá-Viêm lấy làm khâm phục, dâng sớ tiến cử ông với triều đình. Tháng 6 năm ấy (1866), Nguyễn-Tường-Tộ được Vua Tự-đức vời vào bệ kiển. Vua hỏi điều gì, Nguyễn tâu bày rành rẽ, được khen ngợi, ban kim-khánh, kim-tiền, rồi sai ông cùng Giám-mục Gauthier sang Pháp, tìm rước thợ khéo và mua các thứ máy.

Trước khi phung mạng ra đi ông thừa dịp để trình hai bản điều trần.

1) Bản « *Lực lợi từ* », ngày 29 tháng 7 năm Tự-đức 19 (!er Sept. 1866), nói về sáu điều lợi cần phải làm.

2) Bản « *Điều trần thời sự* », ngày mồng 1 tháng 8 (3/9/66), nói về các lẽ nên duy tân cải cách, mưu cuộc phú cường.

Cả hai bản, lời lời thiết tha, tỏ ra người có tâm huyết đối với đất nước giống nòi.

Này đây, chúng ta hãy xem một đoạn cực kỳ thống thiết ở bản « *Điều trần thời sự* » để lắng nghe lòng ta rung cảm đến độ nào.

« *Hàn-công nói : Biết mà không nói là kẻ bặt nhẫn, nói mà không nói hết là kẻ bặt nghĩa.* Thế cho nên thân tôi tuy ở chốn giang hồ mà lòng vẫn giữ nơi lang miếu. Tôi thật không nỡ nhìn thấy nước nhà đồ nát, trăm họ lưu ly, cho nên không xét phạt hèn mọn mà dám phạm vào lỗi nói ngay thẳng. Nếu cho lời tôi là khi trá, hoặc

là có ai xui giục, thì xin đem tờ bieu này treo ở Quốc-môn để sau này làm chứng ».

Một mặt dâng biều điều trần, một mặt ông phung mạng lên đường sang Pháp, vào tháng 8 âm lịch (Septembre 1866). Phái đoàn gồm có Ông, Đức Giám-mục Gauthier, Linh-mục Nguyễn-Điều và các tùy-viên Trần-văn-Đạo, Nguyễn-tăng-Doãn.

Nhưng hai bản điều trần đều lại nhà kia, rớt ra vẫn không được ai quan tâm đến; mà rồi chuyển đi công cán sang Pháp này, cũng phải bỏ dở mà về. Vì tháng 5 năm Tự-đức 20 (Juin 1867), liên quân Pháp - Ý hùng hổ đánh chiếm miền Nam. Triều đình không còn sوت sắng về việc sai phái bộ sang Pháp tìm tiolet và mua máy kia nữa, nên quan Thương-bạc phải hai lần gửi thư sang Pháp gọi phái bộ về nước và dặn chỉ mướn một hai người thợ khéo và mua một ít máy rẻ tiền thôi.

Ai gây nên nỗi lở-lòng ? Ngõ-ngàng biết bao nhiêu ! Nhớ lại lúc ra đi hăm-hở biết chừng nào, ngang qua Đà-nắng ông Nguyễn Trường-Tộ đã cảm xúc đến không cầm lòng được :

Vạn đại thiên trì thử phong cảnh.
Tây triều hà sự động binh đao ?
Nhất triều sát khí không lưu thùy,
Thiên cõ oan thỉnh thượng nộ đao.
Giang tự tây nam song phái họ,
Môn khai đông bắc luồng sơn cao.
Như kim dĩ khánh kình ba tịnh,
Phá lăng thừa phong khí tự hào.

Bản dịch của Từ-ngọc Nguyễn-Lân :

Vùng ấy muôn năm cảnh khác nòi.
Triều tây sao bỗng nỗi binh đao ?
Can qua một sớm đầy sông thầm.
Oan khổ nghìn năm dập sóng ào,
Tự ngã tây nam hai nhánh chảy,
Mở đường đông bắc cắp non cao.
Ngày nay sóng cả mừng yên tĩnh.
Cười gió lồng lồng khí tự hào.

Té ra ông đã lạc quan quá sớm. Ngày đầu chuyện binh đao nay đã lại nỗi dậy tối đất trời. Còn biết làm sao ! Lạc quan bao nhiêu ông càng thêm đau xót bấy nhiêu. Tình thế chẳng những đã bất lợi cho nước nhà, mà cũng bất lợi nhiều cho ông nữa rồi.

Thất vọng, nhưng Ông không nản chí, vẫn nát trí lo toan sao cho nước tranh dân giàu. Nhưng bình cũ phát sinh, ông dù muốn hăng hái hành động, vẫn phải bó gối ngồi nhìn thời cuộc da doan, và phải đau lòng từ chối không theo chân phái đoàn sang Pháp lần nữa được, vào tháng 2 năm Tự-đức 21 (Mars 1868).

(Xem tiếp trang 21)

NGƯỜI TA ĐÃ VIẾT GÌ VỀ NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ?

TÁC-PHẨM MỚI NHẤT : LUẬN ÁN TIỀN SĨ CỦA
ÔNG BÙI-THẾ-PHÚC TẠI SORBONNE (chưa in)

của HƯNG-BÌNH

NGƯỜI I đầu tiên đã viết tiểu sử Cụ Nguyễn Trường-Tộ, chính là con trai cụ, ông Nguyễn Trường-Cửu, tức Đồ-Cửu. Dưới nhan đề : « *Sự tích ông Nguyễn Trường-Tộ* », tài liệu này viết bằng chữ nôm, không in, chỉ để lưu trữ tại gia đình và mới cho các nhà khảo cứu đến coi. Tuy vẫn tắt, tài liệu cũng cho biết khá đủ chi tiết cốt yếu về tiểu sử nhà Chí-sĩ.

Các ông Lê-Dư, Lê-Thước, Nguyễn Lân, Đào Duy Anh đã có tra cứu đến nhưng cũng còn nhiều chi tiết chưa khai thác. Tòa-soạn *Văn-Đàn*, hiện có một bản sao. Như vậy nếu vì lẽ gì bản chính của gia đình có thất lạc (nhất là dưới chế độ Cộng sản) thì cũng còn có người giữ được một tài liệu căn bản tuy sơ lược.

Đối với quốc dân, tạp chí Nam Phong chính là cơ quan đã có công trước nhất biểu dương thanh danh và sự nghiệp chí sĩ Nguyễn Trường-Tộ,

Người đầu tiên đã « phát giác » Nguyễn Trường-Tộ là ông Lê-Dư, biệt hiệu Sở-Cuồng. Trong phần chữ Hán tạp chí *Nam-Phong* số 100, ra hồi tháng 11 năm 1925, từ trang 47 đến 58, ông có viết một bài tiểu dẫn và đăng một bản điều trần thứ nhất của Nguyễn Trường-Tộ. Nhan đề : *Nguyễn Trường-Tộ điều trần—Thiên hạ đại thế nguyên tập* (*Nguyễn danh quốc tế thương giao thông chí chính sách*).

Đến số 102, tháng giêng 1926, cũng trong *Nam-Phong* phần chữ Hán, từ trang 4 đến 6, đến lượt ông Lê-Thước viết bài : *Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh Tiểu sử*.

Qua năm 1927, vẫn ở phần chữ Hán, *Nam-Phong* lục đăng nguyên văn một số bài điều trần dưới nhan đề chung : *Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh di thảo* :

— Số 117, tháng 5 — 1927, từ trang 54 - 59. Bài Trần-tình-khai (20 tháng 3 năm Tự-đức 16).

— Số 118, tháng 6 — 1927, trang

66 - 70. Điều-trần về tôn giáo (23 tháng 7 Tự-Đức 19).

— Số 119, tháng 7 — 1927, trang 3 - 11. Điều-trần về lục lợi từ (23 tháng 7, Tự-Đức 19).

— Số 120, tháng 8 — 1927, trang 11 - 21. Điều-trần về giao thông (16 tháng 2, Tự-Đức 24), và Điều-trần về tục lệ Tây phương, (19 tháng 2, Tự-Đức 21).

— Số 121, tháng 9 — 1927 trang 31 - 39. Điều-trần về kinh tế quốc gia, (20 tháng 8 Tự-Đức 24).

— Số 122, tháng 10 — 1927, trang 45 - 50. Điều-trần về vấn đề nhân tài, (tháng 9, Tự-Đức 24).

Mãi đến năm 1933, phần quốc văn của *Nam Phong* (số 180, tháng 1-1933, trang 1-11) mới có bài về Nguyễn Trường-Tộ, do Nguyễn Trọng Thuật viết, nhan đề : *Nguyễn Trường-Tộ trên lịch sử Việt-Nam*.

Sau khi nói sơ lược về nhân thế, tác giả trình bày đại ý bảy bản điều trần, mỗi bản có trích dẫn một vài câu chủ chốt.

Sau đó, do agon bút của ông Đào-Đặng-Vỹ, Nguyễn Trường-Tộ được tuyên dương trên tờ « *Patrie Annamite* » từ số 221 và tiếp tục trong khoảng năm chục số báo. Học giả họ Đào đã thực hiện một thiên khảo luận rất công phu và quý giá.

Trên tờ *Tri-Tân*, số 6 ra ngày 10 tháng 7 năm 1941, ông Đào-Duy-Anh viết bài : *Nguyễn-Trường-Tộ học ở đâu*.

Đến đây, ta phải kể đến tác phẩm của Từ-Ngọc Nguyễn-Lân : « *Nguyễn Trường-Tộ* » do Viễn-Đệ (Huế) xuất bản năm 1941 và Mai-Linh tái bản năm 1942. Cuốn sách chỉ chú trọng đến nội dung một số bản điều trần, còn tiêu sử rất sơ lược, và chăng phần nhiều theo tài liệu của Đào-Đặng Vỹ.

Từ đây trở về sau, các bài viết về Nguyễn Trường-Tộ phần nhiều dựa vào những tài liệu đã kể trên.

Năm 1951, nhật báo *Thần-Chung* ở Sài-gòn (từ số 19 tháng 4-1951) đăng một loạt trên mươi bài nhan đề : « Đại

chí-sĩ Nguyễn Trường-Tộ » do ký giả Nguyễn Duy-Hinh viết.

Nhiều báo chí khác cũng lác đác có những bài ngắn như : nhật báo *Tiếng-Dân*, ngày 19-1-1950, với bài : « *Nguyễn Trường-Tộ, Lương-khai-Siêu Việt-Nam* », ký tên : Phan-Quân ; hoặc như tạp chí *Sinh-Lực* số 1, ngày 1-11-1956 (trang 55-60), với bài « *Nguyễn Trường-Tộ, nhà thơ bất đắc chí trước kiềm hoa-mắt nước, vua yếu, quan hèn* », của Lê-công-Tâm ; như *Văn-hóa nguyệt san* với bài : *Nguyễn Trường-Tộ với văn đề kinh tế* của Đào-văn-Hội (số 19, 1957, trang 131-136) và bài : *Nguyễn Trường-Tộ (1828-1871)* của Tư-Nguyên (số 26, 1957, trang 1013-1021) v.v... (1)

Gần đây, ông Nông-Sơn Nguyễn-Can Mộng có dịch nguyên văn một số bài điều trần theo bản chữ Hán của *Nam-Phong*, và đăng trên tạp chí *Văn-hóa Á-châu* :

1) Điều trần về tục lệ bên Tây và cách cư xử của phái đoàn khi đi sứ (V.H.A.C. số 1, tập III, loại mới, trang 72-74).

2) Điều trần ngày 16 tháng 2 năm Tự-Đức 24 về việc giao thông với nước ngoài (V.H.A.C. tập III số 1 tháng 4 1960, trang 75-77).

3) Bài khai trần tình, ngày 20 tháng 3 năm Tự-Đức 16 (V.H.A.C. tập III số 2 tháng 5-1960), 5-83-89).

4) Điều trần về vấn đề tín ngưỡng, ngày 23 tháng 7 năm Tự-Đức 19. V.H.A.C. tập III số 3, tháng 6-1960, trang 73-77).

5) Điều trần về kinh tế quốc gia, ngày 29 tháng 8 năm Tự-Đức 24 (V.H.A.C. tập III số 4, tháng 7-1960, trang 67-78).

Công trình nghiên cứu mới nhất và có lẽ công phu nhất về Nguyễn Trường-Tộ là một luận án tiến sĩ văn chương, do ông Bùi-thế-Phúc, anh họ ông Bùi Kỷ, đệ trình tại Đại học đường Paris. (Theo lời người trong họ nói với chúng tôi).

Giới văn hóa, giáo dục ở đây chắc không lạ đối với ông, vì trước đây ông là giáo sư trường Sư-phạm và có thời kỳ là Đại diện Bộ Quốc-gia Giáo-dục tại Saigon trong khi Bộ này đặt trụ sở ở Hà-nội ; hiện nay ông làm giáo sư ở Paris.

Thiết nghĩ Ông Bùi-thế-Phúc nên cho xuất bản luận án của ông để thỏa mãn những người muốn hiểu biết thêm về chí-sĩ và học giả Nguyễn Trường-Tộ.

H.B.

(1) Chúng tôi xin cáo lỗi vì không thể kể hết các bài báo.



T ừ lâu trước, được đọc những bài báo và sách về Nguyễn Trường Tộ tiên sinh tôi đã say mê trước chân dung một bậc danh nhân vừa đầy lòng yêu nước vừa chứa đựng một học vấn bao la, hơn nữa lại là một nhà đạo đức gương mẫu.

Và tôi vẫn thầm ước nguyện có cơ hội thuận tiện đến tận quê hương nhà chí-sĩ để kính viếng phần mộ và thăm hỏi gia-dinh người, hầu thỏa lòng sùng bái danh nhân.

Từ Ninh-bình quê tôi, hoặc từ Nam-định (nơi tôi hoạt động buổi đầu với tờ tạp-chí *Thanh Niên*) đến Nghệ-an, quê hương của Nguyễn-tiên-sinh, đường xa cũng chỉ bằng khoảng từ Saigon lên Lâm-dồng hoặc Di-linh, thế nhưng dưới thời thực dân, vượt « biên giới » từ « Bắc-kỳ » vào « Trung-kỳ » cũng khó khăn phiền phức như một cuộc xuất hành ngoại quốc ! Và lại, tôi cũng chưa gặp được cơ hội nào thuận tiện.

Phải đợi đến những ngày sôi nổi trong bầu không khí « cách mạng » hồi cuối 1945 sang 1946, tôi mới thực hiện được mong ước xưa nay một cuộc hành trình vận động cho Liên-doàn Công-Giáo và báo chí Công-Giáo, từ Hà-nội đến vĩ tuyến 16 lúc ấy ngăn cách hai khu vực ảnh hưởng Pháp-Anh theo quyết định của Đồng-Minh.

Rời Hà-nội một buổi chiều đông giá lạnh — chiều áp lễ Giáng-sinh 1945 — sau những chặng hoạt động ở Nam-định, Ninh-bình, Thanh-hóa tôi đến Vinh trong tháng 12 năm 1946, giữa lúc cuộc « tòng tuyển cử » của Việt-Minh đang diễn ra sôi nổi ở khắp nơi (bỏ phiếu ngày 6-1-1946).

Đến Xã-đoài, trung tâm hoạt động công giáo Nghệ-An, tôi được hai bạn tâm giao hướng dẫn : hai cán bộ nòng cốt của Liên-Đoàn Công-Giáo Địa-phận Vinh mà ngày nay một người đã bị chôn vùi ; cách thê thảm dưới ba tấc đất

do sự đàn áp khùng bõ của độc tài đó : Anh Phạm-Tuyên — một tấm gương can đảm phi thường !

Tại đây tôi được chứng kiến mấy công trình kiến trúc do tiên sinh đề lại, đáng chú ý nhất là căn nhà ba tầng (lầu) hình chữ thập, tục gọi « Nhà tây » lớn lao rộng rãi, dùng cho các linh mục hội họp làm tuần tĩnh tâm. Ngoài ra lại có một nhà hai tầng cho Cố giữ việc (quản lý) và một nhà trước kia Đức cha Ngũ-gia-Hậu (Gautier) ở. Người ta còn kè một nhà nguyện kính Đức Mẹ, tại trường La-tinh ở gần đây cũng là tác phẩm của Nguyễn-tiên-sinh làm phảng phất theo kiểu nhà thờ Lộ-đức (Lourdes). Các tác phẩm kiến trúc này, đến nay, đã được 100 tuổi thọ, mà vẫn bền vững cùng thời gian. Người ta chú ý thấy các tường gạch rất giày, không xây bằng xi măng (vì thời ấy ta không có xi măng) song bằng vôi trộn mật.

Từ Nhà-chung Xã-đoài đi ra phía sau, chỉ độ 100 thước, thì gặp một con kênh rộng chừng 10 thước lòng : đó chính là cái kênh do Ông Nguyễn Trường-Tộ đào, nối liền từ Cửa Lò đến Vinh, gọi là Kênh Sắt hay Kênh Gai, hay nói trống là « kênh đào ». Về việc đào kênh này, tập « Sự tích Ông Nguyễn Trường-Tộ », bản chép tay lưu trữ tại gia đình ông có chép một đoạn như sau :

« Tự Đức 19 là năm Bính dần (1866) tháng năm, Bộ sai quan Tòng đốc Nghệ-an là ông Hoàng-tá-Viêm ra đào Kênh Sắt. Người được chỉ, ra trợ nới xã Kim Khê, liền viết thơ cậy ông Tộ di xem xét hình thế đất, chỉ lỗi cho mà đào ; trước ông Cao-Biền là quan vua Đường bên Tàu, sang làm quan đô-hộ-ý nước Nam, lại vua Quy-Lý nhà Hồ, đã đào không xong, vì mắc nhiều đá cuội dưới đất. Ông Tộ di xem nói rằng : có một khúc vì nhiều đá lớn, như bên Tây có cốt mìn thì phá đi, ta không có nên phải tránh. Ông cầm nêu một hồi buổi sớm thì xong, dân phu cứ thế mà đào, thì kênh hoàn thành. Ông Tộ có làm bài thơ mừng kênh Sắt ».

(chép nguyên văn, chỉ đổi một vài chữ).

Kênh này làm cho Ông Nguyễn Trường-Tộ càng được biết tiếng, và nó đã thay thế cho những văn bằng đại khoa để giới thiệu ông với vua Tự-đức. Quả thực, sau khi hoàn thành, ông Hoàng Kế-Viêm phục tài ông, liền làm sớ tiễn cử ông với triều đình. Từ đó ông bước vào « đời công ».

Chúng tôi qua kênh trên một chiếc đò nan, sang bờ phía Tây là vào đất làng Bùi Chu, tông Hải-Đô, phủ Hưng-Nguyên) tỉnh Nghệ-An, là nơi chôn nhau cắt rún của ông Nguyễn-Trường-Tộ. Từ bờ kênh đi theo đường ruộng, độ 300 thước thì đến nhà của Tiên sinh. Một kiến trúc sư đã từng xây bao dinh thự cho người, lại nuôi mộng lắp bè rời non, xoay dồi thời cuộc, vậy mà đến nhà riêng mình, thì chỉ là một căn nhà tranh ba gian, chật hẹp úp xúp ! Đó là một ẩn tượng đậm mạnh vào trí óc tôi... Có kiến trúc sư nào, ngày nay bằng lòng với cảnh khó nghèo đến thế không ? Tôi tự hỏi, và chỉ còn biết khâm phục con người trọng nghĩa khinh tài đến thế.

Tại căn nhà « lịch sử » này (vì đã tạo ra một nhân vật lịch sử) người trước hết chúng tôi được hân hạnh gặp là ông Nguyễn-Trường-Võ, cháu đích tôn của Cụ Nguyễn Trường-Tộ. Ông nhã nhặn mời chúng tôi ngồi xuống một chiếc giường tre rồi bảo người nấu nước pha trà. Lát sau, mẹ ông (cũng ở ngoài vườn) về : đó là Bà Đồ Cửu (vợ ông Nguyễn Trường Cửu) con đầu nhà chí-sĩ.

Trải qua 15 năm với bao nhiêu biến cố quan trọng chúng tôi thú thật không còn nhớ rõ hình dung tướng mạo và các chi tiết của cuộc viếng thăm. Dĩ nhiên, sau khi được người hướng dẫn giới thiệu là nhà báo — và là nhà báo công giáo — lúc ấy tôi đã đem hết lòng chân thành trọng vọng, bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với nhà chí-sĩ họ Nguyễn và cảm tình quyến luyến đối với dòng họ, con cháu.

Bà Đồ Cửu và ông Nguyễn Trường Võ tỏ ra rất cảm động và thân ái đối với tôi. Bà bảo con cháu ra vườn cam trước nhà bẻ mấy trái to và

chín vàng ối đem về bồ
ra mời chúng tôi ăn.
Các bạn hẳn đã hiểu
vùng Xá-doài này nổi
tiếng vì thứ cam ngọt
ngot nhất miền Trung
cũng như cam Bố-hạ
nổi tiếng ở miền Bắc.
Nhưng tết nà; thay !
Những người sành ăn
cho biết rằng tuy cam
vùng này chỗ nào cũng
gọi là « cam Xá-Đoài »,
song chỉ riêng ở làng Xá
Đoài, cam mới có cái mùi
vị đặc biệt Xá-Đoài, còn
như ở các làng lân cận,
ngay như Bùi-chu chẳng

Đức Giám-mục, từng giáp đỡ Giám-mục trong nhiều việc khẩn cấp trọng
nhất là đối phó với các mưu thâm chước
quỷ của Cộng-sản. Hiện nay, cha Tín
được cử trông coi xứ Kẻ Gai, thuộc quận
Nghi-Lộc, Nghệ An, cách Xá-Đoài 5
cây số.

Nhân cuộc viếng thăm này, tôi
đã chú ý hỏi han các tài liệu và kỷ niệm
của nhà chí sĩ, thì được Ông Ng. Trường
Võ lấy cho xem tập « sự tích » ông
Nguyễn Trường-Tộ bằng chữ nôm, viết
tay trên giấy bìa, do thân phụ ông là
Nguyễn Trường-Cửu biên soạn.
Ông có nhã ý cho chúng tôi mượn
đem về Nam Định sao chép lại để
có tài liệu tham khảo. Sau đó, chúng
tôi đã gửi trả bản chính, và hiện nay

tên Đức Giáo Hoàng, một bên đúc hình
đền thánh Phêrô. Theo chúng tôi hiểu
đó là loại huy chương kỷ niệm đề ghi
nhớ một biến cố quan trọng đặc biệt
trong đời một vị Giáo hoàng : như lễ
Đặng-quang chẳng hạn. Giá đình cho biết
huy chương này do người cháu di tu
(L.M. Nguyễn Trường-Tín) giữ.

Còn về đạo sắc vua Khải-Định,
nhân dịp lễ Tứ tuần đại khánh, truy
tặng ông chức « Gia Nghị Đại Phu
Hàn Lâm Viện Trực Hộc Sí » thì tôi
không nhớ lúc ấy gia đình còn giữ
không hay đã bị buộc lòng « đóng góp »
cho tuần lễ hỏa thiêu bằng sắc cũ do
Việt-minh xưởng xuất rồi.

Nhưng tốt tiếc nhất là kho sách
của ông đã bị tản mát hết, không còn
để chúng ta thử tìm biết ông tự học
cách nào mà thông thái như vậy.

Bên mồ Chí-Sĩ

Sau một giờ đồng hồ nói chuyện,
uống trà và ăn cam Xá-Đoài, chúng
tôi cáo biệt bà Đồ-Cửu đề ra viếng
mộ chí sĩ Nguyễn Trường-Tộ.

Mộ tiên sinh nằm ở ngay cánh
đồng làng, chỗ gọi là bãi Đá-mài
từ nhà ra không xa.

Trước kia mộ này chỉ là « một nấm
cỏ khau xanh rì » mỗi năm con cháu ra
tự sửa một lần, rồi thắp nến đọc
kinh cầu nguyện cho linh hồn Phao-lô
(bỗn mạng ông) hưởng phúc đời đời.
Người đầu tiên đã có sáng kiến và hy sinh
xây mộ cho ông, không ai khác hơn
nhà văn Từ-Ngọc Nguyễn-Lân, tác giả
cuốn Nguyễn Trường-Tộ. Vào khoảng
năm 1942, sau khi bán được
900 cuốn sách, tính tiền nhuận
bút, ông được 110 đồng, lại có
thêm 23đ của người khác góp, ông liền
gởi cả vào cho cố Laygue, quản lý nhà
chung, đề nhờ xây mộ cho nhà chí
sĩ. Cố Laygue giao việc ấy cho Cha già
Chân, chính xứ Xá-Đoài. Thân hào
vùng Thanh-Nghệ hưởng ứng, quyên
được thêm 271đ. Thế là, ngôi mộ xây
tới được kính viếng lúc đó tuy không lây
già làm to lớn, mỹ thuật, cũng tiêu biếu

... VÀ GIA-ĐÌNH CHÍ-SĨ NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ

Hồi ký của PHẠM ĐÌNH KHIÊM

hẹn, dẫu chỉ cách một con sông
nhỏ, mùi vị của cam đã khác.
Nhưng phần tôi được ăn cam vườn
nhà Ông Nguyễn Trường-Tộ do nàng
dâu của bậc danh nhân khoản
đãi, thì dẫu là cam mọc bên làng Bùi
chu, tôi cũng cảm thấy ngọt hơn
« Cam Xá-Đoài chính cống » rất nhiều !

Nguyễn tiên sinh còn có người cháu
đích tôn khác nữa, em Ông Nguyễn
Trường-Võ là Nguyễn Trường-Ván,
lúc ấy đã rời gia đình đi tu, làm con
cha Thiên ở Đức hậu (Đô lương, Nghệ
An). Về sau chúng tôi được biết
Ông này đã đổi tên là Nguyễn Trường-Tín (có lẽ trong thời kỳ học chủng viện
muốn tránh trùng tên với Cố Văn (R.P. Legourrieres) giám đốc chủng viện. Thủ
phong linh mục khoảng năm 1953, cha
Nguyễn Trường-Tín được chọn ngay
làm bí thư cho Đức Cha Trần Hữu
Đức, Giám mục địa phận Vinh. Với
trí thông minh đặc biệt, lý sự vững chắc
làm việc cho phương pháp khoa học,
linh mục Tín tuy là bí thư, nhưng
cũng được coi như cố vấn của

chúng tôi còn giữ lại được bản sao
nguyên văn.

Chính tài liệu căn bản này đã giúp
ông Lê-Thước, người Hà-tinh, lúc ấy là
Đốc học Nghệ-an viết thành bài tiểu sử
Nguyễn Trường-Tộ bằng chữ Hán dâng
trong Nam Phong số 102 năm 1926,
được nhiều người tra cứu. Tuy nhiên
còn nhiều chi tiết mà Ông Lê-Thước
cũng như Ông Từ-Ngọc Nguyễn-Lân sau
này chưa khai thác.

Đi nhiên trong cuộc viếng thăm này,
tôi chú ý nhất đến những tập điều trần lịch
sử của Tiên sinh, nhưng gia đình cho
hay hiện không còn giữ được bản nào.
Ông Nguyễn Trường-Võ còn phàn nàn
với chúng tôi về một vị nọ, trước làm
tri phủ sở tại, có mượn một số tài liệu rồi
ông đòi di đâu mất và quên.. không trả.

Hỏi về những kỷ niệm riêng của nhà
chí-sĩ, gia-dinh cho biết có tấm huy
chương do Đức Giáo Hoàng Piô IX
ban tặng hồi ông sang viếng Roma và
vào chầu Đức giáo Hoàng (khoảng 1860).
Tấm huy chương này tròn, lớn hơn đồng
bạc ta ngày trước ; một bên đúc hình và

(Xem tiếp trang 22)



MÃY VÂN THÔ một nén hương long

Vịnh ông Nguyễn Trường-Tộ

Nen sông thiêng sáng đúc nén tài,
Những ước ra tâm giúp giống-nòi.
Lấy đạo-nghĩa xưa làm mục-thước,
Đem khoa-học mới dè trau-giồi.
Bao phen xuất-ngoại lòng nuôi mộng,
Máy độ trân-tinh lệ nhỏ rơi
Hôn ám kè chi phường sống tạm,
Nghìn thu luống dè tiếc thương ai !

ANAM TRẦN-TUẤN-KHẨI

Nhớ người yêu nước

Lần già trong sử Việt
Đọc truyện các danh-nhân
Nhớ ông Nguyễn-Trường-Tộ
Quê Nghệ-An, Trung-phòn
Sinh dưới Triều Minh-Mạng
Tuy khêng là đại-thân
Nhưng nặng lòng yêu Nước
Tận-tụy với Quốc-Dân
Gặp hồi Vua cấm đạo,
Ông đi xa lánh thân.
Biết nhìn cao rộng rộng,
Học hỏi dè canh-tân.
Qua Ba Lê, Hương-Cảng
Về nước dâng điều-trần
Xin Triều-đình cải-cách
Trước hết là việc quân
Phải có vũ-kí mới
Đè chống đối ngoại-xâm
Công, Thương cần rộng mở
Kinh-tế phải nấm phòn
Văn-hóa nên sửa-đổi
Giáo-dục dùng quốc-đam
Thanh-niên cho du học
Ngoại-giao là việc cần ;

Cho ngoại-quốc buôn-bán
Gây thêm tình tương thân.

Vua quan quá cố-cháp
Tư-tưởng Ông chét lòn
Sự-nghiệp Ông tan vỡ
Sóng được qua tú-tuần.
Hoài-bảo Ông không đạt
Non-sông cũng mất dần
Tài Ông Vua không dụng
Ngàn sau còn thương-tâm
Viết mấy lời than-tiếc
Góp với báo Văn-Đàn
Nhớ thương người ái-quốc
Văn, thay nén hương trầm.
Anh hồn xin ủng-hộ
Nước Việt sớm hồi-xuân
Xóa nhòa ranh Bến-Hải
Chím dứt nạn qua phòn
Mong ngày về Xứ Nghệ
Đến thăm viếng mộ phòn
Tạ ơn Người dè lại
Cho đời một phuong-châm

Minh-Đạo
NGUYỄN-BÁ

NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ và Y-ĐĂNG BÁC-VĂN

NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ tiên-sinh chẳng những là người Việt-Nam sáng suốt nhất ở thế kỷ 19, mà có lẽ cũng là một trong những người đồng thời ở Đông-Á đã hiểu biết nhất về tình hình thế-giới đã uyên thâm về pho học, lại thâu-thái được cả những tinh hoa của nền Tây-học hồi bấy giờ.

Tài-năng, học-lực của tiên-sinh nếu được vua Tự-Đức và triều-dinh Huế khai-thác triệt-dễ có lẽ cuộc-diện Việt-Nam đã hoàn-toàn thay đổi, mà cuộc-diện cả vùng Đông-Á cũng chịu ảnh-hưởng rất-nhiều.

Cuối thế-kỷ 18 đến đầu thế-kỷ 19, nước Việt-Nam đã tạo được ở Á-châu một địa-vị vô cùng xứng-dáng và một uy-tín hẫu-như ngang với Trung-hoa: Đồng-thời, có lẽ Nhật-bản trước con-mắt của nhiều-quốc-gia ở Á-dông, không thể-sánh-vai-cùng Việt-Nam. Uy-thể của Việt-Nam đã được củng-cố nhờ: những-trận Nguyễn-Huệ chiến-thắng quân-Xiêm-la đã qua giúp Nguyễn-Ánh ở Nam-Việt (1785), Nguyễn-Ánh giúp Xiêm chiến-thắng Miến-Điện (1785-86), và nhất-là trận Nguyễn-Huệ đại-phá 20-vạn quân-nhà Thanh do Tôn-sĩ-Nghệ lấy-cớ giúp vua Chiêu-thống, sang-danh chiếm-cả Bắc-Hà (1789)... Sau đó vua Gia-Long nhất-thống sơn-hàng, tò-chức việc nước, ngoại-giao với Tây-phương, cải-tò-quân-lực và hành-chánh, xây-dắp thành-trì, dúc-súng đóng-thuyền theo-kieu Âu-Châu v.v..., những sự-kiện ấy đã đem Việt-Nam vào hàng ngũ những nước có-thể lực-nhất ở Á-dông... Tuy-nhiên, tình-thế ấy đã biến-dổi do chánh-sách thủ-cựu của con-cháu vua Gia-long đã-làm cho giang-san ngày-một suy-vi. Óc-thủ-cựu của các nhà-cầm-quyền ở Việt-Nam cũng như ở Trung-hoa, ở Nhật-bản, ở Xiêm-la... đã đưa-tất-cả

các-nước Á-dông đến chỗ-thất-bại sau-dón trước sự-gặp-gỡ với Tây-phương.

Muốn-chống-lại Tây-phương, chỉ-còn cách-phải sớm-học-lại Tây-phương. Ở Việt-Nam, Nguyễn-Trường-Tộ cùng các đồng-chí (như Nguyễn-Điều v.v...) đã hiểu-thể, cũng-như ở Nhật Y-Đăng Bác-văn và các bạn (Kaoru Jnouye...) cũng đã hiểu-thể. Nguyễn-Trường-Tộ nhờ các Linh-mục người-Âu (nhất-là Đức-Cha Gauthier mà-thời nhân-thường gọi là Ngô-gia-Hậu...) mà-thâu-thái học-văn Tây-phương, rồi-lại do các Linh-mục đưa-di du-học ở Âu-châu để-bồi-túc-trí-thức. Đồng-thời ở Nhật-bản, trai-với các-nhà-cầm-quyền vẫn-khư-khư muôn-giữ lối-cố-truyền và chém-giết-hành-phat những ai chủ-trương-cái-cách-theo Tây-phương (chẳng-khác-gì triều-dinh Minh-Mạng, Thiệu-trị và Tự-Đức)... một-nhóm người đã-bạo-dạn-dứng-lên-tim-phương-tiện cải-hóa-nước-nhà. Y-Đăng đã-cùng Jnouye bí-mật-trốn-sang-Anh để-học, trong-khi-nhiều người hoặc đi-công-khai hoặc cũng-trốn-tránh-di-du (học-ở Hòa-Lan, Đức, Pháp, Hoa-Kỳ như Enomoto đã-sang Hòa-Lan, Fukuzawa và Niishima đã-di Mỹ...).

Nguyễn-Trường-Tộ được-di Pháp năm 1859, Y-Đăng Bác-Văn trốn-di Anh-năm 1863. Hai người đã-có-dip-di-Tây-về-Đông-mấy-lượt, và-các-cụ-xưa-dâ-kè-lại-rằng-chính-trong-một-chuyến-du-hành-ấy-hai-nhà-Ái-quốc Việt-Nhật đã-do-một-cuộc-bút-dám-bằng Hán-văn, mà-quen-biết-nhau (1) Đồng-thanh-tương-ứng, đồng-theo-một-chí-hướng-cùng-di-cầu-học-Tây-phương-dè-cứu-quốc, hai-người-cùng-trở-thành-bạn-dâ-mến-phục-nhau. Hình-như hai-bạn-thanh-niên-dâ-cùng-nhau-trao-dồi-kết-hoạch-cứu-quốc và kiến-quốc, và-nhà-Ái-quốc-Nhật-dâ-hết-sức-thán-phục-tài-học-của-bạn-dồng-hành, và-dâ-thốt-ra-một-câu-nói-rất-bùi-ngùi: "Với-tài-học-của-tiên-sinh,

của ĐÀO-ĐĂNG-VŨ

chắc-quý-quốc-sẽ-chóng-thành-tưu-trên đường-cải-tiến và-thể-nào-cũng-chống-lại được-ngoại-xâm. Chỉ-lo-cho-số-phận-chúng-tôi-không-biết-sẽ-sa-sao, vì-ở-nước-chúng-tôi-e-ít-ai-tài-học-dược-như-tiên-sinh... Về-tương-lai, nếu-dôi-ta-dễ-dược-trọng-dụng, sẽ-xin-hai-nước-tương-tro-lần-nhau!..."

Giai-thoại-trên-dây-không-biết-có-dúng-sự-thật-hay-không, chúng-tôi-không-dù-tài-liệu-để-xác-nhận, chỉ-nghe-nói-rằng-sau-những-ngày-tương-hội-trên-tàu, hai-người-về-xứ-dâ-có-trao-dỗi-thơ-từ-cho-nhau! Những-thơ-ấy-về-phản-Nguyễn-tiên-sinh-không-thấy-ai-còn-giữ-lại, không-biết-ở-Nhật, trong-gia-dình-cố-thủ-tướng Ito Hirobumi có-còn-lại-vết-tích-gì-không!

Chúng-ta-chỉ-ngậm-ngùi-mà-suy-tưởng-đến-sự-thành-bại-ở-dời, sự-tồn-vong-của-các-dân-tộc, vận-rủi-may-có-thể-xảy-đến-cho-cá-nhân-cũng-như-cho-cá-quốc-gia!

Y-Đăng-về-tài-năng-học-lực-cá-lé-cũng-chỉ-là-dàn-em-của-Nguyễn-Trường-Tộ (dàn-giai-thoại-có-dúng-sự-thật-hay-không). Xuất-dương-du-học-năm-1863, sau-khi-trở-về-nước, Y-Đăng-dâ-cùng-các-dòng-chí-lật-dò-ché-dô-Mạc-phủ và-ủng-hộ Thiên-hoàng-lấy-lại-quyền-bính. Năm-1869, ông-dâ-từng-giữ-chức-Thủ-trưởng-bộ-Tài-chánh. Đến-1871-1873, ông-dược-cùng-Phái-bộ-Hoàng-thân Tomomi Swakura di-vòng-quanh-Thế-giới. Năm-chức-bộ-trưởng-công-tác-năm-1872, lại-di-Âu-châu, và-khi-về-dược-lên-chức-Thủ-trưởng, ông-dâ-dề-nghi và-thi-hành-những-việc-cải-cách-quan

(Xem tiếp-trang-23)

(1) Trong-lập-nghiên-cứu-về-Nguyễn-trường-Tộ-bằng-Pháp-văn, nhanh-dè-là-Nguyễn-trường-Tộ-et-ses-temps-dâng-ở-báo-La-Patrie-Annamite (1937-1938), chúng-tôi-dâ-từng-kè-lại-có-được-gặp-gõ-này. Hầu-hết-những-chánh-ý-của-các-Điều-trên-Nguyễn-Trường-Tộ, cũng-dâ-dịch-ra-Pháp-văn-trong-tập-nghiên-cứu-này.

Di-thảo của Nguyễn Trường-Tộ

KẾ-HOẠCH VAY TIỀN HƯƠNG-CĂNG để tăng - cường Quốc - Phòng

Bản điều-trần gửi lên Cơ-mật-viện ngày 21 tháng 2
năm Tự-Đức thứ 24 tức 10 tháng tư năm 1871

Lần đầu tiên dịch ra Việt-văn do TRẦN-HỮU.HUYỀN

L. T. S.—Bản điều-trần này từ trước đến nay hình như chưa ai
dịch. Nhiều người thường nhắc đến bài « Điều trần về việc tu chính
võ-bị » (ngày 2 tháng 5 năm Tự-Đức 24) nhưng cũng ít thấy kè
dến tài liệu này.

Trong văn kiện này, Ông Nguyễn Trường-Tộ đề nghị :

1º) Tô chúc đáo binh kỵ mà để giữ an ninh trên đất, quân đội đỡ
vất vả, quanh giờ đỡ chi phí ;

2º) Lập nhà máy chế tạo đồ dùng, máy móc, súng đạn, binh khí ;

3º) Mua lầu chiến, tô chúc canh phòng hải phận để trừ giặc bờ.

Đè có ngân khoản thực hiện ba công tác này, ác giả đe nghị vay
8—9 triệu quyển tại Hương-Cảng và ông bảo đảm sẽ vay được. Ta biết
rằng, trong thời gian lưu trú ở đây, Ông đã có dịp làm quen với tất cả các
giới chánh quyền, tôn giáo cũng như thương gia, kỹ nghệ gia.

Ngày 21 tháng 2 năm Tự
Đức thứ 24 (1)

TÔI là giáo sĩ (2) Nguyễn
Trường-Tộ xin kính trình :
Ngô-Khổi đã nói : đạo
dùng binh, trước phải lo cho của cải
phong phú, sau mới dùng tới sức.

Tiêu Thố đã nói : thóc nhiều, của
dư, hổ đánh đâu thì lấy được đó, giữ
chỗ nào thì vững được nơi đó.

Luận ngữ cũng nói : ăn uống no đủ
thì dân tin tưởng. Lại nói : làm cho
giàu có trước, rồi sau mới dạy dỗ.

Đủ thấy một quốc gia phải được
giàu có trước, rồi sau mới mạnh được.

Nước ta gần đây, hết đánh nam tới
dẹp bắc, của cải tích trữ cạn sạch
cả. Dân gian thì hết tai này tới nạn
khác, làng mạc đều hư hỏng. Ngoài
thì giặc bờ hoành hành, đường buôn
tắc nghẽn. Trong thì sự cung đốn mỗi
ngày càng tăng, dân tình chia rẽ !

Thầy đều do bệnh thiếu của cải mà
ra cả !

Tôi được thấy các nước Tây phương
đều có vay mượn nhiều ở các nhà
đại phú thương, để cứu vãn tình thế
khi cần, rồi sau đó mới trả lại nợ.

ta. Khí hậu, thò ngơi họ giống như
ta ; và lại giá ngựa cũng không quá đắt.
Những tay kỵ mã của họ rất nỗi tiếng
tài, dùng họ tập dượt cho người mình,
tất sẽ trở nên lành nghề. Sự án uống cư
xử của họ cũng giống như người mình,
nên vẫn để nuôi dưỡng không có gì khó.

Mã trận thật đắc lực nhất cho binh già.

Thứ xem quân đội tây phương, dù
kéo binh tới bất cứ chỗ nào, cũng đều
đem theo xe ngựa để dùng vào những
trường hợp gấp rút.

Khi ta đã tập thành được mã trận
(mã trận của họ rất giỏi, quân họ đều
thịnh, thục), nhân chuyển di này, lại
mua thêm lấy độ 500-600 cây súng mã
pháo, và sắm thêm khoảng 20 khẩu
súng đồng lớn loại tử mẩu, có đầy đủ
đạn dược xe cộ.

Rồi sau đem bộ binh cùng súng lớn
đóng chính giữa, còn mã trận chia làm
hai cánh tả hữu. Từ đại lộ băng phẳng,
chỉ việc một mặt bắn vào đòn giặc.
Khi đòn vỡ, giặc tan, thì dùng Mã-bin
chia ngã đuổi đánh, mới tảo thanh được.

Công dụng của mã trận có nhiều
phương diện, lại dễ dàng thi tho, người
ta đã biết nhiều, khỏi cần nói thêm.

Việc binh chỉ nghe nói tới chỗ vụng
mà mau lẹ, chờ chưa từng nghe nói
tới chỗ khéo mà lâu lắc. Nếu như
dùng lối tóc chiến mà thắng lợi được
thì dầu có thiệt hại lớn, cũng có lợi
lớn. Há lại chẳng hơn cứ kéo dài
hòng chiêu dụ, để còn mắc thêm mối
lo nạo nuôì giặc phòng giặc nữa sao ?

Hướng chí việc dùng mã trận này
cũng chưa đến nổi hao tổn lớn lao chi.

(1) Từ 10 tháng 4 năm 1871 — 7 tháng
trước khi Tiên sinh từ trần.

(2) Chữ giáo sĩ đây chỉ có nghĩa là một
nhân sĩ theo Công giáo, không có nghĩa
như ngày nay là linh mục, tu sĩ.

Bây giờ dùng nó để tạm dỗi phó với một việc cần kíp, đến sau lại dùng để thi hành mà chính, mà trả nên cách dùng không hết cho quốc gia, há lại chẳng là nhất cử lưỡng lợi sao?

Một mặt lấy khoản tiền này mà cấp thêm bông bộc cho quan binh trong quân ngũ để khuyến khích tinh thần (khoản này tôi đã trình bày rõ trung bài « Tế cấp tu vỗ điệu » khi trước, xin miễn nhắc lại).

Một mặt đem khoản tiền này để mua sắm những thứ thật cần thiết cho việc chế tạo đồ dùng buồm ban đầu như sửa chữa máy móc, chế súng, đúc đạn, nấu tự-lai-hỏa (?) cùng với các binh khí. Tất cả các khí cụ kề trên đều mua về rồi lập riêng lấy một xưởng máy móc, thuê người Anh và Pháp, mỗi nghề một người để dạy cho thợ thuyền của ta chế tạo lấy đồ cần dùng.

Đã có người tây phương hợp tác với người mình, chẳng những có thể có được đồ dùng cho lúc này, mà trong 5, 6 năm tới, thợ thuyền của ta dần dần thành khéo léo nữa, hóa ra nhất cử lưỡng tiện vậy.

Mấy năm gần đây, sở dĩ giặc bắc tại nước ta ngày một tăng, đều tại : mâu dịch Trung Quốc lúc này thêm thịnh vượng. Họ đã chế tạo được nhiều tàu tuần bắc có súng lớn. Tàu buôn và tàu binh của Tây phương đi lại ngoài mặt bắc như mắc cùi. Về phía người Pháp, họ lại tuần phong nghiêm ngặt suốt từ Bình-Thuận tới Hà-Tiên. Vì thế, bọn giặc bắc khó lòng làm hồn nơi hai mặt biển đó, nên đã lật trốn tới gửi chân nơi hải phận của ta.

Nay nếu như ta mua được lấy 5, 6 chiếc tàu lớn kiên cố, mỗi chiếc có khoảng 10 khẩu súng lớn loại tử mău, lại thuê mỗi tàu một người Anh với một người Pháp để trông coi máy móc và 4 người để tập bắn. Họ sẽ hợp cùng quân ta, vừa tuần tiễu vừa tập dượt dàn thành thế trận chử nhất từ Bắc vào Nam, rồi từ Nam ra Bắc sẽ bắt giữ tất cả bọn giặc bắc đem trị tội. Thuyền sẽ xung công. Nơi nào giặc bắc đóng thành sào huyệt, thì ta đem những tàu lớn tới tiễu trừ, giặc tắt phải tan vỡ. Bị mất chỗ tụ tập, chúng sẽ khó lòng vào được nội địa của ta.

Một khi giặc bắc của nước nhà đã bị mã trận phá vỡ, thì dù chúng được yên ổn làm ăn, quân đội được nghỉ ngơi, quốc gia tinh thần giảm được chi phí. Trên mặt bắc không còn giặc cướp phá khuấy, việc buôn bán dì lại Nam Bắc sẽ được thuận tiện. Nơi Kinh thành thì đồ dùng về máy móc cũng đã được luyện tập thành thực, ngày một thêm tinh. Ta lại đem những thợ thuyền đã hiếu rành công việc, chia đi dạy lại các tỉnh khác, một dạy thành mười.

Đủ được 3 việc lớn nói trên thì con đường tự cường tức khắc xuất hiện vậy.

Mà nếu muốn cùng một lúc cử hành cả 3 việc nọ, tất nhiên cần phải có một số tiền to tát mới làm đắc lực được. Nếu chỉ trông cậy vào thuế khóa quốc gia, thì số thuế chỉ có hạn, chỉ đủ cung ứng cho những chi dụng hàng ngày, còn mong làm việc lớn sao nỗi? Một khi

đã đào tạo được những thợ lành nghề máy móc, ta đem dùng khai thác các nguồn lợi, chế tạo đồ dùng.

Lúc đó, quốc gia yên lành. Lẽn nhiều tiêu ít, sẽ thừa sức trả nợ vạy.

Nhược bằng chẳng mau làm theo đường lối thiên hạ thường làm, để kịp thời cứu vãn khi không có, thì dầu cho đến Khang-Minh có tái thế. Lưu-Án có sống lại, cũng không thi thoả được.

Tôn Tử đã nói : sức thiểu, tiền ít, thì người ta sẽ thừa chỗ kém đó mà nỗi dậy, dầu có bậc trí cũng không làm nên chuyện được.

Tôi thành thực có ý nghĩ như vậy cho nên xin đem đường lối của bậc trí giả trong thiên hạ đã làm, để minh bạch, nhưng còn chưa dám rõ có hợp với sự thế nước nhà hay không.

Xin kính bẩm cùng liệt vị đại thần cơ mật viện soi xét.

NGƯỜI VIỆT NÓI TIẾNG VIỆT

Lệnh-lang

MỘT ông bạn nhà nhỏ của tôi vừa tát cho tôi một cái nón lửa vì tôi đọc một « Tin mừng » đăng trong báo mà cho ông biết :

— Ông tình trưởng tình X. vừa làm lễ thành hôn cho « Lệnh-lang »

— Anh nói sao? Con trai tôi mới 6 tuổi mà thành hôn cái gì! Vả lại ông tình trưởng tình X. có ăn thua gì tới tôi mà lấy vợ cho con tôi? Ông nhà nhỏ nồi nóng hỏi như thế.

Suy nghĩ lại thì mình bị bạt tai đáng lắm « Lệnh-lang » là danh từ dùng trong giới quan-trường, quý-tộc, có nghĩa là con trai của ông (người đối thoại trực tiếp với mình). Ví dụ mình hỏi : « Thưa Ngài, hồi này lệnh lang có học ở Mỹ chớ! »

Té ra có nhiều « Tin mừng » đăng báo dùng danh từ « lệnh-lang » đã vô tình... cưới vợ cho con trai tất cả các bạn đọc và cưới có đúng một cô.

Lưu ý-ông

Mấy năm nay, có hai chữ « lưu ý » bị dùng khác với nghĩa đã dùng từ trước tới giờ. Ví dụ : Tôi « lưu ý » ông thay vì : Tôi xin ông lưu ý.

Trước đây, các danh từ : lưu ý, chú ý, lưu tâm, vẫn đồng nghĩa. Người ta nói : Chánh phủ lưu ý đến việc học của dân, nghĩa rõ ràng là : chánh phủ đã đề tâm, đề ý đến việc học của dân.

Còn muốn người khác đề ý đến việc gì thì người ta nói : « Tôi xin ông lưu ý đến việc này » chứ không nói « Tôi lưu ý ông việc này ».

Ít lâu nay có một vài công văn đã tránh sự dùng làm danh từ « lưu ý » và thấy có công sở đã viết : « Tôi xin ông lưu ý » thay vì « Tôi lưu ý ông ».

Ta phải tránh sao cho cùng một danh từ mà trong một cuốn sách xuất bản 10 năm trước và một cuốn xuất bản 10 năm sau lại có hai nghĩa khác nhau.

A.B.C.

NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ

Kiến-trúc-sư tiên khởi của ngành kiến-trúc mới Việt-Nam

* Phát giác một sử-liệu giá-trị của người đương thời
làm chứng về cá-tính ông Nguyễn Trường-Tộ.

SỐ 4, đại lộ Cường-Đè Saigon có gì lạ?

Xin thưa : Đó là tòa nhà thứ nhất của Thủ-dô xây theo kiến trúc Âu-Tây, chỉ còn ba năm nữa lên thượng thọ bách tuế (1864-1964).

Các giới tôn giáo, giáo dục, từ thiện, và phụ huynh học sinh ở đây không lạ gì tòa nhà lớn lao đó : Người ta quen gọi « Nhà Trắng » không phải vì sơn toàn màu trắng như tòa Bách-ốc của Tông-Tổ Ông Mỹ, nhưng vì chủ nhân là những nữ tu trinh bạch từ linh hồn, thề xác đến y phục : các chị em Dòng Thánh Phao-lô gốc ở thành Chartres (Soeurs de Saint Paul de Chartres).

Đó cũng là trụ sở một tư thực có lưu học xá, quan trọng vào bậc nhất Thủ đô với số 1.600 học sinh, kè cả nội trú, từ mẫu giáo đến tú tài.

Tòa nhà kỳ cựu này ở thẳng cõng vào, trước có sân và giữa sân có tượng Thánh Bồn màng của Dòng. Đó là một tòa kiến trúc ba tầng (nói theo kiểu thông thường của ta) không kẽ hở chia dò đặc, bề dài 45 thước tây, rộng 26 thước, cao 18 thước, tiếp liền với một nhà nguyện cực kỳ xinh xắn, với 48 thước chiều dài, 26 thước chiều rộng và 20 thước chiều cao.

Hàng chục ngàn gia đình từ bao lâu nay có liên hệ với tòa nhà này, ít ai ngờ rằng đây là dấu tích của một bậc danh nhân đáng kính trong sử Việt. Ngay đến các bà Phuort, tuy vẫn ghi nhớ công ơn của kiến trúc sư buổi đầu, nhưng lại ghi tên kiến trúc sư ấy là một « Thầy Học » nào đó chứ chẳng phải một danh nhân nào !

Vậy thì ai đã xây tòa nhà kỳ cựu nhất thủ đô và xây trong trường hợp nào ? Ba tài liệu « đầu tay » sẽ giải đáp các câu hỏi đó.

Kiến trúc - sư Nguyễn Trường-Tộ

Tập Sư-tích Ông Nguyễn Trường-Tộ do con trai là Nguyễn Trường-Cửu

soạn, hiện chúng tôi giữ bản sao — có đoạn như sau, viết theo lối văn cũ sơ :

..« Rồi (ông Nguyễn-trường-Tộ) sang nước Đạt-Pháp, ở thành Ba-le, là kinh đô, đi du lịch xem chính trị, học hành, kỹ nghệ, phong tục nước Đạt-Pháp. Khi nghe lặng sáp (1) rồi, thì Đức Cha Hậu (2) lại đem ông Tộ và các Cụ (3) về Nhà-chung Xã-đoài mà ở. Bấy giờ trong Nhà-chung, ngoài dân sự, tan tành tật toát, chẳng còn gì nữa, thì ông Tộ ra mầu và coi sóc làm nhà phòng cho Đức Cha Hậu ở, có làm cái vong lâu để cầu đổi rạng :

Tây-quốc cơ đồ... (câu này thiếu 3 chữ)

Nam thiên vỹ lộ túc niêm nhu (4)

Lại làm nhà hai tầng cho Cố giứ việc ở, và nhà Tròng La-tinh ba tầng, hình chữ thập gọi là « nhà Tây » cho học trò la-tinh ở và học, hãy còn đến rặng (5), cùng làm nhà thờ Đức Bà riêng cho học trò, theo mẫu nhà thờ Đức Bà hiện ra thành Lộ đức (Lourdes) đẹp lâm, và ở ngoài xây tường cái hoa lộng, giồng các sắc hoa tây nam rực rỡ xanh tươi vui mắt lâm, rực hư rực. Đoạn tậu vườn làm nhà ở phía bắc Nhà-chung, làm iờ để lại, cảng cả nhà và vườn cho Nhà-chung, rồi vào Gia-dịnh làm sở nhà Bà Phuort cho các người nhà mụ Tây ở ».

Như vậy sự nghiệp kiến-trúc của Ông Nguyễn Trường-Tộ cũng rất quan-trọng nhất là ở buổi giao thời khó khăn ấy.

Bốn tòa nhà ở Xã-đoài, thì đã rõ rệt rồi, còn « Sở Bà Phuort...Nhà Mụ Tây » ở Gia-dịnh là nhà nào ?

Lịch sử truyền giáo cho biết : khoảng tháng tư năm 1860, đáp lời mời của Đức Giám mục Lefèvre, các Nữ tu Dòng Thánh Phao-lô gốc ở thành Chartres, từ căn cứ Hương cảng đặt chân đến Sài-gòn. Tháng mười năm sau (1861), đến lượt các Nữ tu Dòng kính từ Lisieux đến. Thoạt đầu mấy Nữ tu đầu tiên của hai Dòng chia nhau ở chung căn nhà lá gần nhau thờ ở khu chợ cũ bây giờ. Sang năm 1862, Mẹ Philomène, bề trên Dòng kính, quyết định xây cơ sở viện tu trên khu đất Đường Thành (Rue de la Citadelle) sau đổi là đại lộ Luro, tức đại lộ Cường-Đè ngày nay, đến cuối năm thì hoàn tất. Cùng năm ấy vào tháng chín Mẹ Benjamin, bề trên Dòng thánh

★ PHẠM ĐÌNH KHIÊM ★

Phao-lô cũng khởi công xây cất « Nhà Trắng » đối diện ngay với Dòng Kín. Công cuộc này phải thực hiện trong hai năm mới hoàn thành.

Các tài liệu đều cho biết lúc ấy Giám mục địa phận Vinh là Ngô-Gia Hậu (Gauthier) có mặt tại Saigon và trong khi chờ trở về Nghệ An, người nhận làm tuyên úy cho Nhà Kín. Như vậy tất có cả ông Nguyễn Trường-Tộ. Nhưng ông đã xây ngôi nhà nào trong số hai « nhà mụ tây » nói trên ?

Dòng kín chẳng ? Không phải. Vì ký sự Dòng Kín ghi rõ tên người đảm nhận việc xây cất là cha Roy, Linh mục thừa sai.

Vậy chỉ còn « Nhà Trắng ». Nhưng, như trên đã nói, ký sự « Nhà Trắng » lại ghi tên kiến trúc sư là « Thầy Học ». Phải nhờ phương pháp phê bình sử học, chúng ta mới trả lại được cho danh nhân Nguyễn Trường-Tộ tác phẩm kiến trúc quan trọng nhất của ông.

Tài liệu của Nhà - Trắng

Đây là một tập tài liệu viết tay, nhan đề « La Crédation des Etablissements des Soeurs de Saint Paul de Chartres en Extrême-Orient » (ký sự về thành lập các cơ sở Dòng Thánh Phao-lô thành Chartres tại Viễn Đông) do Mẹ Benjamin, sáng lập Nhà Trắng, soạn thảo và lưu lại như « gia phả » của ta. Trong khi viết về « Thầy Học » tác giả đã đề lô nhiều phương diện khiến ta có thể nhận ra được nhân vật ấy chính là Nguyễn Trường-Tộ tiền sinh.

Đặc biệt, tác giả cho biết ; Mẹ Bé trên phải thỏa thuận với Đức Cha Ngô Gia Hậu để « Thầy Học » xây cất Nhà Trắng. Như vậy dù hiểu « Thầy Học » là người tùy tùng Đức Cha, môn đệ Đức Cha.

Tác giả lại nói « Thầy Học » là giáo hữu Đàng Ngoài, là « chủng sinh » (seminariste).

Sau cùng, tác giả cho biết « Thầy Học » rất thông minh, rất linh hoạt hoàn toàn tự tin ở tài nghệ của mình và hi sinh không cầu lợi.

Tất cả các chi tiết ấy ứng hợp hoàn toàn với ông Nguyễn Trường Tộ, từ địa vị, quê quán, học thức đề cao tinh, đức hạnh và chí minh ông thôi—mặc dầu Đức Cha Ngô gia Hậu, trên đường lưu vong, có mang theo ba đồ đệ khác nữa như dẫn ở trên. Dĩ nhiên, ông không phải là « chủng sinh », nhưng hoàn cảnh ông lúc đó và mối liên hệ với Đức Cha Hậu khiến mọi người coi ông cũng là chủng sinh như ba bạn đồng hành khác.

Sau cùng, ngay đến hai tiếng « Thầy Học » dùng để chỉ ông Nguyễn Trường Tộ cũng rất là xứng hợp với ông : Ông đã từng làm thầy dạy học cho Nhà Chung, và dã tỏ ra là con người ham học, học giỏi, lúc nào cũng học, không ai hơn !

Như vậy, vì kiến-trúc-sư xây cất Nhà Trắng Saigon đích danh là ông Nguyễn Trường-Tộ. Danh xưng « Thầy Học » có lẽ là một « biệt hiệu » thông thường người ta dùng để chỉ về ông, mà bà Phước tây ghi vào ký-sự như tên riêng. Vào thời ấy, ở hoàn cảnh ấy, với những chi tiết ấy, ngoài ông ra, không có nhân vật nào khác thích ứng với « sử liệu » của Nhà Trắng.

Tài Liệu Từ Paris

Giả như còn ai thắc mắc, chúng tôi lại xin đưa thêm một bằng có khác nữa cũng vào thời đó. Tạp chí « La Semaine religieuse » ở Paris, năm 1867, quyển II, trang 731, nhân nói về phái đoàn do vua Tự Đức cử sang Pháp hồi ấy, có viết :

« Người Đông phương ở trong phái bộ thì có hai ông quan và một người kiến trúc sư Công giáo, có trí nhớ lạ lùng, tài năng lỗi lạc, và chính là người đã xây giáo đường của ta ở Sài Gòn ».

Hai ông quan là Nguyễn Tăng Doãn và Trần Văn Đạo. Kiến trúc sư chính là Nguyễn Trường Tộ. Công cuộc kiến thiết của ông được tiếng vang tận trời Âu, thời phải là một công cuộc lớn. Xét thời bấy giờ, Nhà thờ Đức Bà chưa xây, còn đặt tạm ở Chợ cũ, vậy trong giáo đoàn Saigon, nếu có công cuộc kiến trúc nào lớn lao đáng kể, thì chỉ là Tu viện của Dòng Thánh Phaolô, vừa khánh thành trước đó mới ba năm,

Nhân đây, chúng tôi tưởng có thể nhận định rằng Nhà Trắng Saigon được xây trước các cơ sở ở Xá Đoài, và là

tác phẩm kiến trúc đầu tay của Nguyễn Tiên sinh đồng thời là tòa nhà đầu tiên ở Việt-Nam theo khoa kiến trúc mới. Bằng có : Tiên sinh xuất ngoại năm 1860 mà năm 1862 ông đã khởi công xây cất ở Saigon, vậy có thời giờ đầu mà xây bao nhiêu công cuộc khác ở quê hương. Điều này cũng xác nhận một chi tiết về tiêu sử : Từ Âu-Châu ông về Saigon trước, rồi mới về Nghệ An sau năm 1864. Còn về phí tồn xây cất Nhà Trắng có tác giả (không ghi xuất xứ) viết ; theo sự ước lượng thông thường phải tốn ba chục vạn đồng nhưng ông Nguyễn Trường Tộ chỉ làm hết mươi vạn. Điều ấy chứng tỏ tưởng là lời truyền tụng mà thôi.

Một bức chân dung linh động

Đến đây, chúng tôi xin trở lại với bản ký sự của Nhà Trắng Saigon, một tài liệu quý giá liên hệ đến tiêu sử ông Nguyễn Trường Tộ. Ngoài việc xác nhận sự nghiệp kến trúc của ông, tài liệu này còn đề lò những nét đặc đáo về cá tính Tiên sinh và uy tín Tiên sinh đối với người đương thời. Vì vậy chúng tôi xin trích dịch nguyên văn cống hiến bạn đọc và bồ túc sử liệu về Tiên sinh.

Ký sự viết :

.. « Được khu đất tốt đẹp như vậy, lại chán cảnh lạm bợ nhiều khi còn tốn kém hhn, bù bê trên liền quyết định xây nhà vững chắc. Bà bàn tính công việc xây cất ấy với Đức Cha Gauthier và Cha Croc (6) các vị này đồng ý rằng khi trở về Đàng ngoài, sẽ đề THẦY (chủng sinh) HOC (tức ông Nguyễn Trường Tộ) ở lại điều kiện các công tác. Nhà dùng liền trao đổi án nhà tu và nhà nguyện cho kiến trúc sư trẻ tuổi, nhưng ông hăng hái quá độ, chỉ khảo vấn nghệ thuật của mình chờ chẳng chịu xem đến túi tiền của chúng tôi ; ở nhà nguyện, thay vì làm một cái vòm đơn sơ như vẽ trong đồ án, ông lại làm thêm cột ; các trang trí, các bức họa đều do ông làm ; cả tháp chuông cũng vậy, mặc dầu chúng tôi định hoán vị ; làm tháp chuông, vì chi phí đã lên cao khá nhiều.

• Bên nhà tu, ông lại trang trí thêm cho đẹp mắt, và dẫu nói thế nào, ông cũng không chịu làm một cái mái kiêu đon và như vẽ trong họa đồ.

« Ông là một giáo hữu ở Đàng-ngoài ; không kèo cái tính kiên quyết theo ý tưởng của mình, ông lại rất thông minh, rất linh hoạt và hy sinh vô vị lợi ; đến mức tuyệt đối, vì ông không nhận một đồng lương nào, chỉ ăn cơm

không và tiêu cặt chút đỉnh. Không có ông, chúng tôi không bao giờ có thể xây dựng được nòi vận tu, nòi nguyện đường, bởi vì thời đã không quen việc, lại không có ai chỉ huy, đến nỗi Chánh-phủ cũng không xây cất được tòa nhà nào. Chúng tôi sẽ chờ đợi tri ân người chủng-sinh tận tâm ấy, cũng như Đức Cha Gauthier và Đức Cha Croc, những vị đại ân nhân của chúng tôi ở xứ Nam sau Đặng Quan-phòng.

« Nhà Nguyễn được đà nền vào tháng chín năm 1862, mấy tuần sau thì đến lượt Viện tu và mồ-côi (Sainte-Enfance). Nhờ Thầy Học (tức Ông Nguyễn trường-Tộ), công tác kiến thiết tiến hành rất mau chóng, đến ngày 18 tháng 8 năm 1864 chúng tôi đã có thể đến ở nhà đó với 150 em mồ côi.

• Ngày 10 tháng 8 tiếp đó, Đức Cha Lefebvre chủ tọa lễ làm phép nhà nguyện. Du khách ngược dòng sông đến Saigon, từ đàng xa đã phải chú ý trước hết đến ngọn tháp nhọn với đường nét thanh thoát nồi lén trên nhà nguyện của Viện Tu. »



Đề chấm dứt, chúng tôi thành thật cảm tạ Mẹ Bè - trên ARSENE đã vui lòng mở cho chúng tôi tập hồ sơ xưa từ một thế kỷ của Dòng Thánh Thao lô tại Việt Nam, nhờ đó mà chúng tôi sung sướng tìm được, qua sự nghiệp kiến trúc Nhà Trắng, một bức chân dung linh động (chỉ vẽ bằng mấy nét chấm phá) về bức chí sĩ khả kính của dân tộc Việt Nam.

Sự thật lịch sử đã được lập lại, từ nay mỗi khi đi ngang « Nhà Trắng » Saigon, du khách nhìn lên bức tượng Thánh Phao-lô ngự giữa sân danh dự, chẳng những nhớ đến vị Bồn mạng chung của các Nữ tu dòng Thánh Phao-lô thành Chartres đang theo đuổi công cuộc bác ái trên khắp hoàn cầu, mà còn liên tưởng đến vị kiến trúc sư tài ba và chí sĩ khả kính Nguyễn Trường Tộ, cũng có Bồn mạng là Thánh Phao-lô.

P.D.K.

- (1) Lặng sấp : yên cuộc phản sấp (biện pháp thời cầm đao bắt giáo hữu phản tán và các làng bên lưỡng).
- (2) Đức Cha Gauthier, giám mục Vinh, có tên Việt là Ngô-gia-Hậu.
- (3) Cụ Khang, cụ Diều, cụ Hậu, lúc ấy chưa làm linh mục.
- (4) Nhân đây, xin đề nghị các bậc lão nhó thử nghĩ giúp ba chữ thiếu ở vế trên có thể là những chữ nào. Đó cũng là một trò chơi chữ lý thú vậy.
- (5) Nhà này vở sau đây chỉ đề các cha rẽ cấm phòng, hoặc hội họp, còn trường la-tinh ở chỗ khác.
- (6) Ông này sau cũng làm giám mục địa phận Nam Đàng ngoài (Tonkin méridional.) Tức địa phận Vinh ngày nay.



ĐI THĂM « NHÀ TRẮNG » SAIGON XÂY NĂM 1864

VÀI CẢM TƯỞNG VỀ NGHÈ - THUẬT KIẾN - TRÚC của NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ

DÃ lâu lắm, cầm bút đề vẽ, không hề viết bài bao giờ, chỉ biết ngưỡng mộ các anh em công việc lu bù, mà vẫn không quên bồn phận chia sẻ cảm tưởng về văn-chương, mỹ-thuật và kỹ-thuật mọi ngành với đồng-bào.

Hôm nay bị mấy anh em đòi phải viết, trong bụng thiệt là lo, chắc không thể nào diễn tả hết được sự mến phục đối với công trình kiến trúc vĩ đại đầu tiên mà Cụ Nguyễn Trường-Tộ đã xây trên khoảnh đất khi xưa còn bùn lầy, hoang dại...

Có ai ngờ giữa « Saigon xa xưa » lại có một công trình kiến trúc mặt

ngoài rất tầm thường, mà bên trong rất thẩm mỹ, chứa đựng toàn sự trang nhã, với những hình diện rất cân đối, và đường nét rất đơn sơ nhưng đã diễn tả hết được vật-liệu đã dùng.

Bước qua ngưỡng cửa vào, nhìn lên bậc thang tầm thước, khách đã phải e dè như sắp rút mũi tục lụy để vào chốn tôn nghiêm.

Đến bậc thang cuối, nhù qua hai cánh cửa gỗ bật đi bật lại, thấy được tất cả bề sâu của Tu-viện, khách rẽ vào bên trái, ngồi ở phòng đợi được một lát thì Mẹ Viện-trường đến.

Chào hỏi, giới thiệu, khen ngợi, nhắc lại lịch sử, rồi được Mẹ Viện Trưởng thân hành dẫn đi xem nhà.

Bài của Kiến-trúc-sư

NGÔ - VIẾT - THỤ

Đẹ nhất Giải La-mã

Ánh của MẠNH-ĐÂN

Qua hành lang rất sáng sủa, xuống bậc thang mới cất lại sau hồi Đại chiến thứ hai, qua sân rộng có nhiều cây cổ thụ um tùm tỏa bóng, đê vào hạ-diện : cất bằng đá nhám dày linh một thước, săn theo lối ô ong, nếp vôi còn trắng tinh không một chút suy sién, bắt cháp cả trăm năm qua...

Một thứ ánh sáng nhạt lọt qua các cửa bằng đà nhỏ chiếu vào các phòng

Vài cảm tưởng về nghệ-thuật kiến-trúc của Nguyễn Trường-Tộ

làm việc của tu nữ sắp đặt hai bên lối đi chính đè vào hạ điện, nằm tận phía trong cùng.

Hạ-diện có một lối kiến trúc súc-tích, thấp và rộng, xây theo lối khung vòm quá bán-viên, trang bày đơn sơ nhưng vẫn có vẻ cõi kính.

Bước lên bậc thang đè trở lên tầng trên, Mệ Viện trưởng dẫn vào thượng điện :

Thiệt là một kiệt tác phàm.

Cụ Nguyễn đã dùng vật liệu tại chỗ mà xây nên một giáo đường huy hoàng với đường nét thẩm mỹ lối Gothic. Các khu vòm hình liêm cung, đua nhau vượt lên tới 20 thước, không một chút chạm trồ hoa hoè. Sự cân đối của các diện-tích, sự giản-dị của cách phối hợp, tạo nên một hòa diệu hoan hỉ lạ lùng, thêm vào đó một thứ ánh sáng huyền ảo làm cho khách tưởng nhớ ngay đến giáo đường " Sainte Chapelle " ở Ba-lê, một kỳ công kiến trúc của Pierre de Montrouil, xây dưới đời Vua Thánh Louis, thế kỷ XIII.



"Bậc thang thoát-tục"
hay là cửa sổ Tu-Viện «Nhà-Trắng»

Có một điều lạ hơn nữa, là cảm giác khi nhìn chung công-trình ấy, khách liên tưởng đến một khúc nhạc hòa tấu của J. S. Bach. Thật là một sự thành công mỹ mĩ của một công trình kiến trúc tôn giáo (xin miễn nói đến đồ án bình điện là phần thuần túy chuyên môn).

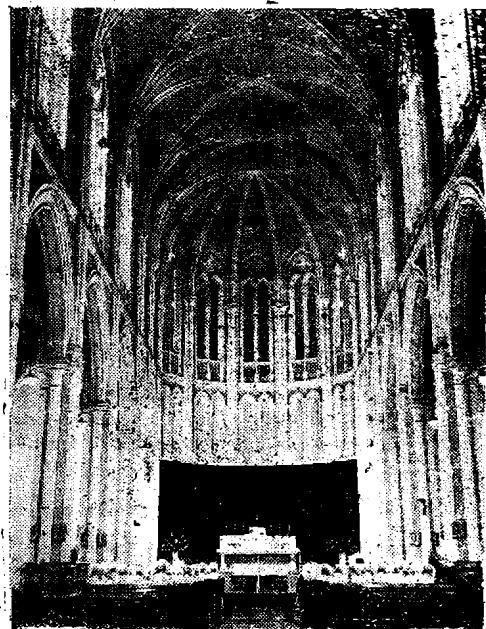
Ngược trở lại đè-di ngang qua bậc thang lên các tầm thắt nampus ở tầng trên, khách có thể thăm các thực-dường cao rộng, có thể dọn ăn cho hàng mấy trăm nữ-tu-sĩ, vẫn xây theo lối khung vòm quá bán viên, khách có thể vẫn còn băng khung trong bản nhạc tân kỳ của giáo đường, làm khuất cả sự thành tựu của nhiều phần khác của Tu viện mà có lẽ khách không được phép vào thăm hết.

Trở qua chiếc cửa bật đi bật lại, thì ra khách đã trở lại cái bậc thang tài tình, mà cụ Nguyễn đã nghĩ ra để cho khách trở về với cuộc thế, với những cảm tưởng nhẹ nhàng pha lẫn cảm phục.

Cảm tưởng nhẹ nhàng, vì sự thành công của vị kiến-trúc sư làm cho ai vào đó cũng cảm thấy thoát-tục.

Kính phục, vì ai ngờ ngoài cái tài chính trị, kinh tế và óc duy tân của cụ Nguyễn trường-Tộ mà ai ai cũng biết, Cụ lại có tài kiến-trúc đến như thế, làm cho người xem dầu không có tài cầm viết cũng phải mạo muội chia sẻ cảm tưởng của mình với đồng bào... Khi ra về, lẩn trong khúc nhạc của Bach, khách còn nghe có tiếng vang vẳng rặng tòa nhà đó đã đứng vững và chịu đựng được hơn ba mươi quả bom tưới xuống sát chung quanh hồi thế-giới đệ nhị chiến...

N.V.T.



« Đường nét nâng cao tầm hồn »
hay là vòm nóc nhà nguyện
Tu-viện « Nhà-Trắng »

VỀ TIỀU-SỬ

Ô.Nguyễn Trường-Tộ

I.— Từ trước các tác giả viết về ông Nguyễn Trường-Tộ, người nói ông sinh năm 1828, người viết 1829; người nói ông thọ 41 tuổi, người viết 44.

Bản sự-tích lưu trữ tại gia đình cho biết Tiết sinh từ trần ngày 10 tháng 10 năm Tự đắc thứ 24 tức năm 1871, thọ 41 tuổi.

Căn cứ vào đó, thì phải kè tiền sinh chào đời vào năm 1830 mới phải.

II.— Nhiều tác giả viết ông Nguyễn Trường-Tộ khi ở Âu châu về nước, có ghé Hương-cảng thăm miếu Hạng Võ, gặp vị Giám mục người Anh, được vị này tặng cho vài trăm cuốn sách v.v.

Sự thật, vẫn theo tài liệu kè trên, việc tiền sinh ghé thăm Hương-cảng và đền thờ miếu Hạng-võ, thuộc chuyến đi chí không phải lúc về.

Vị Giám-mục tặng sách không phải là « Giám-mục người Anh tại Hương-cảng » mà là một Giám Mục Thê phản-tai đảo Java (cố là là người Hà-la-lan), và cũng trong chuyến đi. (Sự-tích chép là « già Gia-đì », gần « cửa biển hẹp gọi là Tiong Tha Hải Hiệp (Déli. de la Sonda — đúng là Detroit de la Sonde). »

III.— Sự-tích của gia đình nói : Tiền sinh từ Âu châu về Xã doái, xây cất bốn cơ sở cho Nhà chung, rồi vào Sài gòn cát « Nhà Mỹ Tây ». Bài nghiên cứu về việc kiến-trúc Nhà trắng đáng ở số này minh chứng Tiền sinh xây nhà trắng trước các nhà ở Xã doái. Như vậy có lẽ Tiền sinh khi ở Âu châu về, đã ghé thăm Sài gòn không qua Hương-cảng, ở lại cát xong Nhà trắng (1862-1864), rồi mới về quê hương.

KẾ-HOẠCH GÂY NHÂN-TÀI

**Chính nhan đê là : «Học tập trừ tài tràn tình tập»
(Tập tràn-tình về việc học tập để dành gây nhân tài)**

Lần đầu dịch ra Việt-văn do TRẦN-QUANG-XÁN và TRẦN-HỮU-HUYỀN

L. T. S.— Đây là một trong những điều trần quan trọng nhất do Ông Nguyễn Trường-Tộ đệ lên Cơ-mật-viện ở Huế hồi tháng chín năm Tự-đức thứ 24, (1871) (không ghi rõ ngày).

Sau khi phê bình lối học khoa cử từ chương của ta, và nêu ra gương thịnh suy của các nước Đông Tây tùy thuộc nơi việc học, tác giả đưa ra những thỉnh nguyện cụ thể để gây dựng và đào tạo nhân tài, làm căn bản cho công cuộc phục hưng quốc gia.

TÔI trộm nghĩ : từ ít lâu nay Triều-Đinh đã gấp rút lo việc tự cưỡng, mở rộng đường dư luận, lập ra nhiều đề mục mới, để trong nước không một tài năng bị vứt bỏ, không một việc tốt đẹp bị sơ sót. Chỗ dụng tẩm đó, đáng dù coi là đã rất mực tha thiết vậy !

Nhưng ngoài môn khoa cử ra, thì chưa từng được thấy có một khoa nào khác lạ, dè hòng đáp lại chỗ trong mong đó của trều đình. Thực là mong mà chưa đạt được.

Tháng trước, trong lập « Quốc vị vi trọng, quan vị vi quý » vẫn để tôi đã trình bày, chính là nền tảng gốc rễ lớn cho những việc phúc thiện trong nước tự đó phát sinh, là theo chối cho sự thăng giáng cõi kim, cho sự suy thịnh của người và nhà.

Giờ đây tôi lại xin trình bày một lập vấn việc học tập, vì nó là một con đường lớn dẫn đưa đến chỗ giàu mạnh. Tự trung, ngòn ngữ tựa bô bô, muu mới ; có vẻ như quá trọng vọng người mà hạ thấp giá trị mình. Nhưng « Chửi Phật mới là yêu Phật » (1) nên dám mong rằng sẽ được Triều-đinh xé : thấu cho chỗ khố tâm của tôi, mà đừng thử cho.

Trộm nghĩ : đạo đức nhân nghĩa là bản tính của con người. Đầu là phương mọi rợ, cũng không thể bô bó mà giữ được đất nước tồn tại. Đến kẽ đạo đức, cũng không thể ngoài chỗ trí của thánh hiền được. Nhưng kẽ nói nhân nghĩa, mà lại bo bo thủ lợ, thời trí phai lu mờ, không còn biết phải trái, không còn có tài nghệ, dè tự nuôi đường sở học. Vì thế nên thấy lợi quên nghĩa, phán dục thẳng, thiên lý vong.

Người xưa đã nói : phải có đầy đủ kho lâm dã, rồi sau mới biết tới lê tiết. Ăn mặc đủ đũ, rồi sau mới nghĩ đến vinh nhục. Nếu đã bị cái ngắt đeo dùi, thì chỉ những lo cùu tú cũng chưa xong, bởi còn giữ gìn lê nghĩa sao được ?

Che nén Mạnh-tử nói đến « Nhân » là dựa vào chỗ của cái đã có sẵn ; Không-Tử nói đến « Tín » trước cũng phải lấy chỗ dù ăn.

Xét kỹ thâm ý, thì « Phú » phải đi trước « Giáo », đến « Nghệ » là thành việc vây. Bởi vì có làm sáng được tài nghệ, mới thấu rõ các lẽ của người của vật, mà nuôi dưỡng cái gốc của đạo đức.

Cho nên công hiệu của những việc « chính tâm », « tu thân » « tề gia » tất ở sau « cách vật trí tri ». Mà công phu của cách vật trí tri là do nơi học tập.

Người xưa có nói : một « nghệ » không biết, kẻ nho già phải lấy làm thận ; chó không nói một « chữ » không biết ! thật đã coi trời, đất, người ta, đều là sự vật hết thảy.

Còn nhân thấu rõ phép cầu đạo, nên cho rằng gãy thì tự học lấy nơi mình, xa thì học lấy ở muôn vật. Chính chỗ tự học mình, học muôn vật, học nghệ nghiệp đó là đề hiếu đạo-lý vậy.

Cái « đức nghiệp » của đời người, gốc từ bồi nhô bê.

Vì thế cho nên người xưa bắt đầu học thì được dạy về « lục nghệ » (2). Sau khi đã tới chỗ « cù đức », « y nhân » (3) lại còn nói đến « du nghệ » nữa (4). « Nghệ » mới là chỗ thùy chung.

Xưa kia, người được gọi là bậc đại thánh, là lấy theo chỗ biết « khai vật thành vu » (5). Như từ Phục-Hi, Thần-Nông, Hoàng-Đế, bắt đầu bầy ra dù dường làm việc, tới những công cuộc « tự công tu phủ » của Nghiêm, Thuấn, « tri thùy tác cổng » của Đại-Vú ; « chính phạt khai cơ » của Thang, Võ ; « chế tác tập thành » của Chu-Công ; Cửu phủ lợi dụng » của Thái-Công.

Vào những thời đại đó, chưa từng nghe nói đến cái gọi là văn chương vậy.

Từ đời Tam Đại trở xuông, những bậc làm vua chúa như từ Ngũ Bá cho tới Tần, Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, kẻ mờ mang dựng nghiệp cũng chưa từng căn cứ ở cái gọi là văn chương.

Làm từ bậc tướng văn tướng võ tiếng tăm, như tài nội chính của Quán-Trọng ; tài dùng binh của Tiêu-Chuẩn ; tài tung hoành của Tô-Lần, Trương-Nghi ; chỗ ít chữ nghĩa của Tiêu-Hà, Tào-Tham ; và cho tới cả những bang Trương-Lương, Đặng-Vú. Không Minh, Phùng-Đỗ, Quách-tử-Nghi, cũng chưa từng dựa vào cái gọi là chương-cử.

Hạng dân man rợ, như rợ Yêm-Doân đòi Chu, rợ Đột-Quyết đòi Đường, rợ Huug-Nô đòi Hán, tất cả người Man Mông khi đó cường thịnh vượt cả Trung Quốc, mà cũng không ý được sức mạnh dè dù đầu cười cõi người ta được mãi mãi. Là vì khi đó người ta đã có hạng tài nghệ giỏi giang vậy.

Nay cứ xem các sách vở về luật, lịch, thuốc men, binh thư, kỹ nghệ, khí cụ, thày điu lưu truyền từ đời Đường trở về trước, từ Ngũ Đế trở về sau, cũng dùi tướng tưống thấy chỗ chuyên môn đã ghi quí của những thời đó.

Rồi tiếp theo, từ những đời Lóng đời Minh chỉ chuyên về mặt văn học úy mị, yếu hèn, không phẫn phát lên được. Mai sau đến đời Nguyễn, đời Thanh, vẫn còn tiếp tục như thế. Dẫu có thể đó là vận hội xui nên, nhưng cũng tại thiển người tài năng xuất chúng đùng ra cheo chổng vậy.

Tây phương cũng thế. Vào khoảng các đời Hán, Đường, Tống, thì Lạc-Má (6) cũng

dương là một triều đại nhất thống. Vô công của triều đại này vang dội khắp bốn bề, uy linh tràn ngập ba phương lại từng chẽ tạo ra được lâm thú lật lùng, còn lưu truyền tới bây giờ.

Nhưng tới nửa chừng triều đại trở về sau, kẻ thù thành thì chỉ biết lấy yên tiệc làm vui, kẻ sú tiến thâu thì chỉ lấy vui chương làm bậc thang tiến bước. Hạng quân tử thay nhau xuất hiện khi đó cũng chỉ viết lách lập luận theo kiều từ chương để tự coi là cao, là khác, mà dần dà bỏ mất thực học, dè dặt nỗi bị đám mọt rợ miếng Tây bắc đập dò, mà chia xé thành liệt quốc.

Tới nay, người Tây phương đã biết lấy đó làm răn, cho nên trong việc kén chọn quan chức, tuyệt không hề có một khoa văn chương !

Ngoài Trung-Quốc, Nhật-Bản, Cao-Ly, và nước ta ra, không có một ngóc nào còn đem văn chương dè mà lựa chọn nhân tài.

Mà thực ra, thời phu cũng chẳng dày lui được giặc giã, ngàn vạn lời nói suông cũng chẳng dứt được một kế hoạch. Cho nên họ đã thay đổi di mà học theo việc làm của Tạo-Hóa, vì vạn vật mới là thày của muôn dân. Mọi công việc Tạo vật đã làm, thày đều thực dụng, như thời khắc lưu hành, vạn vật sinh sôi, hơi nước bốc lên, nước mưa rơi xuống, trăng, sao, tinh tú trên trời, gió, mây, mưa, tuyệt giừa không gian, chim muông, cầm thú, động vật, thực vật, trên mặt đất, những kinh doanh vận động của nhân loại, phim mọi thứ mắt người xem thấy có nay nօ, biến hóa, đều là nõnng vật có thực dụng cả.

Nếu chúng ta không biết noi theo đường sáng tạo của Hóa Công, không biết bắt chước những vật hữu hình, không biết học theo cái quyền lực xảo diệu, không biết lim đong theo sự xếp đặt lớp lang thứ tự, không biết quản trị những quí báu xem nỗi sòng, không biết dùng đến những báu vật trời đã dành cho gồm tất cả khí lực, tài chất Tạo-vật đã sinh ra, cơ nghiệp vinh viễn còn truyền lại, chỉ những trao phó cho lời nói sòng mà không nghĩ tới iác thành những cái đợc truyền lại, khéo dùng những cái được bao phát, dè cù chờ cho tới lúc sự thế bắt buộc, mới nứa mặt kêu trời rằng sao trời nօ làm tình làm tội tôi chi.

Hãy chăg làm nhục lây cho tạo vật sao ?

Vì thế cáo nêu học tập tài nghệ chính là để bắt chước theo cách thức của Tạo vật. Như cù nhau xem thấy thứ cỏ bông lán chuyên mà ra xe cộ, học theo hình trang khuyết mà chẽ ra cây cung ; láy hình con vật mà chẽ ra chũ,

(1) Nguyễn văn : « Mạ Phật phương thị át Phật ».

(2) Lê, nhạc, xạ, ngự, thư, số,

(3) Cù đức : dựa vào đức. Y nhân : theo đường nhân,

(4) Du nghệ : ý nói giỏi về nghệ nghiệp.

(5) Ý nói biết đem sự vật biến thành công việc.

(6) Tác giả hẳn muôn nói Đế-quốc La-mā.

BEN-HUR

TRUYỆN DÀI CỦA LEW WALLACE và GUY ENDORE
Bản dịch của LÊ - CÔNG - THÀNH

(Tiếp theo)

II

HÔM sau ngày ba người lạ nói trên gặp nhau trong sa mạc, một anh thợ mộc lối bốn mươi tuổi, tên Josep, rời Nazareth từ bừng-tung sáng để đi Bethléem. Anh nắm cương dắt một con lừa và trên lưng lừa là người vợ trẻ tuổi của anh, tên Marie. Vợ anh chưa quá mươi lăm tuổi nhưng đang có thai gần ngày đứa con đầu lòng.

Muốn tới Bethléem phải đi ngang kinh thành Jérusalem. Hai vợ chồng anh thợ mộc vừa bước qua cửa thành thì đã bị kẹt giữa đám đông. Joseph cố lách đi, lòng nơm nớp lo cho Marie.

Trong rừng người quay cuồng đó, tai nạn bất ngờ có thể xảy ra không biết lúc nào. Thật vậy, chính tại cửa thành này, con đường Bắc-Nam từ Nazareth đi Bel'léem giáp mồi với con đường Đông-Tây từ Jérusalem ra hải cảng Jaffa. Vài tý ngắn xưa, ngã tư đường ấy là một cảnh chợ trời náo-nhật lạ thường. Lái buôn súc vật chen lấn các nhà trong lùa ngồi vắt vẻo trên lưng lạc-dà với hàng tá giò chà-là, lựu. Thêm vào đó, các bà chăn nuôi lùa vào thành phố nào bò, nào trâu, nào dê dùng tế thần tại đền lớn. Và, như đè đưa cảnh hồn-dộn lên tới cực độ, bọn bán hàng rong mang từng đóng quân áo, hàng vải chạy lẩn-quẩn, choán cả lối đi, giành-giật khách hàng với các chủ sạp, sanh ra cãi-vã thô-lục và thường lường đánh nhau tri莽.

Còn nói gì tới bọn bán gà vịt, chim-chicken. Họ chất hàng chục giò gà hay lồng chim trên cầu, chen lấn, la hét, không kè gì những bệ phản gà phản vịt đinh khấp mặt mày, râu tóc họ.

Người ta lại trông thấy các mụ bán nữ trang đeo ở cườm tay, ống chân hàng trăm chiếc vòng bằng thau, đeo ở cổ hàng tá cây kiềng mạ, còn lồ tay, cảng rông dí thường, thì đeo khoen vàng nhỏ lớn đủ cở trông như họ đeo hai chùm nho to. Nhiều mụ khác treo trước ngực cả một quầy hàng, bày bán đủ thứ dâu thơm sáp chài tóc; họ lượn khắp các nẻo đường, buông lại sau lưng họ một luồng hương ngày-ngật.

Nhưng, chính các bác bán nước trái cây là ồn ào hơn cả. Họ là những người lục lưỡng, râu tóc rối nùi, chân lâm lem bùn đất, đầu đội bầu da dày nước nho hay nước lựu, miệng hép hếp như mồ làng: « Nước nho nguyên chất đây ? Nước lựu thượng hảo hạng đây ? »

Càng khó tin hơn nữa là giữa biển người chật ních ấy vẫn còn chỗ cho một đám con nít liều quí, bày trò cảnh sát ruột ăn trộm đe cõi linh tảo thêm cảnh xô đẩy hỗn loạn hẫu có cơ hội chớp một giò chà là hay một xấp vải.

Ngoài ra, từ ngày dân La-Má đến cai-trị xứ này, cảnh chợ náo-nhật nhiều lớp người trước kia không bao giờ đám xuất đầu lô dien: đó là bọn dù rắn, bọn thầy bói, bọn du giây và khói phai nói, bọn các ả buôn hương.

— Tôi có nghe, nhưng tôi rất dốt những việc ấy.

— Vì bác đã không sùng-kính Chúa của bác. Nếu bác gieo tội, bác chỉ có thể gặt tội. Vậy ra không có ai giúp tôi đi tìm Đáng Cứu-Thế ư ? Tôi phải tiếp tục đi một mình ư ?

Ké cuồng-lín ấy than xong bỏ đi không ngành lại.

Phải mất thêm trọn nửa giờ nữa Joseph mới ra khỏi chợ. Anh nghỉ một lúc rồi rẽ qua con đường đi Bethléem bên tay trái. Con đường này quanh co dồn xuống thung-lũng Hinnom, giữa những vườn ô-liu bô hoang. Joseph ăn-cửu đi bên cạnh vỹ và thận-trọng dán dắt con lừa từng bước một.

Vì đường lối-lộm khó đi nên họ tiến rất chậm. Mặt trời càng lín cao, không-khí càng oi-á, khó thở. Marie lở ve thẩm mệt. Nàng dẹp áo rơi và khăn quấn mệt dề đón chờ một tí gió mát. Đè cho nàng quên đường xa, Joseph kè nàng nghe lịch-sử của tè-tiên anh: chính tại nơi này, một ngàn năm về trước, David đã tấn công bắt thần quân Philistins ngay trong doanh trại của chúng... Những điều anh kè không khác mày may câu chuyện cõi-truyền rút trong sách của Salomon gồm toàn chiến-tranh và giết chóc, khiên Marie nhảm lai không quan tâm tới nữa: nàng lầm dim ngủ, đầu lắc-lư theo nhịp đi của con lừa.

Tình thoảng, nghĩ tới giờ làm bồn sấp đến, môi nàng run như bị xúc động bởi một cảm giác vừa sợ hãi vừa bồn chồn. Nàng ngước mắt lên trời, tay xếp tréo trước ngực hình như siết đứa con còn trong lòng. Lúc đó trông nàng như biến hình, không còn là người trần gian nữa. Joseph há mồm quên kè nốt câu chuyện, gật gù nhìn với đôi mắt mờ mèo.

Và họ vẫn tiến bước. Họ đi vòng cánh đồng lớn, rồi thì tới ngọn đồi Mar Elias. Nhìn qua thung lũng bên kia sườn đồi, họ đã trông thấy Bethléem với vòng tường trắng, chói sáng trên nền nâu sẫm của của các vườn cây trại lá. Trước khi qua thung lũng, họ dừng lại giây lát cho lừa ăn ít cỏ và chỉnh bộ cung dùng qua loa một búa ăn đậm bạc.

Nhưng mùa đông xé chiều rất ngắn và họ đã bắt đầu nghe lạnh. Họ lại lén yên, tiếp-tục đi. Bây giờ thì họ không còn tro-trọi một mình nữa. Nhiều kè bâ hành khác, từ khắp hướng, cùng đến nhập bọn với họ. Khi qua khỏi trại đà tròn đánh dấu mộ của Rachel (1) và sắp sửa vào cửa làng, Joseph bỗng băn-khn lo-lắng.

Làm sao có dù chỗ cho ngần ấy người và lừa ngựa tại Bethléem ?

Chỗ trú tại Bethléem là một ngôi nhà vuông tưống dà, nóc bằng, chính giữa đè lợ thiên. Đó vừa là nơi nghỉ chơ cho các đoàn lú-hành, vừa là mạch nước của dân làng. Ngoài ra còn có nhiều cửa hàng buôn bán, nhiều trại thợ thủ công. Thời chiến, người ta dùng làm thành lũy. Thì bình, người ta mở cửa cho mọi kè lợ mặt vào ngài đêm một cách an toàn.

Khi vợ chồng Joseph tới дăi làng, họ diêng người nhìn thấy nơi trú đê đèn ngập người và vật. Joseph vỗ-về vợ :

— Mình an tâm đứng yên đây. Anh đi một chút về ngay.

Ngày thường, Joseph hiền nhur bụt, nhưng hôm nay anh mạnh dạo rẽ đám đông, thúc bén này lăn bén kia, bập bẹ một lời xin lỗi, song vẫn tiến bước. Không nhur sáng nay ở chợ Jérusalem sự quâ-quyết của anh khiến mọi người phải tránh đường cho anh đi. Cuối

(1) Vua Do-Thái, tạo lập kinh thành Jérusalem hồi thế kỷ thứ 10 trước Thiên Chúa Giáng Sinh.

(2) Rachel : mẹ của Joseph

cùng, anh tìm tới chúa gác đan, người to sầm, đứng chắn cửa vào nhà trù, một tay cầm cày lao dài, một tay dắt con chó dữ.

Joseph rụt rè :

— Chúc chúa bình an.

— Chúc bác và gia quyến bác bình an, người gác đan bình thản trả lời, song vẫn đứng yên không cử động.

— Tôi là dân Ling Bethléem.

— Bác và tôi, có ai không là dân Bethléem?

— Có lẽ chúa có...

— Không có gì cả.

— Tôi có chút định tiễn.

— Tiễn cho bác lâm nhung ở đây không có gì mua đâu.

— Chính đây là nơi chôn nha nhau cắt rún của tôi. Lâu lắm rồi, tôi rời quê nhà để đi Nazareth...

— Bác kể chuyện đó với tôi ích gì?

— Chỉ để cho chú biết qua vây thôi. Tôi là người giòng David. Nhà ta bấy giờ trước kia là nhà của tổ tiên tôi đã lại.

Joseph đặt cả hi vọng của mình vào mấy lời sau cùng này. Nếu nó không hiệu quả, thì anh có van lơn thế mấy cũng bằng thừa.

Ở Do-Thái, thuộc giòng vua David không phải là một việc tầm thường. Không một vinh quang nào khác có thể sánh kịp. Thật ra thì hơn ngàn năm đã trôi qua từ ngày tên chán của David, chỉ nhờ một cái dá với một cục đá nhỏ mà giết chết Goliath (1) và nhờ đó, được mời ngồi vua Saul, rồi sáng lập lấy triều đại của mình. Dẫu đã quá cũ, câu chuyện ấy vẫn còn làm mất của mọi người Do-Thái sáng quắc lên. Bao nhiêu chính chiểu, bao nhiêu thiên tài, bao nhiêu triều đại của những vua chúa khác và nhau là sự diễn tiến âm thầm của thời gian đã dìm dám con gòng cháu giống của David xuống ngang hàng với mọi người Do-Thái tầm thường khác về phuơng-diện tài-sản và anh kẽ; cũng như mọi người, họ phải làm lụng cực-nhọc để có miếng ăn, nhưng dì-vâng rạng-rỡ của họ, uy-thể báu tử của lịch-sử, vẫn nguyên-vẹn.

Tuy nhiên, riêng phần Joseph, anh ít khi dem cái dì-vâng để vương của tổ-tiên mình ra lòc người. Vì anh nhận chân rõ-rệt địa-vị thấp kém của mình. Anh chỉ là một chú thợ mộc hèn-mọn trong một thị-trấn nhỏ và không có gì khác lạ có thể thay đổi số kiếp anh. Và bỗng nhiên bấy giờ thốt ra câu : « Đây là nhà của tổ-tiên tôi », anh vụt thấy cảm-động vì câu ấy không phải là một câu nói khoác-lác, ướm-ở, mà chính li sự thật.

Người giữ cửa cung kính hạ cây lao xuống :

— Thưa tiên-sanh, ngôi nhà này mờ cửa lẩn dẫu-tiên hời nào để đón khách bộ-hành lở bước tôi thật không biết rõ, nhưng chắc đã lâu lắm, hơn ngàn năm có lẽ. Và từ thưở đó tới nay không hề có một người đứng-dẫn nào bị đuổi xô mà bỏ đi, trừ phi khi không còn mọi phòng nào trống — như hôm nay. Thật không còn một phòng nào cả. Nhưng vì tiên-sanh là con cháu của David, tôi xin mời tiên-sanh đi xem lại, rồi tiên-sanh sẽ nhận thấy ngôi nhà to lớn như thế này mà không còn một chỗ còn con có thể ngồi nghỉ chưa giày lát dùng nói chí tới nghìn cá đêm. Trong cauồng ngựa, trong sân, trên nóc bằng, dưới đáy cũng chật như nêm. Xin mời tiên-sanh vào.

Joseph thở dài :

— Tôi tin chúa băng lời, khỏi phải vào quan sát nữa.

Người giữ cửa trang trọng tiếp :

— Luật xú ta có dạy : « Hãy xem kẻ lừa đang ở với mình như người ruột thịt và hãy thương xót kẻ ấy như chính mình ».

(Còn nữa)

(1) Goliath : người không lồ, dân Philistin, lúc đó xâm chiếm xứ Do-Thái.

CHÍ-SĨ NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ ★ CHÍ-SĨ NG-TRƯỜNG-TỘ

(Tiếp theo trang 6)

Tuy nhiên, năm nhà điều trị bệnh không đi được, ông vẫn nghĩ đến thề thống quốc gia, nên trước khi phái đoàn lên đường sang Pháp, ngày 19 tháng 2 năm Mậu-Thìn (12 Mars 1868), ông có đệ trình một tờ biếu, tâu rõ các lễ tục của người phuơng tây, đề phái đoàn theo đó mà xử sự cho khỏi tồn thương thề diện.

Bấy giờ, tình hình mỗi ngày một thêm nghiêm trọng. Bệnh ông một ngày lại một thêm, khiến ông phải chịu nằm một chỗ, xê dịch khó khăn. Còn gì đau khổ bằng người thích hành động mà phải nằm một xó ; dù nằm một xó nhưng vẫn gắng gượng cắt tiếng kêu gào lo cho dân nước, mà bao lời thóng thiết không ai màng nghĩ tới !

Ngày 11 tháng chạp năm Tự-đức 23 (31 Janvier 1870), bỗng có chỉ vời ông vào kinh, đề hướng dẫn một đcàn du-học-c-sinh sang Âu-châu, hầu dùng vào việc thông dịch ! Nhưng dù thế nào, ông cũng đành phải dâng sớ xin từ, không còn phụng mạng đi đâu được nữa, vì bệnh cũ phát lại càng ngày càng nặng. Triều-đình bèn phái Linh-mục Nguyễn Điều di thay.

Rồi gượng bệnh, dường như biết mình sắp chết, trước khi chết toan đem bao nhiêu tâm huyết, tư tưởng, kiến thức có thể ích quốc lợi dân, giải bày ra hết để cống hiến quốc dân, ông lần lượt thảo ba bản diều trần nữa đệ trình :

1.— Bản *Điều trần về Quốc-tế giao-thông*, ngày 16 tháng 2 Tân-Vi (5 Avril 1871).

2.— Bản *Điều trần về Nông-chinh*, ngày 20 tháng 8 (4 Octobre 1871).

3. Bản « *Học tập trừ tài trần thỉnh lập* », xin mở mang việc học tập để trừ bị nhân tài, ngày tháng 9 (Nombre 1871).

Bản trần thỉnh sau cùng thảo dâng trong tháng 9, rồi chỉ trong tháng 10, ngày mồng 10 (22 Nombre 1871), ông mất, mới 41 tuổi.

Đến lúc sắp mất vẫn nghĩ đến diều ích quốc lợi dân, lòng thương mến nỗi giống của ông, còn ai dì nghị vào đâu được nữa ! Ông khố hận lòng mà mất, tam sự thật đáng cho người sau thương tiếc !

Theo tài liệu của ông Sở bảo Doãn Kế Thiện, bệnh tình của Nguyễn-Trường-Tộ người thì bảo là chứng truồng ung, người thì bảo là chứng huyết tích, vì trong lồng ngực thường có một khối nhỏ lèn xuống luôn luôn. Khi ông nhắm mắt, bè bạn và người quen biết đến thăm viếng rất đông. Có người bạn biết rõ hơn cả, vỗ vào thi thể ông, thở dài mà nói :

— Học thức rộng như thế, bao phụ to như thế, mà chẳng được thi thố một cái gì ở đời, đã không được sống lâu lại bị bệnh đau đớn ê-chè mới chết. Thương thay ! Tiếc thay !

Người nhà coi cái mền đắp thấy hơi có vết máu, mở xem, thì ra cái khối nhỏ ấy đã vỡ mà huyết phun ra vây.

Phê-bình ông, Lê Thước đã viết :

« Hơi ơi ! Nguyễn-Trường-Tộ là nhà văn-học, nhà chính trị và cũng là nhà tân-học nước ta xưa. Tư-tưởng và kiến thức của tiên-sinh hơn người đồng thời muôn nghìn. Giữa lúc người trong nước mê hồn cứ giữ thói đóng cửa làm hờ, mà tiên sinh dám hô to làlyn chỉ chổ lợi hại về nội chính ngoại giao, tài trí của tiên sinh sánh với Phù-trạch, Bố-son bên Nhật thì có phần hơn, chớ chẳng chổ kém. Nhưng tiếc vì trong triều lúc ấy, vua không biết xem người, bầy tôi thì có tình vị kỷ, khiến nên lời tiên sinh nói không ai nghe, mưu tiên sinh bày không ai làm, đe đến nỗi tiên sinh ôn chí mà chết, vận nước suy bại, non sông không khác, thành quách thay hết phân nửa. Kẻ có tâm sự đi qua nhà cũ tiên sinh, thấy những cây của tiên sinh trồng nay nó cao nghệu to lớn, thì sao cho khỏi nhớ tiếc tới việc trước mà mũi lòng rơi lụy. ».

Nhiều học giả cũng đồng ý cho rằng tâm chí Nguyễn-Trường-Tộ sánh ngang với Phúc-trach-Dụ-cát của Nhật, Khang Hữu-Vi của Trung-Hoa. Chỉ tiếc thất thời không được trọng dụng mà phải ôm khố hận lòng đến chết.

Lại có người bảo : Nguyễn-Trường-Tộ cũng đã từng được vua Tự-đức triệu dụng, sao lại nói là không có dịp thi thố ?

Điều đó quả thế, nhưng nên biết việc Vua Tự-Đức triệu dụng Ông, không phải là biết rõ đại tài mà dùng vào đại sự, chẳng qua chỉ vì sự bắt buộc mà phải đợi lúc dùng đến thôi. Bấy giờ, vì sự giao thiệp với người Pháp, trong khi thù ức, ngôn ngữ bất thông, cần phải dùng ông làm người thông dịch ; xong việc rồi lại thôi. Những điều do học vấn, tư tưởng, kiến thức của ông Nguyễn-Trường-Tộ từng bao lần to bày trong các bản diều trần như giải mật phoi gan, vua có xét tới đâu, chẳng thu dụng một điều gì, thì còn thi thố vào đâu được !

Chẳng đem thành bại luận anh hùng, thì cứ xem xét học vấn cũng tâm chí Nguyễn-Trường-Tộ đã từng bày tỏ, thân dù có lúc ở Tào mà lòng vẫn cứ hướng về Lưu, nỗi đau khổ và mối hận lòng ấy muôn thuở vẫn là đáng cảm.

NGUYỄN-BÁ-THẾ

MÁY VĂN THO'

Nguyễn Trường-Tộ

Đề Miêu Hạng Võ (Hương cảng)

Anh hùng dụng vũ phi vô địa
Chiến thắng thành công cái hữu thiên.
Dịch :
Dùng vũ anh hùng khêng thiếu dũng
Nên công chiến thắng ở như trời.

(Rút trong sách "NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ",
của Nguyễn-Lân)

★ Vịnh Phong Cảnh Núi Thạch-Bi

Phong bát nồng giao vũ bắt trời
Bi truyền vạn cổ tự thôi ngõi
Cô viễn như tước bài sơn dòi
Trác lập vô song trấn thùy ôi.
Tường thi bồ thiên tầng luyện quá;
Phi quan diền hải bị khu lai.
Nhược di chích trợ thành song trợ;
Địa tác bàn san hải tác bài.

Bài dịch của Thái-Bach :

Mưa khôn bè chuyền, gió khôn lay ;
Muôn thuở bia còn với voi dây.
Chợp đinh tròn xoe vàng đá dựng ;
Bên dòng sâu thẳm nước xanh vây.
Vá trời tường khách chân qua lại ;
Lấp biển như hình cánh vỗ bay.
Chiếc dừa ví thành đốt dừa được ;
Biển là chén nõ ; đất mâm này.



Vịnh phong cảnh Càn-Giờ

Nhân gia lão lạc tạp Tây triền
Nhất vọng bình lâm trấn hiều yêu.

VĂN-ĐÀN SỐ Giáng-sinh 1961

Nhắn tin các Bạn Cộng-tác
gần xa :

Bài vở nhận đến ngày
5.12.1961 là hạn chót.

Sơn khởi tam phong hồi hải ngạn ;
Đăng cao nhất trụ dẫn dương thuyền.
Quan hà diện định nhưng y cựu :
Cảnh sắc thương mang dĩ bất tiền
Như thử giang sơn thùy thị chủ ?
Yếu tướng tình tự vẫn chi thiên ?

Bài dịch của Thái-Bach :

Triển Tây san sát cửa nhà bên ;
Rừng lặng như dùn khói bốc lên.
Núi ngắt ngoài khơi, ba chỏm đá ;
Thuyền vào trong bến, một cây đèn.
Quan hà ngoảnh lại còn như cũ,
Cảnh sắc trong chừng đã biến thiên,
Sông núi giờ đây, ai chủ tá ?
Xanh kia hỏi thấu nỗi niềm riêng ?



Lời bình của dịch giả

Đọc những bài trên đây của Nguyễn-Trường-Tộ, ta thấy Ông là một nhà thơ chẳng những đã già dặn về phương diện kỹ thuật, mà về phần nội dung còn có một giọng hùng tráng lạ thường của một con người có một tâm hồn rất phong phú và cương nghị. Ông có những tư tưởng rất mới và hiếm có ở trong các nhà thơ xưa nay. Chẳng thế mà khi nhìn thấy núi Thạch-lư cao như chiếc dừa, Ông liền nghĩ ngay đến việc tranh quyền tạo-hóa để biến thành hai cái cho đất kia thành mâm, biền nõ thành chén.

Thơ Ông có những cái hay và cái hùng như vậy, tỏ ra một con người có tài tế thế kinh bang không phải nhỏ...

Nhưng than ôi, phải chăng hai câu thơ Ông đề miêu Hạng-Vương, cũng chính là Ông tự đề miêu Ông vậy ?

Tiếc thay ! Tài lại không gặp thời...

THÁI-BẠCH

Tôi viếng mộ Ng.T्र-Tộ

(Tiếp theo trang 9)

được phần nào tấm lòng ngưỡng mộ và nhớ ơn của quốc dân đối với bậc học giả hết lòng vì nước. Một tấm bia đá đặt trước mộ, còn lưu mãi hậu thế thanh danh và sự nghiệp của Người.

Lúc ấy, mặt trời đã khát sau đầy Trường-sơn, sương đã bắt đầu xuống và gió heo may thổi lạnh lùng. Kẻ âm người dương còn cách nhau ba tấc đất, nhưng tịch mịch, cô liêu và rét lạnh đã kéo hai lớp người lại gần nhau hơn nữa; và một Đức-Tin chung, một lòng Yêu Nước chung, đã tạo nên giữa kẻ sống và kẻ chết, một thông cảm hoàn toàn, một lòng một trí duy nhất — *cor unum et anima una!* Tôi không thể nào diễn tả lại được hết các cảm khái và ý niệm dồn dập đến với tôi lúc ấy.., Càng phục Ông bao nhiêu tôi lại càng thương Ông bấy nhiêu.., Thương Ông rồi lại thương mình, Thương Ông, thương mình rồi lại thương đất nước, thương giống nòi.., Thời-đại Ông, đất nước đi vào lầm than. Thời đại tôi đất nước thoát khỏi lầm than chang ? Kìa những tiếng reo hò "Độc lập Tự do hạnh phúc.. vang lên khắp nơi. Nhưng sao tôi bối rối ? sao tôi lo sợ tương lai ? Phải rồi ! Khi những con người miệng nói "Độc lập" mà lòng nghĩ « Sô viết » thì có khác gì những người đi cướp nước thay xưa ta nhận là « gieo rắc Văn minh » !..

Trong mỗi ưu tư ấy, tôi đã cầu nguyện vị Anh hùng mà nay đã là vị « Thánh » — sống khôn thác thiêng — dẫn đường cho bọn hậu tiến chúng tôi, trong mọi hoàn cảnh, giữ vững Đức Tin và một lòng yêu nước sáng suốt, như Nguyễn Trường Tộ tiên sinh đã từng nêu gương chóï lợi..



15 năm qua.. Mỗi lần nhớ lại cuộc hành hương kính viếng này, tôi vẫn tưởng như mới hôm qua.

Và hình như tôi vẫn còn nghe rõ trong lòng một tiếng nói rất thân yêu vang lên từ bên kia mồ...

Thứ đó, Ngày giỗ 90 năm Nguyễn Trường Tộ tiên sinh — 10 tháng 10 Tân Sửu (1961).

PHẠM ĐÌNH KHIÊM

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ VÀ Y-ĐĂNG BẮC-VĂN ★

(Tiếp theo trang 11)

trong trong nước. Ông cũng là người dự thảo Hiến pháp của Nhật, và đã nhiều lần làm thủ tướng hoặc chủ tịch Thượng nghị viện, hay chủ tịch Hội đồng Tư-vấn Hoàng-gia..., nên đã có dịp thi hành Hiến pháp do ông cùng các đồng chí soạn thảo. Đã dự phần lớn trong việc chiến thắng Nga (1904-1905), ông được giữ chức Toàn quyền nước Cao-ly, và sau bị một người Cao-ly ám sát ở Cáp-nhĩ-tân (Mân-châu) năm 1909...

Ông chết, nhưng tất cả hy-vọng của ông đã thành, và nước Nhật trở nên mạnh đại cường-quốc trên thế giới, một phần lớn đã do công Ông xây dựng.

Còn Nguyễn Trường-Tộ thì sao ? Lòng i-quốc nồng nhiệt đã không kén Y-Đăng Bắc-Văn mà sở-trường hiếu biết cũng không nhường ai thế mà chí bình-sanh không sao đạt được. Những đề nghị của Y-đăng đã được nhiều đồng chí ủng hộ và được vua Minh-Trí chấp thuận và thi hành. Còn những điều-trần của Nguyễn iên sinh đã gặp bao nhiêu chổng dối, nên dù có được vua Tự-Đức đê ý, cũng không được thi hành đầy đủ. Y-đăng đã gặp tri kỷ nên đã

thành công. Nguyễn iên sinh thì như đã kêu gào trong sa mạc nên bao nhiêu sở nguyện đều như những giòng nước trời qua. Có lúc được dùng phong chỉ dùng trong chức-vụ tầm-thường và một cách quá đe-dặt thì làm sao iên-sinh thi-hành được những nguyện-vọng cao-xa !

Cho nên người có tài cũng phải gặp được người biết dùng tài mới thỏa được chí bình-sanh. Nguyễn Trường-Tộ không đem được tài năng minh phụng-sự tồ-quốc, lối ấy ở người có trách-nhiệm cầm-vận nước, hơn là ở iên sinh. Buồn vì ván nước, quá chán, nản vì thái độ của Triều-dinh, iên sinh lại chỉ là một nhà nho yếu ốm, nên chẳng bao lâu bị bệnh nặng và lúc chết (1871), chỉ thọ được 41 tuổi.

iên-sinh chết, chắc thời nhân cũng chẳng luyến tiếc bao nhiêu, nhưng kẻ hậu sinh như chúng ta, ai đã đọc được những bài Điều-trần đây tâm huyết của iên sinh để lại cũng không khỏi đau đớn cho iên sinh và buồn tủi cho ván nước. Tài iên sinh bị mai một, và nước nhà bị diệu linh, chỉ tại Tự-Đức không phải là Lưu-Bang, không phải là Nguyễn-Huệ !

ĐÀO-ĐĂNG-VÝ

Ý VÀ VIỆC ★ Ý VÀ VIỆC

(TIẾP THEO TRANG 2)

không phải về phía làng báo chúng ta !

Vì ở ngay thủ đô Pháp, người ta có thể kêu một cú điện thoại cho cơ quan thăm quyền là biết tên, công tử-làng chơi. Bảo Đại có ra khỏi lãnh thổ Pháp một lúc nào kl.ông hay vẫn là cà hết sòng bạc này đến hộp đêm khác. Hay là 2 tờ báo ở Saigon sẽ cãi lại : Bảo-Đại có ra Hà-Nội thật và đó là « tin riêng của bốn báo » và trong bí mật nhà nghè, bốn báo không thể minh chứng người tin ấy ở đâu ra.

Xin độc giả Âu-Mỹ cứ tin chúng tôi đi. Cái tên bù nhia Bảo-Đại sanh ra ở cái nước lầm « ô g đạo » này, biết đâu lại chẳng có phép tàng hình và tài xuất quỷ nhập thần, trong chớp

mắt là có thể biến ra Hà-nội rồi lại trong chớp mắt trở về Bù-lê, không cần xin giấy tờ xuất ngoại cùi một chánh phủ đã sẵn lòng chứa chấp y.

Dùng chữ « affabulation », báo « Le Monde » hấn ý muốn vi chúng ta... ngang hàng với một nhà thơ ngụ ngôn của văn học cổ điển Pháp đấy ! Ai mà không biết câu truyện ngụ ngôn « Đứa nhỏ bị chó sói vồ ».

Áp dụng vào một trường hợp cụ thể : Bên cạnh tìn Bảo-Đại về Hà-nội, làng báo ta cũng đăng đầy tin thành niêna nam nữ Việt Nam hăng hái lòng quân, và chiến sỹ từ chiến thắng ở Đồng Tháp. E có người sẽ đặt câu hỏi : Có thật không hay lại như câu truyện ngụ ngôn về Bảo-Đại ?

BÚT-NHỌN

MỖI NGÀY NÊN ĐỌC :

NHẬT BÁO

Cách - Mạng Quốc - Gia

Chủ-nhiệm : ĐỖ-LA-LAM

BÌNH-LUẬN ĐÚNG — TIN TỨC CHÂN XÁC

Tòa-soạn 5, 7, 9 Ngõ-đúc-Kế

SAIGON

Kế-hoạch gây nhân-tài

(Tiếp theo trang 19)

Tức như Viện dục-anh, sẽ đem dạy chữ Tây, nghề Tây. Lại đem cả chữ Nam, nghề Nam cùng dạy dỗ nữa, không có chi trái ngược cả. Trái cũng như gái đều vào học, cho tới lúc trưởng thành.

Và những hởi khác, cũng làm như vậy.

Triều đình là cha mẹ của thứ dân. Phim việc gì có ích cho con cái mà có thể lấy được, thì chẳng kẽ xa, gần, kia, kia, đều phải lập cách lấy về cho gia đình mới là phải.

Hoặc giả có thể cho lập lại mỗi tỉnh một viện mà đê vi Giám-mục đứng cai quản cho.

Tôi sở dĩ nài xin trù liệu về các dục-anh-dưỡng, là vì nó có ích thực lớn lao cho trẻ nhỏ.

*

Các điều trên đây, là tôi chỉ xin lựa chọn những sự kiện tần thường mà dè làm, đưa tới nhiều tác dụng lén về sau này.

Đó mới chỉ là tóm tắt những điểm chính, còn các mục nhỏ nhất thì chưa trình bày rõ ràng được (muôn việc hời ra, phải tới trên 5,600 trang giấy).

Nếu triều đình cần lấy đê mục nào, tôi sẽ xin trình bày đây dù rõ rệt. Tức như một khoản thời vẫn về chính sự, đã quá nhiều phiền phức, mà lại có thể thay đổi dần dần được.

Riêng điều này là cần kíp, là quan trọng. Còn như những công trình lớn, như Cờ-xanh lớn, sau này sẽ từ từ cử hành một hai việc đê xướng xuất cho dân chúng.

Đặc phim những cái ua, ghét, chọa, bù, của kè dưới, đều là do ở sự thường, phạt, khen, răn, của người trên. Những cái mà dân chúng tranh dành, chỉ tại bối cảnh trên qui trọng mà ra vậy.

Thế mà lúc này điều ta lấy làm quí, là « Nhỏ ». Mì chô coi làm quí của « Nhỏ » là « Đa văn ».

Nếu nài biết đem cái công khó đê học thành « da văn » mà làm kiêm luôn cả những chỗ phú quí khác nhau hàng ngàn vạn của tạo vật, thì chả quí cũng sẽ rất nhiều. Bởi vì vật thường chia loài nào ra thứ này. Mỗi thứ đều có chỗ kỳ diệu đáng quí, nên gọi là mỗi vật đều có mặt thái cực vậy.

Nếu biết chia mòn, phân loại mì học, thì trong một nước sẽ có được nhiều cái đêing quí, chẳng hạn chỉ có đặc mít cái đêing quí bay sao ?

Than ôi, tính tình con người ta, mỗi người một khác ! Mỗi người đều có chỗ sở trường đê đáp ứng với sự vật. Nay ta chỉ dùng đêc một sở trường này, thì phàm khi cần biến ra sở trường khác, làm sao mong đắc lực đêc.

Tóm lại mà xem, thì Tây phương họ biết tùy theo tính chất con người, đê bắt chước chỗ thực sự da phương của Tạo vật, mà đê đường tính tinh, quy về đạo đức. Chả nên đêa họ cũng có đêroc nhiều thành tựu đê ứng dụng với cả trăm chiêu.

Mà ta thì chỉ biết quí trọng duy một hang « sít » bởi vậy dân chúng cũng lấy « sít » báo lại.

Già như bấy giờ đêa chảong biết rõ dryc rằng triều đình còn kiêm lấy cả chỗ « Đa nghề » làm quí, thì với thời gian chẳng mấy năm, họ sẽ lại cũng tranh đêon nhau đem cùi tui « da nghề » mì chô đêaz nơi cửa khuyết vậy ?

Xin kính bần

— Hiệp-Tá Đô-học-si lánh Bình bộ thương thư, sung Cơ-Mật Viện Đại-tham, chưởng Khâm Thiên-Giám sự vụ, kiêm quan thương Bộ đại nhán.

— HIGH-BỘ THƯƠNG THƯ KIỂM LÊ-BỘ THƯƠNG THƯ ĐẠI NHÂN.

— LAI BỘ THƯƠNG THƯ, KIỂM CÔNG-BỘ THƯƠNG THƯ ĐẠI NHÂN,

— HỘ BỘ THƯƠNG THƯ ĐẠI NHÂN.
Lượng xé.



HUẾ

Nơi đây Huế, phết nốt ngàn vẻ đẹp
Của sông Hương, êm-â... nết mờ màng...
Của thuyền-nan cát mài gợn trăng vàng
Của đình Ngự mỹ-miều sương lóng-lánh

Của Thiên-mụ, chuông chìa ngàn lanh-lanh...
Của Tho-xương, xao-xác tiếng canh gà
Của Trường-Tiền sáu nhịp kẽ Đồng-ba.
Của Lặng-lầm, uy-hùng nhưng tráng-lệ.

Tôi nhớ Huế, không phải vì gái Huế,
Vóc thanh-thanh, chèc nón lá nghiêng-nghiêng...
Tóc chấm oai đượm vẻ đẹp u-huyền.
Làn môi thắm, nở nụ cười cung thắm.

Tôi nhớ Huế không phải vì nắng ấm.
Hay mưa xuân lâm-dâm đầm trời xanh.
Hay danh-lam thắng-cảnh của nọi thành.
Hoặc di-tích đất Thân-Kinh cõ-kính.

Tôi nhớ Huế là luôn luôn sùng-kính,
Nhưng anh-hùng tuấn-kết của non-sông.
Đã đêm tài thao-lược cứu giồng-giồng,
Ra khói ách nô-vong bao thế-kỷ...

Nhung luối kẽm tung bay ngoài chiến-lũy,
Khắp trời Nam hoa gấm diệt quân thù.
Mùa hồng tươi rửa sạch hận thiên-thu.
Nát xương trăng xây nên đài tự-chủ.

Nhung chưa vẹn trên con đường nghĩa-uy...
Mà hôm qua ôm hận xuống thuyền-đài...
Mà hôm nay Lặng-lầm hãy còn đây.
Hương khói quyện theo mây ngàn giờ nát...

Xưa dang-dở, giờ còn ai đeo đuô!...
Theo đường dì lối bước phù chong gal.
Hay phoi-phá theo tháng lạnh năm dài,
Cho túi nhục một đời trại thế-hệ...

Nay nhân dạo dừng chân nơi đất Huế...
Đặng hồn thơ, Tôi với dại vẫn thơ.
Lúc đêm khuya, sêng-vâng tiếng chuông thờ,
Đè lặng bạn phương trời làm kỷ-niệm.

BẠCH-HUẾ-HOA

Gửi Phạm-dinh-Tân

Tiếp Tuần báo do anh gửi đến.
Vài dòng thơ cảm mến thiết tha.
Nhớ hôm chung nhấp hương trà,
Nay ngồi tĩnh lại thoát da hai năm.
Hai năm ấy duyên văn càng thắm,
Tình yêu nhau bao quản xa xôi.
Cảm anh ngọt bút thiên tài,
Cảm anh chung thủy một lời thủy chung.
Bày giờ nói việc mừng chuyên mới,
Con anh rày tới cuối hai năm.
Gần xa da nỗi tiếng lầm,
Nhờ anh công khó lo chăm mỗi ngày.
Đuốc soi nén vắng lai khắp cõi,
Chuông reo lòng vang dội đó đây.
Con anh tươi tỉnh mặt mày,
Chắc anh quên hết những ngày gian lao!
Nhìn thêm vẻ hồng hào duyên danh,
Áo xinh xinh nhưng mảnh đó thôi!
Phen này kinh tế có oui,
Anh cho nó bận đậm mùi chút dị!
Lòng thì chẳng có gì chỉ trích,
Càng nhiệt tâm giúp ích đồng bào.
Một vùng trăng sáng treo cao!
Giang sơn hoa gấm biết bao nhiêu tình!

NGÔ-GANH

Huế, ngày 11 tháng 11 năm 1961.

Phóng họa phúc đáp

Báo gửi dì tướng chừng chưa đến,
Thứ sớm về nồng mến thiết tha.
Thời gian chẳng được hương trà.
Nhưng tình thâm ái đậm-dà bao năm!
Vì duyên-nợ nên văn càng thắm.
Trót kiếp tần cảng lầm ương tai.
Phận hèn đâu nói tri, tài,
Mặt đời gói ghém trong lời thủy chung!
Chuyện báo chí bạn mừng đồi mới,
Tôi hăng lo nghĩ tới tháng năm...
Khi gieo giống tướng chìm tăm,
Phúc nhà morg đợi người chăm nom cùng.
Mùa đầu chẳng tung bừng khắp cõi,
Cũng ánh vàng vang dội nơi đây;
Gọi là nở mắt tỏ mày,
Cho non nước cũ quên ngày gian-lao!
Đâu giám tướng kiệt hào vẻ hanh!
Đâu giám thêu thầm mảnh áo thôi!
Nay đầu lòng chửa toàn vui,
Ôn trên đùm bọc đôi mùi thơm xinh.
Bạn xa xôi thương tình không trách,
Lại thêm lời khuyễn khích, hô hào.
Lòng son : sêng núi, trời cao,
Hãy xin chúng glâm cho bao nhiêu tình!

PHẠM-DINH-TÂN

Saigon, 16.II.1961

Văn đàn

TUỔI TRẺ

NGƯỜI TIỀU-PHU với CON BẠCH-TRĨ

Truyện cổ-lịch Triều-Tiên
do QUÂN-TƯỞNG-VỊ thuật

NGÀY xưa, có một người tiêu-phu sống rất thanh bạch. Hàng ngày bác chỉ biết vào rừng kiếm củi khô mang ra chợ đổi lấy gạo và thức ăn. Anh em bạn muốn dạy cho bác cách gài bẫy để bắt các loài cầm thú hay thả lờ để bắt cá, nhưng bác cho thế là thất đức, nhất định không chịu làm theo.

Một buổi trưa, đang nằm nghỉ trong rừng sâu, bỗng bác chủ ý đến một con bạch trĩ đậu trên cành cây gần đấy. Bác thấy tự nhiên nó ngừng gáy, xong toàn thân nó run bật lên, hai mắt nó đờ lại, miệng nó thốt ra một tiếng kêu não nùng, rồi rơi đều bịch một cái xuống đất... trước mồm con rắn lớn! Thị ra con rắn đã thôi-miên con trĩ và sắp-sứa nuốt miếng mồi ngon lành vào bụng.

Nhanh như chớp, cành tre dang ở trên tay bác tiêu-phu đã vụt xuống, và con rắn, bị một roi trúng vào giữa đầu, đã lắn ngay vào trong bụi cây bên cạnh...

Bác đỡ con chim lên, hà hơi vào đầu nó, hai tay bưng lấy nó như muốn truyền hết nhiệt độ sang thân mình nó... Chẳng bao lâu, con chim đã hồi tỉnh. Bác bèn dắt chim đậu lên cành cây và không quên chúc nó đủ sức bay

xa, để tránh khỏi nanh vuốt của mọi thú dữ. Con bạch-trĩ cất cánh bay bổng lên trời, lượn quanh trên đầu bác mấy vòng như tỏ vẻ cảm ơn rồi chọn ngọn cây cao nhất đậu xuống nghỉ.

Bỗng bác nghe thấy tiếng người rên rỉ ở lùm cây bên tay phải. Bác vội vã chạy đến chỗ ấy, và xiết bao kinh ngạc khi thấy một người đàn bà trẻ đẹp dang lẵn lộn trên cỏ. Bác tiêu-phu ngần người ra, đứng sững lại không biết phải nói gì nữa. Mỹ nhân cất tiếng thở thở nói rằng: « Em bị lạc vào rừng... nay bỗng dừng lại bị cảm mạo, đầu đau như búa bỗ, không còn thể đứng lên được; xin chàng hãy làm ơn dù em đến cái tháp ở trước mặt kia để em vào nghỉ tạm trong ấy. »

Bác tiêu-phu làm theo lời người đẹp. Khi vào đến trong tháp, bác bỗng rùng mình vì mùi hôi-hám, và có cảm giác là đang ôm một khúc cây lạnh buốt ngoài có đầy những vảy cứng sắc bao bọc. Bác vội lâm nhầm đọc mấy câu kinh Phật mà xưa kia thân-mẫu bác từng dạy bác để trấn tĩnh nỗi lo sợ hay đàm áp dục vọng...

Khi đã hoàn hồn, bác định thần nhìn kỹ lại. Thị ra người

đẹp kia chính là con rắn hổ này đã biến hình đòi dạng cốt dê dân dụ bác vào cái tháp hoang này để hâm hại bác. Bác vùng chạy ra, nhưng cửa tháp đã bị lắp tự bao giờ.

Con rắn ở phía ngoài, cười ngạo nghễ và nói:

« Nay không còn ai cứu nỗi người ra thoát khỏi! Ta chờ đến sáng mai, khi họ hàng thân thích của ta đến đầy đủ, sẽ mang người ra làm thịt tế thần... Người cứ việc cầu nguyện! Cầu làm sao cho đến đúng nửa đêm nay, cái chuông chùa ở phía bắc kia tự nhiên đồng lên, thì ta sẽ thả người ra! »

Bác tiêu-phu chẳng lạ gì việc ngôi chùa ấy đã bị bỏ hoang đến gần nửa thế kỷ rồi; cái chuông treo lơ lửng trên cao không biết còn được nguyên vẹn nữa không, còn kêu nữa không... chắc cả đến bà thản mẫu của bác, trong cả đời bà cũng chưa hề được nghe thấy chuông ấy kêu bao giờ... Nhưng bác không hết niềm tin tưởng và cứ cầu nguyện...

Đến đúng nửa đêm, chuông chùa tự nhiên dội lên từng hồi, tiếng ngân lanh lanh khiến cho các loài thú dữ đều nháo nhác hoảng sợ.

Con rắn thất kinh vội vã biến đi ngay; ngôi tháp cũng tự nhiên tan ra thành khói... Bác tiêu-phu khoan khoái hit khi trời trong sạch, rồi ba chân bốn cẳng chạy thật mau về hướng ngôi chùa, với ý định gặp cho được người nào đã tình cờ rung chuông cứu bác và để tạ ơn vị này.

Vào đến trong chùa, bác nhìn quanh không thấy ai: bác bèn leo lên tháp chuông đó nhìn ra từ phía... Ở một góc chuông, bác đã trông thấy một đám máu hắt còn tươi... Lần theo giọt máu đang nhỏ xuống đất bác tiêu-phu thấy thi thể con bạch trĩ nằm co quắp trên đám cỏ khô...

GIẢI TRÍ KHOA HỌC

Chiếu bóng bằng tay

H. DUY-VIỆT phụ trách

Chiếu bóng bằng tay

MÔI khi các em đi xem chiếu bóng, thời kỳ phôi thai là thế nào không? Rất sơ sài: dùng những hình cắt đem chiếu vào tường. Nhưng nay các em dùng hai bàn tay cũng có thể chiếu bóng được. Tôi đến, các em đứng trước đèn sáng lấy tay cù làm theo bản vẽ sau đây các em sẽ được xem hình con ngỗng, nom rất ngoạn mục.

Trong lúc nhàn rỗi, anh em tôi đến trò truyện rồi lại xem



chớp bóng không mất tiền thì thật là thú!

Các em thử làm mà xem, kỳ này chiếu hình con ngỗng, sau sẽ mách em chiếu hình giống vật khác mà coi.

Cũng như Staline

MUSSOLINI không được mồ yên mả đẹp!

CÂU chuyện Cắt-Xếp « duỗi » xác chết của Staline ra khỏi công trường đỗ, đã làm xôn-xao dư-luận thế giới và bị coi như là một cuộc đào mồ cuộc mả.

Có điều trùng-diệp hơi lạ là một yến nhân khác trong trận Thế chiến thứ nhì, nhà độc tài Ý phát-xít là Mussolini cũng không được yên mồ mả sau khi chết. Nguyên lí sau khi chế độ bị sụp đổ ở Ý, Mussolini bị bắt và kết án tử hình.

Lúc hành hình xong rồi, nhà chức trách cho an táng bí mật ở nghĩa địa thành phố Milan, để giấu những bộ hạ cuồng tín của đảng phát-xít. Ai ngờ, đám này hay được chỗ chôn cũ, bèn đào mồ lén, ăn trộm từ-thi-demi giấu đi nơi khác. Việc này xảy ra mùa hè năm 1946 và do nghị sĩ D. Lecissi tờ chúc. Ông này là một yếu-nhân Phong-trào Xã-hội Ý, một chính đảng trung thành với Mussolini. Lấy trộm rồi họ bọc từ thi nhà độc tài trong một tấm vải dày bô vào một cái rương lớn, rồi đưa lên chiếc xe ca-mi-ông chuyền đi nơi khác.

Song nghị sĩ Lecissi biết rằng một đồng chí của ông bị một cảnh sát bắt và việc ăn trộm từ-thi đã bại lộ, bọn ông đang bị theo dõi. Ông liền bảo chiếc xe trú ẩn trong một nhà xe ở Madesimo.

Một đêm, ông đến gõ cửa nhà tu kia ở Milan và yêu cầu cha Pasini cho một chỗ để chôn cất Mussolini. Sau khi thảo luận với bê trên, cha Pasini chấp nhận lời yêu cầu và định sẽ cho an táng ở nghĩa địa Parie.

Nhưng cảnh binh theo dõi đã đến kịp nhà tu để can-thiệp, dời lại các xác chết.

Cha Pasini ưng thuận trả lại song buộc nhà cầm quyền phải cho Mussolini một nơi an-táng đáng hoàng.

Chánh phủ Ý lại đem từ-thi ấy giấu ở một nơi an-táng bí mật. Mãi vài năm sau bà vợ góa của nhà độc tài Ý mới xin được xác chồng đem về chôn tại nghĩa địa gia đình ở Predapio.

Cho hay số kiếp những tên độc-tài khát máu giống nhau cả đến... cái mồ! Ta hãy chờ coi số phận dành cho mà Kút-kép—không lâu nữa đâu!

MỒ NGÀY NỀN ĐỌC NHẬT BÁO Lê-Sống

Để hiểu rõ tin tức Quốc-te và Quốc-nội cùng nhiều tài liệu giá-trị khác.

Chủ-nhiệm: NGÔ-CÔNG-MINH

Tòa-soạn 66 đại-lộ Nguyễn-Huệ,

SAIGON

VÒNG QUANH THẾ GIỚI

(Tiếp theo trang 31)

Trong khi đó vụ thả bom 50 mè ga tên của Nga vẫn tiếp tục gây những làn sóng phẫn nộ ở khắp thế giới ngoài bức màn sắt. Ủy Hội chính trị Liên Hiệp Quốc đã chấp thuận một dự quyết của các nước Á Phi yêu cầu các cường quốc ngừng thử bom. Dự quyết này rõ rệt là nhằm đả kích Nga một cách gián tiếp và do đó người ta thấy thái độ của các nước mệnh danh là trung lập đã có chút thay đổi đối với chính sách đe dọa nguyên tử của Nga.

Algérie quốc tế hóa và Congo lật xộn

Tại Pháp chính phủ de Gaulle bị bối rối vì vụ tuyệt thực của các tù binh Algérie, trong khi các nước Á Phi mở cuộc tấn công bằng ngoại giao và ở Liên Hiệp Quốc đề buộc Pháp mau giải quyết cuộc xung đột ở Algérie đã bước sang năm thứ 8. Người ta có cảm tưởng vấn đề Algérie đã bắt đầu được quốc tế hóa và đó là một thắng lợi của phe kháng chiến tranh đấu giành độc lập.

Vấn đề Congo lại bắt đầu sôi nổi trở lại với vụ xung đột giữa Katanga và Chính phủ trung ương trong khi Liên Hiệp Quốc cố gắng giữ trật tự và an ninh. Song le, chính các nhân viên L.H.Q. lại thường là nạn nhân: 13 phi công Ý phục vụ cho L.H.Q. đã bị quân đội Congo hạ sát dã man. Đồng thời người ta tố cáo Thủ tướng Tshombé đã nhúng tay vào vụ hạ sát Lununba trước đây.

Tranh chấp Nga-Tàu

Về phía Cộng-sản, mặc dầu đại hội thứ 22 của đảng Cộng sản Nga đã chấm dứt, nhưng di âm vẫn còn! Khrushev đã đặc thắng trong việc hạ bệ Staline lần nữa và công cuộc tảo thanh các di tích của Staline tiếp diễn ở khắp nước Nga sau khi thi hài ướp khô của Staline bị đưa ra khỏi nhà mồ danh dự ở Công trường Đỏ.

Tuy nhiên vụ Albania vẫn còn gây cho Khrushev nhiều khó dễ. Trung-Cộng cương quyết bênh vực Albania và có lẽ bênh vực cả phe « chống đảng » của Molotov chống lại Khrushev. Trong cuộc tranh chấp này mà người ta coi là một sự dạn nứt trầm trọng của khối Cộng, phe Trung-Cộng có vẻ đã đặc thắng ở hiệp đầu: Bắc Việt và Bắc Hàn công khai ngả theo Trung Cộng bênh vực Albania.

Tuy nhiên người ta tin cuộc tranh chấp trong nội bộ Cộng sản còn gay go và sẽ gây ra nhiều hậu quả quan trọng đối với cục diện thế giới.

* * Những KỲ QUAN trên thế-giới * *

Kỳ quan tại Trung-Quốc xưa : Vạn-Lý Trường-Thành

(Tiếp theo)

THƯỜNG-CỐC-SƠN là một thị trấn nhỏ, có thể nói là thị trấn biên thùy của Trung-Quốc xưa. Chỉ đi qua một cõng lớn gọi là Thường-Cốc-Sơn Ấi là ra khỏi địa phận Trung-Quốc xưa dề vào nội địa nước Mông-Cổ xưa mà Vạn-Lý Trường-Thành có nhiệm vụ ngăn ra làm hai nước và giữ cho giặc Hung-Nô khỏi tràn vào Trung-Hoa.

Chúng tôi xin phép nhà đương chúc trấn thủ ở Thường-Cốc-Sơn-Ấi rồi leo thang đá lên mặt thành và thẳng tiến về phía Bắc dè iới Độc-Thạch khâu, một trấn biên thùy xa lắc xa lơ, nơi mà hàng chục vạn sinh-linh đã bị chôn vùi dưới đá, gạch của trường thành.

Đi bằng ngựa hay kiệu song loan cũng phải ba giờ mới tới nơi. Đi trên mặt của khúc Vạn Lý trường Thành nơi đây, du khách có dịp ngắm cảnh tượng hoang-vu của hai cánh đồng cỏ : Một bên là cách đồng cỏ rộng mông mênh do Vạn-lý trường-Thành bao bọc từ phía và theo tuyên truyền thì ở nơi đây xưa kia là bãi chiến-trường giữa quân Trung-Hoa với quân Hung-Nô và là mồ chôn của nửa triệu rợ Hồ bị bao vây trong mấy chục năm ! Tương-truyền rằng : « Sau mấy năm công phá các thành-trại ở phía Tây Thường-Cốc-Sơn, hai chục ngàn quân Hung Nô phá được một vài nơi của Vạn-Lý Trường-Thành đã xâm nhập nội địa rồi chiếm cứ được cả một vùng đất dài phi-nhiêu rộng trên 10 vạn dặm, gồm có các trấn ngày xưa có từ đời tam quốc là Tang-Kiền, Mã-Áp, Bạch-Đăng, Đại-Quân, Thường-Cốc.

Quân nhà Minh với tuyễn-mộ hàng triệu dân và ngày đêm xây thêm đoạn trường thành từ phía tây Tang-kiền đến phía Nam Thường-Cốc. Quân lính thì đánh nhau với giặc Hung-Nô ở tiền-tuyến, cũng ở trong Vạn-Lý Trường Thành bị chọc thủng, còn dân thì đắp lũy xây thành để bảo vệ hậu-tuyến.

Một mặt quân Tầu lại tập hậu quân Hung-Nô mà bao bọc lấy ở phía tây bắc, nghĩa là phía ngoài thành Vạn-Lý cũ, công hầm quân Hung-Nô ở

trong khoảng đất Thường-Thượng Cốc-Sơn. Sau khi đã bao vây từ phía giặc, đại đội binh mã nhà Minh mở một cuộc tấn công vũ bão rồi giết hết không còn một tên nào !

Vì lý do bảo vệ đất đai và bao vây quân địch mà quân Trung-Hoa đã kiên nhẫn xây thành dòng dài trong mấy năm trời cho nên mới có một đoạn thành kép trong Vạn-Lý Trường-Thành của vùng



Đền Kỷ-niệm ở Bắc-kinh

Bắc-Bình (Bắc-Kinh) ngày nay .. » Bây giờ, đứng trên mặt thành Vạn-Lý ở trấn Thường-Cốc-Sơn, du khách chỉ trông thấy những đồng lúa xanh tươi, cây cối xum xoe, làng mạc đồng đúc, và nếu tưởng nhớ đến truyền xưa thì mới biết đây là mồ chôn của hàng chục vạn sinh-linh và nhớ đến mấy vần thơ của Thủ-Khoa Bùi-hữu-Nghĩa khi qua viếng bãi chiến trường xưa, bãi Hà-Âm ở ranh giới Miền-Việt thuộc đất Hà-Tiên. Thơ rằng :

Mịt mịt mây đêm kéo tối đậm,
Đau lòng phong cảnh cồn Hà-Âm.
Đống xương vô định sương phao trắng,
Vũng máu oan hồn cỏ nhuộm thâm.
Gió trời (ma) dật dờ nơi chiến luỹ,
Đèn trời leo lé tám u-lâm.
Sót sa tên mượn câu thơ điếu,
Vắng vẻ bên thềm tiếng đế ngâm.

★ H. DUY-VIỆT ★

Người dẫn lện lện dọc chúng tôi mau đi dề sớm tới Độc-Thạch-Khâu và sau đó một giờ thì chúng tôi tới. Đây là một đồn gác xây trên mặt thành cũng như hàng vạn đồn gác khác ; nhưng đặc biệt là đồn gác này được xây ở trên một cái công thành rất lớn và kiên cố đúc qua một tảng đá khổng-lồ có thể nói rằng cao bằng 10 đầu người. Công việc đúc hòn đá, xây thành Vạn-lý và đồn gác ở nơi biên thùy xa xôi, hẻo lánh lạnh lùng, ở nơi thâm-sơn cùng cốc này đã làm tòn hàng ngàn hàng vạn nhân-mạng, trong số đó có cả nàng Lê-Nga và chàng Tuần-Sinh.

Tới đây, ông lão dẫn lện lện tụ tập chúng tôi ở trước cửa chòi gác nay bỏ hoang, tường rách đồ nát, cây cỏ chen nhau mọc phủ um tùm, tuy nhiên cổ tích vẫn cùng Vạn-Lý Trường-Thành thi gan cùng tể nguyệt. Ông lão chỉ vào tảng đá lớn trên xây b López và chậm rãi nói :

— Tảng đá khổng-lồ độc nhất ở vùng này mà người xưa đã dùng làm cửa ải và cây đồn canh được người đời truyền khẩu lại rằng đây là nơi đánh dấu chỗ mà hai linh-hồn của nàng Lê-Nga và chàng Tuần-Sinh đã hiện thành hai phiến đá thần-bí để cho vị Hồi-Thượng Chuyết-Công đem theo về quê quán, khi Chuyết-Công được con của Tân-Thi-Hoàng là Tân-nhị-Thế ra ân tha cho về nguyên-quán, theo lời khuyên của viên Thái-sư Chu-huệ-Lý.

Ngừng một lát, lấy bầu rượu Gia-bì ra tu một hớp, lão dẫn lện tiếp tụ: nói :

— Truyền mà lão kẽ lại đây đã được truyền tụng tài bao nhiêu thế kỷ, người Trung-Hoa đều biết, không biết nó có thực không, nhưng ai cũng tin là có, dù nó có tính cách hoang đường và huyền bí, nhưng quý vị nên nhớ là hồi Tân - Thi - Hoàng, nhưng truyền huyền-bí rùng rợn không phải là không có, nó cũng huyền bí, kỳ lạ như chính đời Tân-Thi-Hoàng !

(Xem tiếp trang 30)



Hương lúa TÌNH QUÊ

KỊCH DÀI XÃ-HỘI TÌNH-CẨM
★ CỦA ANH - TUYẾN ★

(Tiếp theo)

Xuong : Thưa Bác, xin Bác bô lối cho. Tôi thư thật với Bác, tôi thấy Cô Mùi tôi cũng thương. Nếu bác bỗng lòng thì...

Ông Tư : (vuốt râu) Chú Cập Răng nói sao? Chú nói Chú thương con Mùi...

Xuong : Dạ.

Ông Tư : Chú Cập Răng đã nghĩ kỹ chưa? Tôi e rằng với tuổi tác của chú...

Xuong : Thưa Bác, tôi cũng biết phần của tôi góa bụa. Nhưng mà tục huyền thì phải chọn nơi nào biết làm ăn mới được. Nếu Bác không chê tôi...

Ông Tư : Thời chú dè tôi suy nghĩ lại đã, phần vì con Mùi, tánh nó cũng đâu làm. Đè tôi dè ý nó ra sao dã. Tôi thì già rồi, kè ra lập gia đình cho uổ cũng phải. Nhưng chú biết, ép dầu ép mõ, ai nõi ép duyên.. Đè tôi xem ý từ nó ra sao trước dã.

Xuong : Dạ, trẫm sự nhờ Bác. Nếu Bác không chê cháu, thì chắc Cô Mùi...

Ông-Tư : Chú Cập-Răng đừng vội tin tưởng như vậy. Chú chưa biết tánh con nhò. Thời tháng tháng rồi hãy hay.

Thôi chào Cập-Răng nghe, ở chư thưa với cậu lão, bùa nǎo trâu ở không, chú cho qua bùa cho tôi một bùa.

Xuong : Dạ, được. Đè tôi sắp đặt công việc rồi tôi cho Bác hay.

Ông Tư : Ở được, thôi tôi về nghe. (ta, còn lại một mình Xuong đứng vuốt râu cười.)

(Trong hậu trường vang ra tiếng hò của Chi): Sóng sấu cá lội vô bờ.

Lại ai Ông lạy, đừng chờ uống công.

Xuong : (tr Benton) Lại thằng quỷ chùa dỏa! Xách cây thước, hậm hực chạy vào)

CẢNH IX

Một đêm trăng, bên hiên lầm lúa. Ngoài sân trăng sáng vắng vắng dưới mái hiên. Chỉ, Mão và một đám trẻ đang ngồi học.

Thái : (chỉ lên bảng đen) Chữ này là chữ I. Chữ này là chữ tờ. Các em trong kỵ đây, chữ I và chữ tờ đều có cái móc như lưỡi câu của mây em thường câu cá rò. Đây là cái móc, các em thấy rõ chưa. Nhưng chữ I thì ngắn hơn, và chữ tờ dài hơn và có cái ngang ở trên như cái đòn gánh vậy.

Nhớ không. Chữ I lại có cái chấm ở đầu, chữ tờ không có. Bởi vậy người ta nói:

I tờ có móc cả hai

I thì có chấm, tờ dài có ngang

Đâu các em lập lại coi!

(Mấy đứa trẻ lập lại)

Em Thành chữ này là chữ gì?

(có tiếng đáp, Dạ, chữ tờ)

Giỏi, sao em biết là chữ tờ?

(Tiếng đáp, dạ, tại uổ có cái gat ngang)

Giỏi, em Nhưng, chữ này là chữ gì?

(Nhưng : Dạ chữ I)

Tốt, tại sao em biết là chữ I?
(Nhưng ; dạ, vì em thấy nó có cái chấm trên đầu)

Hay lắm, thời các em tiếp tục đi.
(Lú trẻ ê a học)

Thái : (đối thuốc hút, rồi đi lại phía Chỉ). Sao, chú bé viết rồi chưa.

Chỉ : (Đưa vò cho Thái xem) Thưa Cậu, rồi a.
Thái : (cầm xem) Ủ, chữ em hôm nay đẹp lắm, em thuộc bài chưa?

Chỉ : Thưa Cậu, con thuộc từ hôm qua. Đò con đọc cho cậu nghe (khoanh tay đọc lâu lâu Công cha như núi thái-sơn.

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thà mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

Thái : Giỏi, bài này dạy đều gì! em biết không!

Chỉ : Bài này dạy chúng ta phải biết thương yêu cha mẹ, vì cha mẹ đã sanh thành dạy dỗ chúng ta.

Thái : (vò đầu Chỉ) Giỏi, em Chỉ giỏi lắm. Thời các em nghỉ, mai đến học sớm.

(Chỉ và các trẻ đứng lên chạy ra sân. Thái thong thả đi vào nhà, vừa đi vừa hút thuốc)

Mão : Trăng sáng quá, tụi bây ơi. Về chi sớm, ở đây cút bắt chơi.

Chỉ : Đừng thèm chơi cút bắt. Một lát. Tụi mình chơi thằng bờm đi.

(Lú trẻ nhao nhao : Ông phải đó, anh Chỉ làm thằng bờm).

Chỉ : Hồng thèm đâu. Tao làm Phú-ông. Con Mão làm thằng Bờm đi.

Mão : Anh này nói dễ nghe quá. Tôi là con gái làm thằng Bờm sao được. Anh làm mới đúng điệu.

Chỉ : Tao hồng làm.

Mão : Anh không làm thì tụi tôi chơi cút bắt vây. Tại anh bày đặt thì anh phải làm thằng bờm chó.

Lú Trẻ : Phải đó, anh Chỉ phải làm thằng Bờm. Không thôi tụi tôi về da.

Chỉ : Làm thì làm (cú đầu Mão) Con nhò nài, cái gì mà cũng chơi gát hòn tao. Đầu dứa nào kiếm cho tau cái quạt đi.

Mão : (Chạy vò, lấy quạt ra) Đây cái quạt đây, anh phải vò đầu cho bờm ra mới được chó. Trời, làm thằng bờm mà đầu chải láng bóng vậy sao được? (vò đầu Chỉ) Ờ coi được rồi đó (Chỉ cầm cái quạt, múa múa) Không được, mặt anh phải là ra bự một chút mới đúng điệu chó.

Chỉ : Tao mà mày bắt làm bự! Bộ tao ngu lầm sao, con nhò nài nhiều chuyện quá. Đó như vậy được chưa?

(Chỉ làm ra vẻ ngổ, cầm quạt múa múa).

Mão và lú trẻ ngồi vây quanh dưới đất và hát vú khúc :

«Thằng Bờm có cái quạt mo!»

CẢNH X

(thêm Thái và Mùi)
cố tiếng chử rợ lên sủa,

Thái : (Trong nhà đi ra) Chỉ, em ra coi ai mà chó sủa vậy em.

Chỉ : (Ngừng chơi, chạy ra la chó) Chết nghe vận! Cái gì mà sủa dữ vậy... Ủa chỉ Mài. Vô đây chỉ Mùi, vỗ hát với mấy em chó, di chó. Vui lâm.

(Mùi và Chỉ bước vào).

Thái : Cô Mùi, cô đi đâu mà có một mìn vây?

Mùi : (Bén lén) Dạ, thưa Cậu em lại đón xóm trả tiền mâm.

Quá đây nghe mấy em hát nên ghẹ lại xem...

Thái : Tôi nào chúng nó cũng tụ họp ở đây chơi. Tôi không có việc gì làm, nên dạy chúng nó cho vui. Học xong chúng nó nó dùn với nhau.

Mùi : Cậu thiệt là siêng. Ban ngày, lo việc trong diễn, tối lại còn dạy học.

Thái : Thị dạy học cũng là việc trong diễn vậy.

Mùi : Cậu từ tể quá. Em ít thấy người được như Cậu.

Thái : Tôi ở chợ, thức khuya quen rồi. Về đây không có chúng nó thải ra không biết làm gì cho đỡ buồn. Mì Cò vào nhà chơi.

Mùi : Dạ, cảm ơn Cậu, dè em đứng ngoài này cho mắt... và cúng dè xem mấy em nó hát với chó..

Thái : Tôi quên đi mất, Chỉ ơi cho vài cái ghẹ di em.

(Chỉ và Mão đếm ghẹ ra)

Cô ngồi chơi.

Chỉ : Hát với tụi em di chỉ Mùi.

Thái : Ông phải đó, Cô Mùi hát chắc là hay lắm.

Mùi : Em mà biết hát xướng gì đâu. Thằng Chỉ nó nói lão đó.

Mùi : Không có lão đâu. Cậu Hai, chỉ Mùi hát hay nhứt xóm đó. Chỉ hát với chúng em di Chỉ.

Thái : Tôi biết Cô hát hay lắm, hôm nay, qua xuống cô tôi có nghe cô hát rồi đó.

Mùi : Em hò, chớ đâu có hát. Hò thì ai mà không biết hò. Em hát dở lắm.

Thái : Ông hay giỏi gì cũng được, miễn là có giọng của Cô là được rồi.

(Lại có chó sủa, khi đứng dậy ngạc !

Cô ngồi chơi, có việc gì mà xem cô có vẻ ngạc vậy.

Mùi : (ngồi xuống) Dạ, thưa Cậu, em muốn xin phép về... (thêm Tư-Theo, Tư-Theo bung một thùng gạo vào).

Tư Theo : Dạ, kính chào Cậu hai.

Thái : À, chào chú Tư, di đâu tôi vậy?

Tư Theo : Dạ, sẵn thấy bên làm côn thức, tôi xin phép Cậu cho mượn cối giã ít cối gạo.

Thái : Tưởng gi, dở chú cũ giã đi.

Chỉ : (vỗ tay) Ông phải rồi, tụi bay ơi mới thèm người lại giả chay tư chơi. Giả chay tư anh Tư.

Tư : Có ai đâu mà giả cho dù chay tư. Thời anh giả một mình được rồi.

Mùi : Ông tôi kêu thêm mấy anh bên nhà tôi qua giả tiếp cho.

Chỉ : Ông phải đó. Mấy anh ra giả đi, rồi chỉ Mùi bắt cho nghe.

(Thêm vài ba diễn lục, họ xây cối lại dưới gốc tre, và giã gạo chay tư. Lú trẻ ngồi quay chung quanh xem và vỗ tay đánh nhịp theo. Mùi cũng nhập bọn, hát bản « Gạo trắng trăng thanh ». Dưới ánh trăng, tiếng chay đều nhịp, hòa theo tiếng hát trong trẻo gây một không khí vui vẻ nhộn nhịp)

Tư-Theo : (ngưng chay) Thời trắng rồi. Cám ơn mấy anh. Bữa nắc có giả đàng nhả, kêu tôi, tôi giả giúp cho.

(Xúc gạo ra thùng, thổi, xia phép Cậu Hai tôi về. Cô Mùi ở chơi, Chỉ, và chưa mấy thằng nhỏ.

(ra)

Mùi : Em cũng xin phép Cậu em về, khuya rồi.

Thái : Còn sớm mà. Cô ngồi chơi, đè tôi biểu Chỉ nó pha nước uống. Chỉ ơi, mở cửa

cho mấy em chúng nó về. Rồi biếu con Mão
nấu nước, châm trà mang ra đây.

Chì : Thời đi về đì lui bay, mai qua sớm
nghe (Lú trè đứng dậy, chào Thái, rồi ra.
Chì và Mão vào trong)

Thái : Cô hát hay quá, nếu Cô & Thành,
được luyện thêm giọng chắc là còn hay nữa.

Mùi : (vân vê tà áo) Cậu cứ chép em hoài.

Thái : Không tôi nói thật đó, À Chì nó
nói là Cô muốn lại học phải không?

Mùi : Dạ, đâu có, thằng nói bá láp hoài
đâu em đâu làm phiền đến Cậu.

Thái : Phiền gì mà phiền. Tôi dạy mấy đứa
đó thì tôi dạy luôn cô có hại gì đâu. Mà Cô
không biết chữ thiệt hay sao?

Mùi : Thị Cậu nghĩ coi, chúng em từ nhỏ
đã làm bạn với con trâu cái cày, có ngày giờ
đâu mà đi học.

Thái : Vậy, sao Cô biết hát, ai dạy Cô vậy?

Mùi : Có ai dạy đâu. Em nghe thiêu hâ
hát, em hát theo...

Thái : Cô thông minh quá. Nếu cô chưa
biết chữ, thì tôi tôi lại đây, tôi dạy cho.

Mùi : Em tôi dạ lầm. Sợ học không thuộc,
thầy giáo đánh chết!

Thái : Ờ, tôi dữ lầm. Ai không thuộc bài,
tôi nọc ra sân, đánh dù mười roi...

Mùi : (lè lưỡi) Thái, thôi, nếu vậy thì em
không học đâu. Em đánh chịu đốt vây.

Thái : Không, đó là lỗi với tụi thằng Chì,
con Mão, cốn đổi với Cô thì khác. Học trò
không thuộc bài, cứ việc đánh lại Ông Thầy.

Mùi : Chết, ai lại hồn thế.

Thái : Học-trò mà đẹp, thì đánh chết thày
giáo cũng không sao.

Mùi : Cậu cứ chép em, mà thôi, em lớn
chồng ngồng như vầy đi học mắc cỡ chết!

Thái : Già mà theo. Với lại có ai đâu mà
mắc cỡ. Nếu cô không chịu học chung với
tụi trẻ tôi dạy riêng cho.

Mùi : Như vậy mắt công của Cậu lầm.

Thái : Không có gì mắt công đâu, với cô
thì tôi không tiếc cái gì hết...

Mùi : Dạ, em tính lại coi, với lại em sợ
quá...

Thái : Cô sợ cái gì?

Mùi : (nhìn thẳng vào Thái) em sợ cậu quá.

Thái : (cười nhảm) Tôi đâu có ăn thịt ai bao
giờ. Bộ litchi tôi chính là dù dẫu lầm thì phải.

Mùi : (ngó xuống đất) Không phải vậy,
nhưng sao nhiều lúc Cậu nhìn em, em sợ muôn
phát run...

Thái : (phá lèn cười). Nếu vậy tôi là con vị
trùng sot rét rồi (nhìn vào mặt Mùi) Bây giờ
Cô có sao động?

Mùi : Không, bây giờ thì không run nữa.

Thái : Nếu vậy chắc không phải là vì vì
trùng rét. Với lại có rét cũng không sao. Tôi có
ký-ninh nhiều lắm.

Mùi : Ký-ninh là cái gì thưa Cậu?

Thái : Là thuốc đe trị bệnh sốt rét đó mà.

Mùi : À, nếu vậy cậu trị là của Bà Hai Sáng,
với ký-ninh. Vậy mà thằng Chì nó nói cậu Chich
chó.

Thái : Cũng tùy theo bệnh. Có lúc phải chích,
có lúc không chích được. Cô có đau lại dày tôi
trị cho.

Mùi : Cám ơn cậu, em sợ chích lắm. Với
lại, nhè trời em ít khi đau yếu. Có đau thì
thuốc chung quanh nhà đó cũng đủ dùn.

Thái : Thuốc gì. Nhà Cô có thuốc nữa sao?

Mùi : Dạ, thiểu gì, rau sam, cỏ mực, lá dì
đủ thứ.

Thái : Tôi chưa nghe ông thầy nào trị bệnh
với các thứ đó bao giờ.

Mùi : Đì kiết thì uống lá dì này. Đứt tay
thì đắp lá cỏ mực. Rau sam thì trị bá chứng.

Thái : Nếu vậy, tôi phải học thuốc với Cô
rồi... Tôi lại nhà Cô mấy lần sao không thấy
các thứ thuốc.

Mùi : Cậu có lại nhà em sao?

Thái : Tôi lại ba lần mà không lần nào gặp
Cô cả. Chắc là Cô muốn tránh tôi.

Mùi : Dạ đâu dám, em mắc công việc ngoài
đồng chớ. Từ giờ gáy em phải ra ruộng rồi.

(Bỗng lại có tiếng chó sủa, Mùi ngạc nhiên
đứng lên)

Thôi khuya quá rồi, Cậu cho em về..,

Thái : Cô ngồi chơi uống nước đã. Mão
oi, nước được chưa?

Cô có làm sao không, (cầm lấy tay Mùi)
 Tay Cô lạnh ngắt mà Cô lại run nứa....

Mùi : Dạ, không sao, nhưng mà không hiểu
sao nhiều khi nghe chó sủa vọng trong đêm
khuya, em hồi hộp quá.

Thái : Cô ở thôn quê mà nhất vây sao?
Cô sợ chó chó gì?

Mùi : Thưa không phải, em không bết sọ
cái gì hết. Nhưng những lúc đêm khuya vắng
về, nghe tiếng chó sủa ma, em buồn muốn
khóc lên được.

Thái : (lại cầm Mùi) Chắc cô có tâm sự
gì! Cô có thể nói cho tôi nghe được không.

Mùi : (Rút tay lại) Không, em có chuyện
gì đâu. Thôi em về kéo Tia em trong (dừng
dậy).

(Còn nữa)

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT - NAM

Có bán:

☆ Đường miếng mía
nguyên chất.

☆ Rượu đốt 90°

SẠCH — NGON — RẺ

ĐIỆU-KIỆN ĐẶC-BIỆT NẾU MUA NHIỀU

Xin hỏi :

CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

103, Trần-hưng-Đạo — Saigon

D.T. 24.454

Kho số 6, Bến-Vân-Đồn Khánh-Hội — Saigon D.T. 21.360

NHỮNG KỲ QUAN THẾ GIỚI

(Tiếp theo trang 27)

Mà ở nước Trung Hoa, tự cõi chí kim, nhất là trong công cuộc xây đắp cái thành Vạn lý bất hủ cũng như trong các câu truyện của nhân vật Trung-Hoa như Gia Cát-Lượng, Tào-Tháo, Đỗ-Phủ, Lý-thái-Bach v.v..., những sự tích hay phải có phần thần thoại; phần kỳ di, huyền bí thì mới có lý thú, đề ai tin tưởng là có thì ghi nhớ trong tâm khảm, và nếu không tin thì nghe rồi đề ngoài tai cũng chẳng sao ! Âu cũng là một cách thăm nhuần triết-lý Á-Đông đã phát huy từ trung tâm Vạn-Lý Trường-Thành.. với quan niệm ấy, tôi xin kè tiếp :

— Trước khi Hòa-Thượng Chuyết-Công lên đường, người đến gần gốc thành sạt đề có đôi lời từ biệt linh hồn nàng Lê-Nga và chàng Tuần-Sinh. Chuyết-Công vừa nhầm nói xong một mình đề khấn Nga-Sinh thì người giật mình vì thấy ở hai tảng đá dày trên mặt hai mộ của đôi uyên ương bất hạnh, bỗng nỗi lên tiếng khóc thồn thức ai oán.

Trong tiếng khóc thấy giọng nói nghẹn ngào của hai linh hồn, khẩn khoản van xin Hòa-Thượng cho theo về nguyên quán.

Chuyết-Công lấy lời dẫn dụ, an ủi nhưng tiếng khóc lại càng ảo náo, làm cho Chuyết-Công phải mủi lòng, không cầm được giọt lệ.

Người định bỏ đi nhưng không dàn lòng, vì tiếng khóc bi ai của hai phiến đá khiến người bước đi một bước dây dây lại dừng. Người lại ngạc nhiên khi thấy ở trên phiến đá những giọt nước bỗng dung ở trong đá tiết ra như thế hạt lệ tuôn. Trước cảnh tượng kỳ di, nào tiếng khóc nức nở sụt sùi, nào giọt nước mắt đầm đìa trên đá, Chuyết-Công không nỡ bỏ rơi hai linh hồn bị xa-dọa nơi biên cương này, nên người nói :

H. DUY-VIỆT

(Còn nữa)

NÊN ĐỌC :

NHẬT-BÁO Buổi-Sáng

Thông-tin mau lẹ. Bình-luận
sắc, đáng.

Chủ-nhiệm : TAM-MỘC

Báo quán 40 Nguyễn-An-Ninh,
SAIGON

Dưới đây là nhan đề một số sách mới xuất bản hoặc tái bản, phân chia theo loại. Nếu có thiếu sót là ngoài ý muốn của chúng tôi.

Những sách do các tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng sẽ được giới thiệu tỉ mỉ hơn.

Thơ

Đời Thúc Giả của Ưng Bình Thúc
Giả Thị Hoa duyên của Phạm-Lương

Tiểu thuyết

Tình yêu và sân khấu của Ngô Hải
Mẫu mực đêm của Thu-Vân
Hoàng Mộng Ngọc của Phi-Long

Nhạc

Trước phút xa em của Lê-Hoàng-
Long
Tiếng sáo Tao đàn của Tô Kiều
Sầu giao cung oán của Lê Bình
Phố vắng đêm mưa của Lê-Dinh

Đời ngả của Nguyễn Hữu Thiết
Kiếp tha hương của Lam Phương

Sách dịch

20.000 dặm dưới đáy biển của Jules
Verne Nguyễn-Quân dịch
Dũng sĩ Ben-nuya của Việt-An-
Thanh

Mũi tên đen của Thầm - thệ - Hà

Truyện nhi đồng

— Hoàng tử cá của Nguyễn-Hoài
— Đề của bí mật của Khái-Hưng

Sách giáo khoa

— Vạn vật học Đệ nhất của Ng.
Hoài-Minh
— Dịch và luận Anh văn của Ng.
văn-Ngải
— Rédaction của Trần thừa Dụ

Sách luật

— Hình luật giảng tập của Đàm
trung Mạc

KẾT QUẢ CÂU ĐỐ VUI

ĐĂNG TRONG VĂN-ĐÀN SỐ 2 BỘ III

CÂU ĐỐ KỲ NÀY :

“ Yêu người, ta nhắc từng ngày
Thương ta, người lại đang tay hủy
dần.

Ngày ngày mòn mỏi tắm thân ;
— Mỗi năm ta lại một lần ra đi.”

Đó các bạn biết đó là cái gì ?

Bạn nào giải đáp trúng và cắt phiếu
in dưới đây gửi về sớm hơn cả sẽ được
tặng 1 tháng báo V.D. và một cuốn thơ
Tiếng Thầm của Phạm đình Tân.

Câu hỏi phụ : Có bao nhiêu người
đự cuộc thi đố này ?

PHIẾU ĐỰ THI

Câu đố vui đăng trong V.D. số 4



Cuộc điện thế-giới trong 7 ngày

L. T. S.—*Để thay thế hai mục « Điện-Tín » và « Trước thời cuộc » từ nay mỗi tuần, bạn Việt-Khanh sẽ tống kết giùm các bạn tình hình thế giới và Việt-Nam, để tiện cho bạn đọc theo dõi thời sự...*

Tình hình nghiêm trọng ở Việt-Nam và Đông Nam Á

TRONG tuần vừa qua, vấn đề Việt-Nam trước mối hâm dọa trực tiếp của Cộng-sản đã chiếm hàng đầu của thời cuộc Thế-giới.

Sở dĩ vấn đề Việt-Nam được các quan sát viên quốc tế đặc biệt chú ý như vậy là vì người ta biết rằng Hoa-kỳ đang phải quyết định những biện pháp quan trọng, kè cả biện pháp quân sự trực tiếp để đối phó với mối họa Cộng-sản đe dọa không những miền Nam Việt Nam và Ai-lao mà cả toàn thể miền Đông Nam Á nữa.

Tổng Thống Kennedy đã nghiên cứu bản phúc-trình của tướng Taylor về tình hình ở Việt Nam và sau đó đã triệu tập Hội đồng an ninh quốc gia để thảo luận. Đồng thời Tổng Thống Mỹ cùng đã hội đàm với Tướng Nehru nhân dịp Thủ Tướng Ấn viếng thăm Hoa-thịnh-Đốn.

Người ta đã biết vai trò quan trọng của Ấn-Độ ở Đông Nam Á: Ấn-Độ là chủ tịch Ủy-hội Quốc-Tế kiềm soát Đinh chiến ở Việt-Nam và Ai-Lao và cũng là nước trung lập có uy thế nhất đối với khối Cộng-sản cũng như đối với Thế giới Tự do. Dĩ nhiên, một chính sách của Mỹ ở Á-Đông cần có sự ủng hộ, nếu không ít ra là thái độ thông cảm của Ấn-Độ.

Phản ứng quyết liệt của Hoa-Kỳ

Tuy nhiên, trong khi Hoa-Kỳ còn đang trả liệu xem biện pháp nào hữu hiệu nhất để đối phó với Cộng-Sản ở

miền Đông Nam Á, thì Cộng-Sản đã vội vã làm trước, công khai chuẩn bị cuộc xâm lăng miền Nam Việt-Nam bằng cách cho phi cơ vận tải chiến cự tới Tchépone, một địa điểm ở biên giới Ai-Lao ngay với vĩ tuyến 17 của Việt-Nam, và dùng khu vực chiếm đóng của Pathet Lào như một hành lang để tiến quân về miền Nam. Ngoài ra những tin tức không được kiểm soát cho biết nhiều sư đoàn Trung-Cộng đã tiến vào Bắc-Việt để sửa soạn một cuộc xâm lăng đại quy mô.

Trước tình thế đó, Hoa-Kỳ đã có những phản ứng quyết liệt ngay tức khắc. Nhiều chiến hạm từ cả hàng không mẫu hạm của Đệ Thất Hạm đội Mỹ đã được lệnh di chuyển từ eo bắc Đài Loan tiến tới một nơi « không được xác định » ở phía Nam Thái Bình Dương. Người ta hiểu nơi đó chỉ có thể là Nam Hải, khoảng giữa bờ biển Việt Nam và Phi Luật Tân. Đài Phát Thành Bắc Kinh vội vã tố cáo các đơn vị của Đệ Thất Hạm Đội Mỹ đã đồ bộ ở quần đảo Tây Sa, nhưng tin này không được xác nhận. Dẫu sao, những cuộc điều động lực lượng của Mỹ đã là một sự cảnh cáo rõ rệt đối với các mưu toan xâm lăng của Cộng-Sản.

Tình thế Ai-Lao khẩn trương

Trong khi đó, ở Ai-Lao tình hình mỗi lúc một khẩn trương thêm, sau khi Thủ-tướng Boun-Oum nhất quyết từ chối lời mời của Hoàng-thân Souvana Phouma mở một cuộc hội nghị Tam Hoàng nữa ở Cánh Đồng-Chum. Hoàng thân Phouma đã không thành lập nòi

chính phủ Liên-hiép Ai-Lao mặc dầu đã được Quốc-vương Savang Vatana chính thức chỉ định. Lý do là Hoàng-thân Souphanouvong lãnh tụ Pathet Lào đã tuân theo mệnh lệnh của Bắc-kinh và Hà Nội phái rối moi nỗ lực hòa giải.

Tuy nhiên tình thế bế tắc đó, cả phía Chính phủ Vạn-tượng lẫn phe Pathet Lào đều chuẩn bị quân lực. Các trận đánh lẻ tẻ đã xảy ra sau khi mùa mưa chấm dứt. Người ta e ngại những trận đánh lớn có thể bùng nổ bất cứ lúc nào ở Ai-Lao, mặc dù Ủy Hội Quốc Tế tìm mọi cách để ngăn chặn chiến tranh tái diễn.

Liên Phòng Đông Bắc Á?

Trong khi tình thế ở Đông Dương nghiêm trọng như vậy, ở Phi Luật Tân cuộc bầu cử Tổng Thống đã đem lại thắng lợi cho ông Macapagal. Tổng Thống Garcia thất cử. Sự thay đổi này không có ảnh hưởng gì quan trọng đối với quốc tế, bởi vì ông Macapagal, hiện là Phó Tổng Thống, cũng là một chiến sĩ chống cộng và được sự ủng hộ tích cực của Hoa-kỳ.

Ở Đông Kinh, sau các cuộc hội kiến giữa các ông Dean Rusk Ngoại-trưởng Mỹ và Keda thủ tướng Nhật, và cuộc hội đàm giữa tướng Pak Chung Hi. Chủ tịch Hội Đồng Cách Mạng Quân Nhân Đại hàn, người ta đồn đại rất nhiều về việc thành lập một tổ chức Liên Phòng lấy tên là Minh ước Đông Bắc Á. Tuy nhiên các giới chính thức chưa xác nhận tin này,

Bá Linh và đư âm của trái bom 50 megaton

Ở Âu Châu, vấn đề Bá Linh vẫn là trung tâm điểm của cuộc chiến tranh lạnh (nhiều khi đã hóa ám) giữa Cộng-Sản và Thế-giới Tự-do. Nhiều cuộc xung đột lẻ tẻ giữa Cảnh Binh Đông và Tây Bá Linh ở ranh giới thành phố chia đôi này, trong khi các hoạt động ngoại giao vẫn tiếp diễn để tìm một giải pháp ổn thỏa.

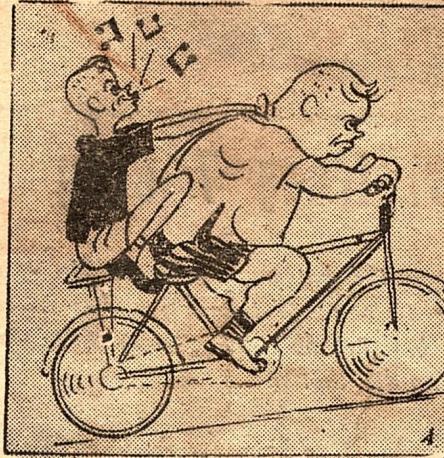
Cũng về địa hạt ngoại giao, Nga Sô vừa mưu toan uy hiếp Phần Lan và các ướt Bắc Âu, nhưng các nhà lãnh đạo của những nước này đã hội họp để tìm cách đối phó.

(Xem tiếp vở trang 26)

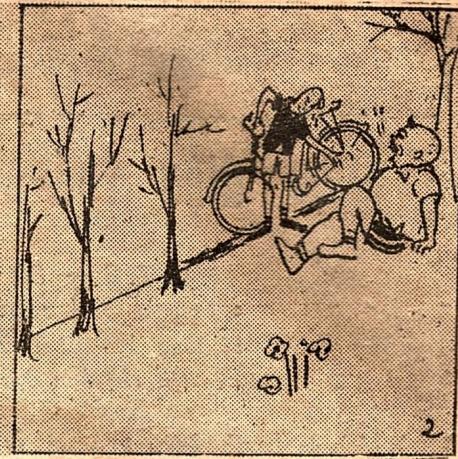
Vui trung tuần... Vui



CHÀNG : Hôm gặp em ban đầu
Anh cũng muốn tỏ tình, nhưng nghĩ
lại sợ sợ làm sao ấy !



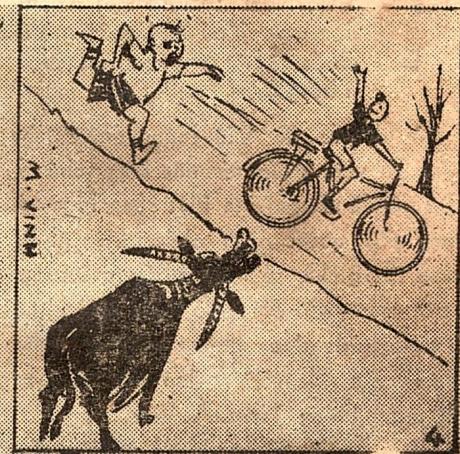
MẬP. — Tao đèo mày lượt lên
giốc, lượt xuống mày chờ
tao nghe mày.



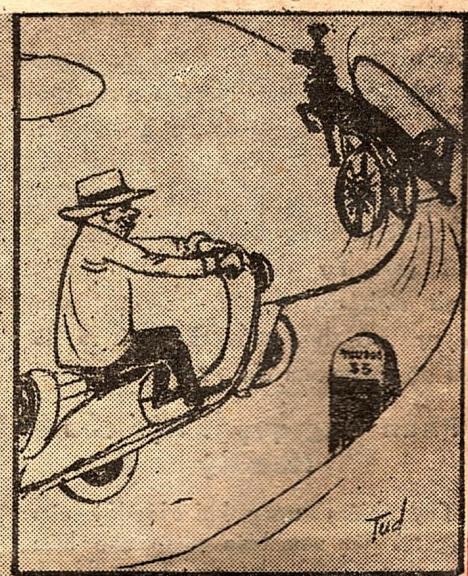
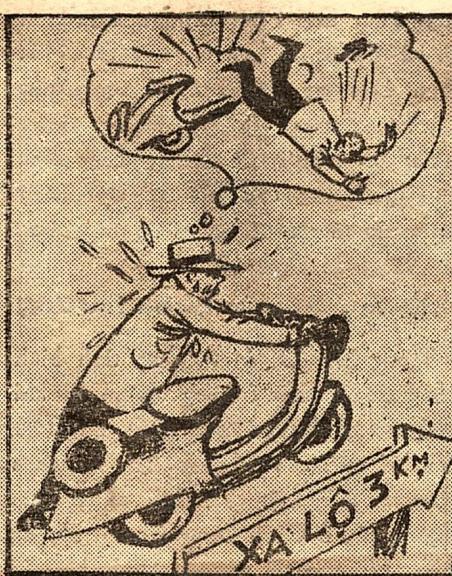
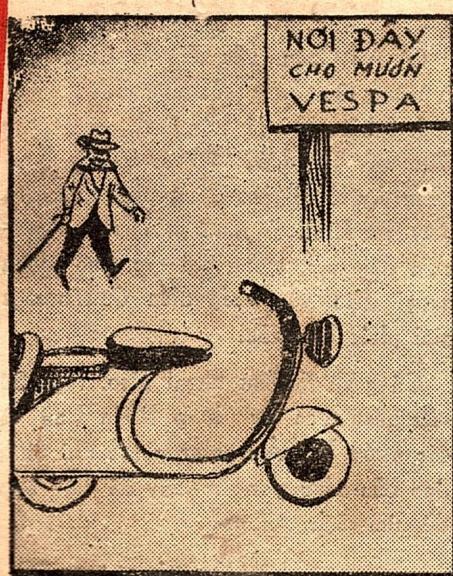
GÀY. — Mày nghỉ mệt rồi chưa,
tao đèo mày trở xuống.



MẬP. — Thôi mày ơi, sao mày
đi vòng chữ chi vậy —
nguy hiểm quá cho tao xuống
thôi.



GÀY. — Thôi mày chạy cho khỏe
nhé — và như vầy cũng đỡ
nguy hiểm nghe !



VĂN SĨ LÂM CẨM..